

Kinh-Lang-Nghiem_Q10

kinh lǎng nghiêm giảng giải

Hòa Thượng tuyên Hóa

KINH LǎNG NGHIÊM QUYỂN
10

Kinh Thủ Lǎng Nghiêm , Quyển 10 Phần 1

KINH LǎNG NGHIÊM

NĂM MƯƠI LOẠI ẨM MA

Hòa Thượng Tuyên Hóa giảng tại

Phật Giáo Giảng Đường San Francisco

California _ USA _ 1968

HÀNH ẨM

KINH LANG NGHIEM

TRẠNG THÁI TÂM LÝ TRƯỚC KHI VÀO CẢNH GIỚI HÀNH
ẨM

Kinh Văn: A-nan bỉ thiện nam tử, tu tam-ma-đề, tướng ẩn tận
giả, thị nhân bình thường, mộng tướng tiêu diệt, ngộ mị hằng
nhất. Giác minh hư tĩnh, do như tình không, vô phục thô trọng,
tiền trần ảnh sự. Quán chư thể gian, đại địa hà sơn, như cảnh
giám minh, lai vô sở niệm, quá vô tung tích, hư thọ chiếu ứng,

liều võng trần tập, duy nhất tinh chân.

Việt dịch: A-nan, thiện nam tử kia, tu pháp tam-ma-đề, tướng
ấm đã tiêu dung, mộng tướng bình thường cũng hết hẳn, ngũ
thức đồng một thể. Tính giác minh rỗng lặng như hư không,
không còn những tướng tiền trần thô trọng. Xem mọi hiện
tượng trong thế gian như sông núi đất liền, như lòng gương
sáng, ảnh hiện không dính mắc, đi không lưu lại dấu vết,
thong dong phản chiếu sự vật, sạch hết tập khí cũ, thuần nhất
chân tánh tinh anh.

Giảng: **A-nan, thiện nam tử kia, tu pháp tam-ma-đề.** Thiện nam tử nào đề cập ở đây? Chính là người đang nỗ lực trong công phu “hướng tánh nghe vào bên trong để nhận ra tự tánh của mình – phản văn văn tự tánh,” là người đang tu tập Thủ-lăng-nghiêm đại định, và chính xác ai là người này? Đơn giản là bất kỳ người nào đang tu tập chánh định. Thiện nam tử ở đây là không chỉ đề cập đến một cá nhân riêng biệt nào, cũng không phải là một danh xưng độc nhất. Nếu quý vị là người đang tu hành, thì tên gọi đó là dành cho quý vị. Nếu tôi là người đang tu hành thì danh hiệu đó dành cho tôi. Nếu cô ấy, ông ấy đang tu tập, thì nó dành cho cô ấy, bà ấy. Mọi người đều có thể nhận lấy tên gọi ấy. Đó là, các ông đều có tên gọi đó nếu tự xét mình là người có công phu tu tập. Còn nếu không tu tập thì ngược lại. Việc đó hoàn toàn hợp lý. Đó là người đang tu pháp tam-ma-đề.

Tu có nghĩa là siêng năng tọa thiền, không ăn nhiều bữa trong ngày, chủ yếu là tọa thiền, nghe giảng kinh, học Phật pháp. Tu tập điều gì? Đó là tu tập định lực. Tu tập định lực là sao? Chủ yếu là ở tọa thiền. Định lực phát sanh do việc trì giới, khi chúng ta đã thọ giới rồi, thì phải giữ giới cho tinh nghiêm, đừng bao giờ vướng vào việc dâm dục. Nam giới phải theo quy củ phép tắc của nam. Nữ phải giữ phép tắc quy củ của nữ. Như Quan Công, một danh tướng thời Tam Quốc. Ông ta trung thành với vợ mình suốt đời, ông ta không bao giờ đến gần người đàn bà khác. Các ông có thấy khuôn mặt đỏ của ông ta không? Nó chứng tỏ chất chính khí, hào hiệp nơi ông. Bây giờ quý vị đã thọ giới, tôi muốn nói với quý vị là phải giữ lòng trung thành với ý trung nhân của mình. Đừng có vướng mắc vào sự ham muốn nhiều vợ, nhiều chồng rồi tìm kiếm bạn tình khắp nơi. Đừng nên hủy phạm giới luật, nên tuân thủ mọi quy củ, hành xử một cách quang minh chính đại, chỉ có cách ấy mới đạt được định lực. Sau khi thọ giới

quý vị mới nên tu định, tu định rồi sẽ đạt được định lực, có định lực thì có được năng lực trí huệ.

Tại sao người ta bị ma gá? Nếu định lực của quý vị yếu và năng lực trí huệ không sung mãn, thì quý vị sẽ gặp ma chướng. Nếu công phu thiền định của quý vị chín muồi, quý vị sẽ chinh phục được ma quỷ.

Tướng ấm đã tiêu dung.

Trong số năm ấm: sắc, thọ, tướng, hành, thức. Tướng ấm đã bị tiêu trừ. Hành giả dụng tâm muốn giao hỷ với tướng ấm mà anh ta vừa chinh phục nó, khi đã vượt qua được tướng ấm.

Mộng tướng bình thường cũng hết hẳn.

Trong trạng thái này, hành giả vẫn ngủ, vẫn ăn nhưng không còn mơ nữa.

Khổng Tử có lần nói:

“Than ôi! Ta suy yếu rồi! Từ lâu ta không còn mộng thấy Chu Công .”

Chu Công là người bảo hộ cho Thành Vương vào đời nhà Chu. Tại sao Khổng Tử không còn mộng nữa? Có lẽ đến lúc ấy Khổng Tử đã một phần vượt qua tướng ấm rồi, tuy nhiên, do ông ta không biết được điều này, nên ông ta ngạc nhiên.

“Này, sao ta không còn mộng nữa? Ô, ta đã già rồi!”

Khổng Tử đã có chút ít trong công phu tu tập, có thể ông ta đã tiêu trừ được tướng ấm , mà không hề biết gì về việc ấy. Ông ta không hiểu nên ông ta đoán rằng do ông ta đã già yếu nên không còn mộng nữa. Một khi tướng ấm tiêu dung thì ngủ không còn mộng nữa.

Ngủ thức đồng một thể.

Nếu quý vị có đọc văn học cổ điển Trung Hoa, quý vị có thể liên hệ đến câu chuyện nhan đề “Trịnh Bá Khắc đoạn ư Yên.” Xưa Trịnh Vũ Công cưới vợ là Thần Vu Giáp , gọi là Vũ Khương. Sinh ra được hai người con: Trang Công và Cung Thúc Đoạn . Trang Công được sinh ra khi mẹ là bà Vũ Khương đang ngủ. Khi bà mẹ thức dậy, đã sinh Trang Công xong rồi. Trang Công được gọi là

“Ngủ sinh.”

Trạng thái thức ngủ như nhau có nghĩa là: Khi ngủ cũng như thế là thức. Hành giả lúc thức cũng tỉnh táo vì anh ta không điên đảo, và ngủ cũng không có mộng. Khi các ông vượt qua được tướng ấm , các ông có thể xa rời được những điên đảo, xa rời mộng tưởng và đạt được cảnh giới niết-bàn. Nếu các ông chưa tiêu dung được tướng ấm, thì cái điên đảo này khó mà tiêu trừ được. Các ông nên lưu tâm đến điều này.

Trong việc học Phật pháp của chúng ta, ngũ ấm được đề cập trong Kinh Thủ-lăng-nghiêm rất là quan trọng. Hơn thế nữa, các ông nên học cách mở sáu nút. Nếu các ông không biết những nút này, thì không bao giờ mở được và không bao giờ được tự tại. Nếu mở được sẽ có tự do.

Tính giác minh rỗng lặng như hư không, không còn những tướng tiền trần thô trọng.

Đến điểm này hành giả có thể ngủ hay thức tùy ý, nhưng theo anh ta, hai trạng thái ấy hoàn toàn giống nhau. Loại trạng thái ấy là gì? Hành giả thực sự ngủ rất ít, anh ta chỉ cần phục hồi sinh lực bằng cách chớp mắt một lát. Không như những người ngủ từ sáng đến tối và ngủ từ tối đến sáng. Lý do họ ngủ không bao giờ thấy đủ, là vì họ chưa vượt qua được tướng ấm . Anh ta thường hay ngủ lơ mơ một chút, khi anh ta vượt qua tướng ấm được rồi, anh ta trở nên rất lanh lợi và sáng suốt, thức và ngủ trở nên là một đối với anh ta. Điều này không có gì xa lạ, nếu quý vị nói chuyện khi anh ta đang ngủ, anh ta cũng nghe được hết. Đó là một trạng thái vi diệu, đừng cho rằng có thể mạ lỵ anh ta khi đang ngủ, vì anh ta biết được những gì các ông đang nói. Anh ta chỉ không để cho quý vị biết được những gì anh ta biết. Thật là cảnh giới kỳ diệu, một số chư thiên không ăn cũng không ngủ mà luôn thấy lanh lợi và tỉnh táo.

Tâm giác ngộ sáng suốt rỗng lặng như hư không. Như lời trong bài kệ:

“Vạn lý vô vân vạn lý thiên”

(Muôn dặm không mây, muôn dặm trời).

Trên bầu trời trong vắt, ánh sáng mặt trời tỏa lan đến cả ngàn

dặm chung quanh. Trong trạng thái này tâm hành giả không còn những bóng dáng của tiền trần thô trọng. Tất cả bóng dáng bên ngoài của tiền trần đều bị tiêu mất.

Xem mọi hiện tượng trong thế gian như sông núi đất liền, như lòng gương sáng, ảnh hiện không dính mắc, đi không lưu lại dấu vết,

Cảm nhận về mọi hiện tượng trong thế gian này như là tấm gương sáng. Trong đó phản chiếu tất cả sự vật, gương trở lại tướng không khi ảnh không chiếu soi nữa, nó không để lại dấu vết gì cả. Bất luận cảnh giới gì hiện ra, hành giả cũng không dính mắc vào nó, khi cảnh giới ấy đi qua thì chẳng còn dấu vết gì lưu lại. Khi ra đi nó đi một cách đơn giản, nên trong Kinh Kim Cương nói:

“Quá khứ tâm bất khả đắc. Hiện tại tâm bất khả đắc. Vị lai tâm bất khả đắc.”

Tâm quá khứ không thể nắm bắt được. Tâm hiện tại không thể nắm bắt được. Tâm vị lai không thể nắm bắt được. Ba cảnh giới ấy đều không thể nắm bắt được. Đó là lý do tại sao khi cảnh đến chẳng có gì dính mắc, khi đi chẳng lưu lại dấu vết gì.

Thông dong phản chiếu sự vật, sạch hết tập khí cũ. Hành giả sạch hết tập khí cũ như xấu xa, ác độc phá hoại. Hãy quan sát tập khí xấu của một số người. Có người chỉ thích nói về những chuyện xấu xa, điên rồ. Đó là tập khí hôi thối (xú tập khí). Có người chỉ thích nói những chuyện hèn hạ, bỉ ổi. Đó là tập khí phá hoại. Có người thường rất cống cao ngã mạn. Tóm lại, chúng ta có rất nhiều tập khí xấu, nhưng hành giả ấy đã từ bỏ tất cả những tập khí cũ ấy.

Thuần nhất chân tánh tinh anh.

Chỉ còn lại tánh chân thật tinh anh. Đó là thức thứ tám. Đến đây sáu thức trước và thức thứ bảy đã tiêu mất, bây giờ chỉ còn thức thứ tám, và nó sẽ chuyển thành Đại viên cảnh trí như chư Phật. Bây giờ hành giả đã đạt được mức độ này rồi (thức thứ tám) chớ chưa chuyển qua Đại viên cảnh trí được. Đó là ý nghĩa chỉ còn lại thuần nhất chân tánh tinh anh.

PHẠM VI HÀNH ẤM

Kinh Văn: Sanh diệt căn nguyên, tông thủ phi lộ, kiến chư thập phương, thập nhị chúng sanh, tất đàn kì loại. Tuy vị thông kì, các mệnh do tự, kiến đồng sanh cơ, do như dã mã , tập tập thanh nhiều , vi phù căn trần, cứu cánh xu huyết. Thủ tắc danh vi, hành ấm khu vũ.

Viết dịch: Căn nguyên của sinh diệt từ đó lộ ra, thấy được mười hai loại chúng sanh trong khắp mười phương, rõ hết các loài. Dù chưa thông suốt manh mối của mỗi loại, nhưng đã thấy chúng có chung một cơ sở sinh diệt, giống như sóng năng chớp nhoáng bập bênh, làm điểm then chốt để phát sinh các phù căn trần. Đây gọi là phạm vi của hành ấm

Giảng: **Căn nguyên của sinh diệt từ đó lộ ra.** Từ đây lộ bày rõ ra nguồn gốc của sự sinh diệt.

Điều này liên quan đến nguồn gốc của sự sinh ra và chết đi. Nó nằm trong loại động tướng vi tế của thức thứ bảy và thức thứ sáu. Lúc này, tướng ấm đã tiêu dung, hành giả đạt đến hành ấm . Do vậy, nguồn gốc của sự sanh diệt mới được hiển lộ.

Hành giả **thấy được toàn thể mười hai loại chúng sanh trong khắp mười phương.**

Hiểu được một cách tường tận mỗi thứ trong mười hai loại chúng sanh, bao gồm các loài sinh từ trứng (noãn sinh) cho đến loài phi vô tướng .

Dù chưa thông suốt manh mối, nguồn gốc riêng của mỗi loại, nhưng đã thấy chúng có chung một cơ sở sinh diệt, giống như sóng năng chớp nhoáng bập bênh.

Hành giả chưa hoàn toàn biết rõ nguồn gốc riêng của từng loại chúng sanh, nhưng đã nhận rõ nguồn gốc của mười hai loại chúng sanh. Căn nguyên này giống như sóng năng (dã mã). Đôi khi vào mùa xuân, quý vị có thể nhìn thấy có thứ gì đó giống như nước từ đằng xa, nhưng khi đến nơi thì chẳng có nước. Trang Tử gọi ảo giác này là dã mã. Đó là thị vi hóa về hình ảnh một đám mây bị cuộn lên theo sau đám ngựa phi nhanh. Trong Kinh Thủ-lăng-nghiêm, theo văn kinh gọi đó là “dương diệm – sóng năng.” Có nghĩa là hơi nước bốc lên từ mặt đất vào mùa

xuân, tạo thành một cảnh tượng hư ảo. Người ta cho rằng ở nơi đâu có hiện tượng này thì nơi ấy phong thủy địa lý rất tốt. Do vậy dù trong kinh Phật gọi đó là dương diệm hay dã mã cũng đều có nghĩa là ảo tưởng.

“**Chớp nhoáng** – tập tập .” Có nghĩa là có chút ít ánh sáng, lúc có lúc không, không sáng rõ.

“**Bập bênh** – thanh nhiều ” Nghĩa là: Trạng thái nhiễu loạn dao động nhẹ nhàng.

Làm điểm then chốt để phát sanh các phù căn trần.

Sáu phù căn trần là: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Tất cả các thứ ấy đều không thực, chỉ là huyễn tượng. Trong tiếng Trung Hoa, chữ then chốt được biểu tượng bằng cái chốt cửa mà người Trung Hoa dùng để đóng hay mở cửa. Ngày nay chúng ta dùng hai miếng bản lề bằng kim loại. Nhưng vào thời xưa, ở Trung Hoa cái cửa được quay nhanh một cái trục gọi là then và chốt vào lỗ để đóng lại.

Đây gọi là phạm vi của hành ấm .

CỘI GỐC CỦA HÀNH ẤM

Kinh Văn: Nhược thử thanh nhiễu, tập tập nguyên tánh, tánh tập nguyên trừng, nhất trừng nguyên tập. Như ba lan diệt, hóa vi trừng thủy. Danh hành ấm tận. Thị nhân tắc năng siêu chúng sanh trọc. Quán kì sở do, u ẩn vọng tưởng dĩ vi kì bản.

Việt dịch: Nếu cội gốc của tánh bập bênh chớp nhoáng ấy nhập vào bản chất trong lặng vốn sẵn có xưa nay, thì tập khí của hành giả sẽ lóng lạng, như sóng lặng nước yên. Đây gọi là hành ấm tiêu dung. Người ấy có thể vượt qua được chúng sanh trọc. Quán xét nguyên do cội gốc của hành ấm, chính là u ẩn vọng tưởng.

Giảng: Nếu cội gốc của tánh bập bênh chớp nhoáng ấy nhập vào bản chất trong lặng vốn sẵn có xưa nay, thì tập khí của hành giả sẽ lóng lạng. Như sóng lặng nước yên.

Bản chất của ánh sáng chớp nhoáng bập bênh này là như thế,

sau một thời gian dài nó sẽ trở về với thể tánh rỗng lặng trong suốt vốn sẵn có xưa nay. Một khi nó đã lắng xuống và trở nên trong trẻo, thì bản tánh thanh tịnh hiển bày, khi bản tánh hiển lộ thì những tập khí sẽ tiêu tan như sóng lắng xuống.

Tưởng ấm, như một dòng nước chảy xiết (bạo lưu). Trong kinh văn ở đoạn trước đã có sự so sánh ấy rồi. Bây giờ dùng sóng để ví dụ. Giống như một dòng nước chảy xiết, rất nhanh và dữ dội.

Đây gọi là hành ấm tiêu dung.

Tưởng ấm như dòng nước phun vọt ra, còn hành ấm như sóng gợn lăn tăn trên mặt nước. Đến khi chỉ còn thức ấm , thì mới hết sóng, nước lắng yên và trong veo. Đây gọi là hành ấm tiêu dung.

Hành giả có thể vượt qua được chúng sanh trước, đó là sự hỗn độn, mờ đục của thế giới chúng sanh. Quán xét nguyên do cội gốc của hành ấm , chính là uẩn vọng tưởng.

Khi quý vị tu tập đạt đến mức độ này rồi, quý vị vẫn còn có vọng tưởng, nhưng không quá lộ liễu, nó bị che khuất trong khoảng tối tăm mù mịt, không dễ dàng quán xét để biết rõ ràng tường tận thứ vọng tưởng ấy được. Loại vọng tưởng cực kỳ vi tế này là nguồn gốc của hành ấm .

10 CẢNH GIỚI CỦA HÀNH ẤM

* * *

1 – HAI LOẠI TÀ KIẾN VÔ NHÂN

Kinh Văn: A-nan đương tri, thị đắc chánh tri, xa ma tha trung, chư thiện nam tử, ngưng minh chánh tâm, thập loại thiên ma, bất đắc kì tiện. Phương đắc tinh nghiên, cùng sanh loại bản, ư bản loại trung, sanh nguyên lộ giả, quán bỉ u thanh, viên nhiều động nguyên, ư viên nguyên trung khởi kế độ giả. Thị nhân đọa nhập nhị vô nhân luận.

Việt dịch: A-nan, nên biết, các thiện nam tử ấy đã được sự nhận biết chân chính trong khi tu xa-ma-tha , chánh tâm ngưng lặng, sáng suốt, không bị quấy phá bởi mười loại thiên ma. Trong lúc nghiên cứu tinh vi cùng tột gốc của các loại

chúng sanh, khi thấy manh mối sinh diệt của các loại hiện ra, quán xét cội gốc thường chuyển động lăng xăng cùng khắp uẩn kia, trong đó lại khởi tâm so đo chấp là tính viên nguyên, thì liền rơi vào hai thứ luận vô nhân.

Giảng: A-nan, nên biết, các thiện nam tử ấy đã được sự nhận biết chân chính trong khi tu xa-ma-tha (chỉ), còn gọi là tịch tĩnh.

Chánh tâm ngưng lặng, sáng suốt, không bị quấy phá bởi mười loại thiên ma.

Tâm đã được điều phục ngưng lặng, sáng suốt. Trong định, tâm hành giả trở nên sáng suốt ngưng lặng. Không bị quấy phá bởi mười loại thiên ma. Thiên ma không có cơ hội để quấy phá hành giả.

Trong lúc nghiên cứu tinh vi cùng tột gốc của các loại chúng sanh. Bây giờ hành giả có thể có được cơ hội nghiên cứu tinh vi cùng tột cội gốc sinh diệt của mười hai loại chúng sanh.

Khi thấy manh mối sinh diệt của các loài hiện ra.

Khi hành giả vạch ra được manh mối sinh diệt của mỗi loài chúng sanh. Hành giả có thể **quán sát cội gốc thường chuyển động lăng xăng trùm khắp uẩn kia.**

Hành giả quán sát trạng thái lăng xăng mờ mịt rất khó nhận ra ấy. Trạng thái bập bênh tỏa khắp này là một sự dao động rất vi tế thuộc phạm vi thức thứ bảy.

Trong đó lại khởi tâm so đo chấp là tính viên nguyên, thì liền rơi vào hai thứ luận vô nhân.

Nhưng nếu hành giả đột nhiên bắt đầu có một sự thay đổi và bắt đầu khởi tâm so đo chấp trước vào cội nguồn trùm khắp ấy, là tự tánh xưa nay vốn tròn đầy thì liền rơi vào hai thứ luận vô nhân.

Kinh Văn: Nhất giả thị nhân kiến bản vô nhân. Hà dĩ cố? Thị nhân kí đắc, sanh cơ toàn phá. Thừa vu nhân căn, bát bách công đức, kiến bát vạn kiếp, sở hữu chúng sanh, nghiệp lưu loan hoàn, tử thử sanh bỉ. Kỳ kiến chúng sanh luân hồi kì xứ.

Bát vạn kiếp ngoại, minh vô sở quán.

Việt dịch: Một là, người ấy thấy cái gốc không có nhân. Vì sao? Vì người ấy đã hoàn toàn chuyển hóa cơ chế của sự sinh ra. Nhờ tám trăm công đức của nhãn căn, thấy được toàn bộ chúng sanh theo vòng nghiệp báo mà xoay vần trong tám vạn kiếp, chết nơi này sanh nơi kia. Thấy chúng sanh luân hồi trong đó, nhưng ngoài tám mươi ngàn kiếp thì không biết được gì.

Giảng: Luận điểm trước tiên của thuyết vô nhân là: Hành giả thấy được nguồn gốc của sự sống vốn không có nhân.

Một là, người ấy thấy cái gốc không có nhân.

Hành giả thấy rằng: Nơi nguồn gốc của toàn thể vạn vật chẳng có một nguyên nhân nào khiến một người thành người.

Vì sao? Vì người ấy đã hoàn toàn chuyển hóa cơ chế của sự sinh ra.

Nghĩa là: Anh ta đã cắt đứt được tướng ấm , còn hành ấm thì như sóng gợn lăn tăn trên mặt nước. Sau khi hành giả tiêu dung được tướng ấm rồi, là đã chuyển hóa được toàn bộ cơ chế của sinh diệt. Có nghĩa là: cơ chế sinh khởi vọng tướng đã được chuyển hóa, và hành giả không còn vọng tướng nữa. Trong đoạn kinh văn trước đã nhắc đến người sẽ không còn mộng nữa khi tiêu dung được tướng ấm, vì đã chuyển hóa được cơ chế sinh khởi vọng tướng.

Nhờ tám trăm công đức của nhãn căn, thấy được toàn bộ chúng sanh theo vòng nghiệp báo mà xoay vần trong tám vạn kiếp, chết nơi này sanh nơi kia.

Mặc dù mỗi căn có khả năng một ngàn hai trăm công đức, riêng cái dụng của nhãn căn không có năng lực toàn diện nên chỉ có tám trăm công đức. Một khi hành giả vượt qua được tướng ấm , anh ta có thể nhìn thấy những sự kiện xảy ra trong phạm vi tám vạn kiếp. Anh ta có thể thấy chúng sinh, chết nơi này sanh ở nơi kia, thấy chúng sanh luân hồi trong đó.

Dòng nghiệp tạo nên bởi chúng sanh trong thế gian này có thể ví như dòng nước hoặc như mặt biển. Anh ta có thể thấy được toàn bộ chúng sinh xoay vần trong dòng chảy đó trong thời gian

tám vạn đại kiếp, chết nơi này sinh nơi kia, đời này kế tiếp đời sau.

Thấy chúng sanh luân hồi trong đó, nhưng ngoài tám mươi ngàn kiếp thì không biết gì.

Nhưng ngoài tám vạn kiếp, những biến cố sự kiện xảy ra trong khoảng ấy thì không biết được gì.

Kinh Văn: Tiệm tác thị giải, thử đẳng thế gian thập phương chúng sinh, bát vạn kiếp lai, vô nhân tự hữu.

Việt dịch: Do vậy hành giả có kiến giải rằng, những loại chúng sanh trong mười phương thế giới này từ tám vạn kiếp trở lại, hiện hữu mà không có nguyên nhân.

Giảng: Do vậy, vì hành giả không nhìn thấy được những sự kiện xảy ra trong hơn tám vạn đại kiếp trở lại, nên có kiến giải những loại chúng sanh trong mười phương thế giới này từ tám vạn kiếp trở lại, thành chúng sanh mà không có nguyên nhân.

Tự nó làm chúng sanh, không có nhân duyên nào cả, tất cả đều tình cờ ngẫu nhiên mà sanh ra.

Kinh Văn: Do thử kế độ, vong chánh biến tri, đoạ lạc ngoại đạo, hoặc bồ-đề tánh.

Việt dịch: Do sự suy đoán này, nên mất chánh biến tri, bị lạc vào ngoại đạo, trở nên mê lầm tánh bồ-đề.

Giảng: Do sự suy đoán này. Sự phỏng đoán ấy đã lạc đường, là hướng ra bên ngoài mà suy lường. Nên hành giả đánh **mất chánh biến tri, lạc vào hàng ngoại đạo**, theo hàng ngoại đạo tà giáo. **Trở nên mê lầm tánh bồ-đề...** là tánh giác ngộ sáng suốt từ bản tâm.

Kinh Văn: Nhị giả thị nhân kiến mạt vô nhân. Hà dĩ cố? Thị nhân ư sanh, kí kiến kì căn. Tri nhân sanh nhân, ngộ điều sanh điều. Ô tông lai hắc, hộc tông lai bạch. Nhân thiên bản thụ, súc

sanh bản hoành. Bạch phi tẩy thành, hắc phi nhiễm tạo. Tòng bát vạn kiếp, vô phục cải di.

Việt dịch: Thứ hai là người ấy thấy cái ngọn là không có nguyên nhân. Tại sao? Vì đã nhận ra cội gốc sinh diệt. Biết loài người luôn luôn sanh ra người, chim luôn luôn sanh ra chim. Quạ vốn xưa nay là đen, chim hộc vốn xưa nay là trắng. Loài người, loài trời luôn luôn đứng thẳng, loài vật luôn luôn có thân nằm ngang. Sắc trắng không do rửa mà thành, mầu đen không do nhuộm mà có. Suốt tám vạn kiếp việc ấy không hề thay đổi.

Giảng: Thứ hai là người ấy thấy cái ngọn là không có nguyên nhân.

Luận điểm thứ hai là gì? Hành giả thấy chỗ tận cùng của sự sống là không có nguyên nhân.

Luận điểm thứ nhất là thấy sự sinh khởi không có nguyên nhân. Bây giờ là quan niệm về sự biến diệt, sự chấm dứt cuộc sống không có nguyên nhân.

Vì sao? Vì hành giả **đã nhận ra được cội gốc của sự sinh diệt** là sự khởi thủy của toàn bộ chúng sanh. **Biết người luôn luôn sinh ra người, chim luôn luôn sanh ra chim.** Hành giả nhận thấy rằng mình đã giác ngộ, đạt được trí huệ vĩ đại, anh ta nghĩ rằng mình biết được mọi điều. Anh ta cho rằng mình biết được điều gì? Anh ta nói: “Người rốt cục lại sanh ra người, chim rồi lại sanh làm chim.” (33)

Chim **quạ vốn xưa nay là mầu đen.** Quạ có mầu đen từ khởi thủy, nó chẳng phải do nhuộm mà có mầu đen, và **chim hộc**(ngỗng trời) **vốn xưa nay là màu trắng,** nó mang mầu trắng từ khi mới sanh ra.

Loài người, loài trời luôn luôn đứng thẳng. Loài người và chư thiên thì đi thẳng, đi bằng hai chân.

Loài vật luôn có thân nằm ngang. Súc sinh đi ngang bằng bốn chân trên mặt đất. Điều này là chính xác từ xưa nay rồi.

Sắc trắng không phải do rửa mà thành, mầu đen không phải do nhuộm mà có. Chẳng hạn như quạ có màu đen, nhưng chẳng do nhuộm mà thành đen. Cũng thế ngỗng trời có màu trắng,

chẳng phải do tẩy rửa mà thành trắng.

Suốt trong tám vạn kiếp, việc ấy không hề thay đổi.

Kinh Văn: Kim tận thử hình, diệt phục như thị. Nhi ngã bản lai, bất kiến bồ-đề, vân hà cánh hữu, thành bồ-đề sự? Dương tri kim nhật nhất thiết vật tượng, giai bản vô nhân.

Việt dịch: Cho đến hết đời này cũng như vậy. Mà ta từ xưa nay, chưa từng thấy có gì là bồ-đề, thì làm sao có chuyện thành tựu bồ-đề? Các ông ngày nay nên biết, các vật tượng hiện hữu đều không có nguyên nhân.

Giảng: Cho đến hết đời này cũng như vậy.

Người ấy có thể thấy được những hiện tượng xảy ra trong phạm vi tám vạn đại kiếp, nên nói: “Nay tôi xem xét đến cùng tận cõi đời này là cuộc sống của thân vật chất, cũng thấy như vậy, cũng giống như mọi loài chúng sanh mà nó thấy được trong tám vạn đại kiến ấy.

Mà ta từ xưa nay, chưa từng thấy có gì là bồ-đề, thì làm sao có chuyện thành tựu bồ-đề? Thân nó cũng không có nguồn gốc sanh khởi. Nó nói: “Thực vậy từ xưa đến nay, ta chưa từng thấy có gì là bồ-đề. Ta chưa từng thấy bồ-đề như thế nào? Làm sao lại có việc thành đạo bồ-đề?

Ta đã nhìn qua tám vạn đại kiếp, chưa từng thấy được bồ-đề, thế nên làm sao ta có thể tin là có người chứng được đạo bồ-đề.

Các ông ngày nay nên biết các vật tượng hiện hữu đều không có nguyên nhân.

Các hiện tượng ấy hiện hữu chẳng do bất kỳ nguyên nhân nào mà. Thực ra, anh ta chỉ có thể thấy được các hiện tượng trong phạm vi tám vạn đại kiếp. Còn những hiện tượng xảy ra ngoài thời gian đó, thì anh ta hoàn toàn không biết.

Khi Đức Phật còn tại thế, có một lão già đến tinh xá gặp Phật xin được xuất gia. Gặp khi Đức Phật đang trên đường du hóa, không có ở tinh xá. Các vị A-la-hán ở đó đều nhìn lão già. Đó là một người khoảng ngoài tám mươi tuổi, da nhăn, tóc bạc, dáng đi

lùm cùm run rẩy. Bất kỳ lúc nào có người đến tinh xá xin xuất gia, các vị A-la-hán đều quán sát những nhân duyên người ấy đã gieo trồng từ nhiều kiếp trước và quả báo mà người ấy sẽ gặt và đời sau. Nay chư vị A-la-hán quán sát những nghiệp nhân người già ấy đã gieo và thấy được trong tám vạn kiếp trước, lão già ấy không gieo trồng chút thiện căn nào cả.

Vị đại A-la-hán bảo: “Vì ông không trồng căn lành, nên không thể xuất gia được. Ông chớ nên nghĩ rằng xuất gia là dễ. Để được làm người xuất gia, các ông phải gieo trồng nhiều hạt giống bồ-đề trong đời này và những đời sau. Mặc dù ông muốn xuất gia ngay đời này, nhưng do vì ông đã không gieo nhân lành nên chúng tôi không thể nhận ông vào trong đoàn thể những người xuất gia. Tốt hơn là ông nên về nhà đi.”

Lão già nghe vậy bèn bật khóc. Ông khóc khi nghĩ về số phận kém may mắn của mình. Cũng như trong một lần trước, ông đã từng ước nguyện được xuất gia và cũng bị từ chối bởi các vị A-la-hán đệ tử Phật. Ông lão vừa đi vừa khóc, suy nghĩ: “Tốt nhất là ta nên tự tử chết cho rồi, ta nên treo cổ hoặc trảm mình chết dưới sông. Ta chẳng muốn sống để làm gì nữa!”

Vậy mà một niệm chân thành của ông đã cảm ứng đến chư Phật. Đức Phật Thích-ca Mâu-ni liền đến gặp ông và hỏi: “Tại sao ông khóc?”

Ông trả lời: “Con muốn sống đời xuất gia, nhưng Thế tôn không có ở tinh xá, các đệ tử của ngài không chấp nhận con vào Tăng đoàn. Họ nói con không gieo trồng căn lành và chẳng làm được việc gì tốt trong tám vạn kiếp vừa qua hết thảy. Nên con suy nghĩ thà chết còn hay hơn. Chẳng còn mục đích gì để sống cả.”

Đức Phật nói:

– Đừng khóc nữa! Ta sẽ giúp ông. Ta sẽ đồng ý cho ông xuất gia. Hãy theo ta về tinh xá.”

Lão già theo Đức Phật trở về tinh xá. Và được Đức Phật cho xuất gia. Tất cả những vị A-la-hán đều lấy làm khó hiểu. Họ suy nghĩ:

– Lạ thật! Đức Phật xưa nay chỉ nhận toàn những người đã gieo trồng nhiều căn lành. Tại sao ngày nay lại nhận lão già chẳng gieo trồng chút căn lành nào cả?

Đức Phật biết vậy mới bảo với họ rằng:

– Các ông là hàng A-la-hán , chỉ mới có thể biết được những việc xảy ra trong vòng tám vạn đại kiếp. Còn ngoài khoảng thời gian ấy, các ông hoàn toàn không biết được. Cách đây hơn tám vạn đại kiếp, lão già này là tiểu phu đồn củi trong rừng. Một hôm ông ấy gặp phải cọp và leo lên cây để tránh. Con cọp bắt đầu gặm gốc cây, chực muốn ăn sống nuốt tươi người tiểu phu. Người ấy quá hoảng hốt kêu lên “Nam-mô Phật.” Con cọp liền bỏ đi, khi cọp đã đi xa rồi, ông tiểu phu mới trở về nhà, thoát khỏi nạn cọp vồ.

Chỉ niệm một câu “Nam-mô Phật,” là ông ta đã gieo trồng một thiện căn trong hơn tám vạn đại kiếp trước. Đến bây giờ là lúc hạt giống ấy nảy mầm và kết trái. Đó là lý do ông lão được nhận cho xuất gia.

Đức Phật giải thích sự sự thắc mắc của các đệ tử A-la-hán như vậy.

Người ấy cho rằng các sự vật hiện hữu đều không có nguyên nhân là vì anh ta không thể biết được những hiện tượng xảy ra trong khoảng thời gian ngoài tám vạn đại kiếp ấy.

Kinh Văn: Do thử kế độ, vong chánh biến tri, đọa lạc ngoại đạo, hoặc bồ-đề tánh.

Việt dịch: Do sự suy đoán như vậy, người ấy đánh mất chánh biến tri, lạc vào ngoại đạo trở nên mê mờ tánh bồ-đề.

Giảng: Do sự suy đoán như vậy, người ấy đánh mất chánh biến tri, lạc vào ngoại đạo, trở nên mê mờ tánh bồ-đề.

Anh ta chẳng hiểu được tánh bồ-đề.

Kinh Văn: Thị tắc danh vi, đệ nhất ngoại đạo, lập vô nhân luận.

Việt dịch: Đây gọi là ngoại đạo thứ nhất, lập nên luận thuyết vô nhân.

Giảng: Ma lập nên luận thuyết, cho rằng mọi hiện tượng đều

không có nguồn gốc, hoặc không có nguyên nhân tạo ra.

2 – TÀ KIẾN CHẤP THƯỜNG

Kinh Văn: A-nan, thị tam ma trung, chư thiện nam tử, ngưng minh chánh tâm, ma bất đắc tiện. Cùng sanh loại bản, quán bỉ u thanh, thường nhiều động nguyên. Ư viên thường trung, khởi kế độ giả, thị nhân truy nhập tứ biến thường luận.

Việt dịch: A-nan, các thiện nam tử đó, trong tam-ma-đề chánh tâm đứng lặng sáng suốt, thiên ma không có cơ hội quấy phá. Trong khi quán xét sâu xa nguồn gốc sự phát sinh của muôn loài, xét cội gốc thường nhiều động lăng xăng vi tế kia. Trong đó, nếu khởi tâm chấp trước là tánh viên thường, thì sẽ rơi vào bốn luận thuyết biến thường.

Giảng: A-nan, các thiện nam tử đó, trong tam-ma-đề chánh tâm đứng lặng sáng suốt. Hành giả trong lúc thiền quán, chánh tâm đứng lặng, sáng trong. Chánh tâm của hành giả có được trí tuệ từ năng lực của thiền định. Nên **thiên ma không có cơ hội quấy phá**. Bây giờ, thiên ma không còn có thể dùng ma thuật để nhiễu loạn hành giả được nữa. Nhưng thỉnh thoảng từ trong hành ẩm lại hiện ra một loại biến hóa, khiến cho hành giả khởi vọng niệm, tà ý. Đây gọi là: “Ma sinh từ trong tâm.” Là một loại ma sinh khởi từ trong tâm của chính hành giả.

Trong khi quán sát sâu xa nguồn gốc phát sinh của muôn loài, hành giả xét cái cội gốc thường chuyển động lăng xăng uẩn kia.

Anh ta quán sát tánh chất của manh mối cực kỳ uẩn của tất cả mọi loài chúng sanh. Nơi ấy anh ta thấy được một sự lăng xăng nhiều động thường xuyên rất vi tế.

Trong đó, nếu khởi tâm chấp đó là tánh viên thường, thì sẽ rơi vào bốn luận thuyết biến thường.

Anh ta có thể sẽ phát khởi một thứ tà kiến, một loại suy lường sai lạc. Nên rơi vào bốn quan niệm biến thường. Bốn thứ luận biến thường là gì?

Kinh Văn: Nhất giả thị nhân, cùng tâm cảnh tính, nhị xứ vô nhân. Tu tập năng tri, nhị vạn kiếp trung, thập phương chúng sanh, sở hữu sanh diệt, hàm giai tuần hoàn, bất tăng tán thất, kế dĩ vi thường.

Việt dịch: Một là, người ấy nghiên cứu tột cùng tâm cảnh, cả hai đều không có nhân. Tu tập biết được trong hai muôn kiếp, chúng sanh trong mười phương trải qua xoay vần sanh diệt mà không mất hẳn, nên chấp là thường.

Giảng: Một là, người ấy nghiên cứu tột cùng tâm cảnh. Hành giả nghiên cứu tột cùng bản tánh của tâm và cảnh. Anh ta phát khởi một suy nghĩ sai lạc và kết luận rằng **cả hai** tâm và cảnh **đều không có nhân**. Đều không có cội gốc, nơi mà chúng sinh khởi.

Tu tập biết được trong hai muôn kiếp, chúng sanh trong mười phương trải qua xoay vần sanh diệt mà không mất hẳn

Nhờ có công phu tu tập, anh ta có thể biết được trong hai muôn kiếp những chúng sanh trong mười phương trải qua vòng sanh diệt vô cùng vô tận mà không dứt hẳn.

Do tu tập mà có định lực nên biết được sự sinh ra và chết đi của toàn thể các loại chúng sanh ở mười phương trong vòng hai vạn kiếp. Thấy được chúng sanh trải qua những vòng luân hồi bất tận, sanh ra rồi chết đi liên tục mãi mãi mà không bao giờ tan mất hẳn.**Nên chấp là thường.** Do vậy hành giả chấp tâm cảnh ấy là thường. Không bao giờ cải biến thay đổi cả.

Kinh Văn: Nhị giả thị nhân, cùng tứ đại nguyên, tứ tánh thường trụ. Tu tập năng tri, tứ vạn kiếp trung, thập phương chúng sanh, sở hữu sanh diệt, hàm giai thể hằng, bất tăng tán thất, kế dĩ vi thường.

Việt dịch: Hai là người ấy nghiên cứu tột cùng cội gốc của tứ đại, cho rằng tánh của nó là thường trụ. Tu tập biết được trong bốn muôn kiếp, chúng sanh trong mười phương tuy có trải qua sống chết, nhưng bản thể là thường hằng, không bao giờ tan mất, nên chấp đó là thường.

Giảng: Luận điểm thứ hai là gì? **Là người ấy nghiên cứu tốt cùng cội gốc của tứ đại, cho rằng tánh của nó là thường trụ.** Hành giả nghiên cứu tốt cùng cội gốc của tứ đại đất nước, lửa gió, kết luận tánh của nó là thường trụ.

Anh ta tuyên bố rằng: “Bản thể của đất nước gió lửa là thường còn, không thể biến hoại.” Thực ra đất nước gió lửa có được là do vọng tưởng của chúng sanh và hoàn toàn không có thể tánh. Không có thể tánh làm sao nó lại thường được? Đây là một quan niệm sai lầm.

Qua công phu **tu tập, biết được trong bốn muôn kiếp, chúng sanh trong mười phương tuy có trải qua sống chết, nhưng bản thể của chúng sanh lại thường hằng, không bao giờ tan mất.** Do vậy, **nên** hành giả **chấp** trạng thái ấy là **thường**.

Anh ta cho rằng bản chất của sanh diệt là thường hằng không biến đổi, nó không bao giờ gián đoạn. Đó là luận điểm thứ hai.

Kinh Văn: Tam giả thị nhân, cùng tận lục căn, mạt-na chấp thọ, tâm ý thức trung, bản nguyên do xứ, tánh thường hằng cố. Tu tập năng tri bát vạn kiếp trung, nhất thiết chúng sanh tuần hoàn bất thất, bản lai thường trụ. Cùng bất thất tánh, kể dĩ vi thường.

Việt dịch: Ba là, người ấy nghiên cứu cùng tốt nguyên do bản lai của lục căn, của sự chấp thủ ở thức mạt-na và của tâm ý thức, thấy bốn tánh của nó vốn thường hằng. Tu tập biết được trong tám vạn kiếp, tất cả chúng sanh xoay vần không mất, xưa nay vốn thường trụ. Nghiên cứu cùng tốt tánh không mất ấy, chấp cho là thường.

Giảng: Ba là, người ấy nghiên cứu cùng tốt nguyên do bản lai của lục căn

Người ấy nghiên cứu cùng tốt nguyên do bản lai của thức thứ sáu. Thức thứ sáu còn gọi là ý thức. Mạt-na thức còn gọi là nhiễm ô thức.

Của sự chấp thủ ở thức Mạt-na, và của tâm ý thức, tức là của thức thứ sáu và thức thứ bảy.

Thấy bốn tánh của nó vốn thường hằng. Qua công phu tu tập. Dùng công phu: “phản văn văn tự tánh.” Biết được trong tám vạn kiếp, tất cả chúng sanh trong mười phương xoay vần luân chuyển trong luân hồi không hề tan mất và không hề thay đổi, vốn xưa nay vốn thường trụ. Nghiên cứu cùng tột tánh không tan mất ấy chấp cho là thường. Không bị chi phối bởi sự thay đổi.

Kinh Văn: Tứ giả thị nhân, kí tận tướng nguyên. Sanh lí cánh vô, lưu chỉ vận chuyển, sanh diệt tướng tâm, kim dĩ vĩnh diệt. Lí trung tự nhiên thành bất sanh diệt. Nhân tâm sở độ kể dĩ vi thường.

Việt dịch: Thứ tư là người ấy đã tiêu dung được căn nguyên tướng ấm . Lý sanh khởi không còn nữa, trạng thái lưu chuyển đứng lặng xoay vần, tâm tướng sanh diệt, nay vĩnh viễn không còn. Trong lý tự nhiên, thành không sanh diệt. Do tâm niệm suy lường như thế, mà chấp cho là thường.

Giảng: Thứ tư là người ấy đã tiêu dung được căn nguyên tướng ấm .

Thứ tư là do hành giả đã tiêu dung được căn gốc của tướng ấm ,

Lý sanh khởi không còn nữa.

Một khi đã vượt qua được tướng ấm , thì cội nguồn của sự sanh khởi vọng tướng cũng không còn nữa. Hành giả có được định lực, hóa giải hết những vọng tướng từ tâm thức. Với tâm ngưng lặng sáng suốt, hành giả không còn cơ hội nuôi dưỡng vọng tướng nữa.

Trạng thái lưu chuyển đứng lặng xoay vần của hành ấm , tâm tướng—vốn là nguyên nhân của sanh diệt, nay vĩnh viễn không còn nữa.

Hành giả không còn vọng tướng nữa.

Trong lý tự nhiên, thành không sanh diệt.

Thế nên tự nhiên nghĩ rằng: Đây là trạng thái không sanh diệt. **Do tâm niệm suy lường như thế, hành giả chấp cho là thường.**

Kinh Văn: Do thử kể thường, vong chánh biến tri, đọa lạc ngoại đạo, hoặc bồ-đề tánh. Thị tắc danh vi, đệ nhị ngoại đạo, lập viên thường luận.

Việt dịch: Do suy luận chấp thường ấy, quên mất chánh biến tri, lạc vào ngoại đạo, mê mờ tánh bồ-đề. Đây là loại ngoại đạo thứ hai, lập ra thuyết viên thường.

Giảng: Do suy luận chấp thường ấy.

Do suy luận về bốn luận thuyết chấp viên thường ấy, **quên mất chánh biến tri**, hành giả bỏ mất trí huệ có được từ chánh biến tri, **lạc vào ngoại đạo, mê mờ tánh bồ-đề**.

Một khi đã rơi vào tà thuyết ngoại đạo, người ấy không thể nhận ra được tánh bồ-đề.

Đây là loại ngoại đạo thứ hai lập ra thuyết viên thường.

3 – TÀ KIẾN VỪA CHẤP THƯỜNG VỪA CHẤP ĐOẠN

Kinh Văn: Hựu tam ma trung, chư thiện nam tử, kiên ngưng chánh tâm, ma bất đắc tiện. Cùng sanh loại bản, quán bỉ u thanh, thường nhiều động nguyên, ư tự tha trung, khởi kế độ giả. Thị nhân trụ nhập, tứ diên đảo kiến, nhất phần vô thường, nhất phần thường luận.

Việt dịch: A-nan, các thiện nam tử đó, trong tam-ma-đề chánh tâm đứng lặng sáng suốt. Thiên ma không có cơ hội quấy phá. Trong khi quán xét sâu xa nguồn gốc sự phát sinh của muôn loài, quán xét cội gốc thường nhiều động lăng xăng kia, khởi tâm suy lường giữa mình và cái khác. Người ấy sẽ rơi vào bốn kiến chấp diên đảo của luận thuyết một phần vô thường, một phần thường.

Giảng: A-nan, các thiện nam tử đó, trong tam-ma-đề chánh tâm đứng lặng sáng suốt. Thiên ma không có cơ hội quấy phá.

Khi hành giả công phu đến mức đạt được định lực kiên cố có được chính tâm. Nên tà ma ngoại đạo không có cơ hội gây

chướng ngại hành giả nữa. Tuy nhiên, một loại tà ma có thể sanh khởi ngay trong tự tâm của mình.

Trong khi quán xét sâu xa nguồn gốc sự phát sinh của muôn loài, quán xét manh mối thường chuyển động lăng xăng uẩn kia. Xuất hiện trong hành ẩm ngay tại giai đoạn công phu này.

Nếu móng **khởi tâm suy lường giữa mình và cái khác**, thì hành giả **sẽ rơi vào bốn kiến chấp điên đảo của luận thuyết một phần vô thường, một phần thường.**

Say mê thích thú trong sự suy lường về giữa mình và người khác. Hành giả tạo nên một thứ ma ngay trong tâm mình và rơi vào bốn thứ kiến chấp điên đảo. Nó nói rằng: “Các pháp là thường lẫn vô thường, là sinh lẫn diệt, là động lẫn tịnh, là ô nhiễm lẫn trong sạch, là sống lẫn chết.” Nó bào chữa biện hộ cho cả hai phía. Không quyết đoán ở một phía nào cả. Nó nói: “Bên này đúng và bên kia cũng đúng.” Nó nói vạn pháp là vô thường nhưng cũng nói vạn pháp là thường. Đó là điên đảo, thiếu tính nhất quán, làm rối loạn tâm người.

Kinh Văn: Nhất giả thị nhân, quán diệu minh tâm, biến thập phương giới. Trạng nhiên dĩ vi, cứu cánh thần ngã. Tông thị tắc kế, ngã biến thập phương, ngưng minh bất động. Nhất thiết chúng sanh, ư ngã tâm trung, tự sanh tự tử. Tắc ngã tâm tánh, danh chi vi thường, bỉ sanh diệt giả, chân vô thường tánh.

Viết dịch: Một là, người ấy quán xét tâm tánh sáng suốt vi diệu khắp cùng mười phương. Cho trạng thái lặng lẽ sâu kín ấy là thần ngã rất ráo. Nên hành giả chấp cái ngã của mình thì trong lặng sáng suốt, bất động, trùm khắp mười phương. Còn các loài chúng sanh đều lưu xuất từ tâm ta, chúng tự sinh tự diệt. Vậy nên tâm tánh của ta là thường, trong khi các loài kia phải trải qua sanh diệt, nên chúng thực sự là vô thường.”

Giảng: Hành giả nói gì trong luận điểm thứ nhất này?

Một là, người ấy quán xét tâm tánh sáng suốt vi diệu khắp cùng mười phương.

Trước tiên hành giả, người đang tu đạo, quán sát tâm tánh sáng suốt, vi diệu khắp cùng mười phương. **Cho rằng trạng thái lặng**

lẽ sâu kín và thanh tịnh ấy là thần ngã rất ráo. Nên hành giả chấp “cái ngã” của mình thì trong lặng sáng suốt, bất động trùm khắp mười phương.

Tâm ta là một cảnh giới như như bất động, sung mãn định lực, đầy đủ trí huệ sáng suốt và bất động.

Nó nói: “Do vì tâm ta trùm khắp mười phương nên **tất cả các loài chúng sanh đều lưu xuất từ tâm ta, chúng nó tự sinh tự diệt** mãi không ngừng. Do **vậy tâm tánh của ta là thường**, không phải chịu sanh tử **trong khi các loài kia phải trải qua sanh diệt, nên chúng thực sự là vô thường.**”

Chúng sanh lưu xuất từ tâm ra vẫn liên tục chịu sự sanh diệt. Do vậy bản chất chúng nó phải là vô thường. Còn tâm tánh ta trùm khắp mười phương, thường hằng không biến đổi. Nhưng các loài chúng sanh trong đó phải trải qua sanh diệt, nên chẳng phải là vô thường.

Kinh Văn: Nhị giả thị nhân, bất quán chân tâm, biến quán thập phương, hằng sa quốc độ. Kiến kiếp hoại xứ, danh vi cứu cánh, vô thường chủng tánh. Kiếp bất hoại xứ, danh cứu cánh thường.

Việt dịch: Thứ hai là, người ấy không quán xét tâm mình, lại quán xét mười phương cõi nước nhiều như cát sông Hằng. Thấy có nơi đang trong kiếp hoại, cho nơi đó có tính rất ráo vô thường. Còn những nơi rất ráo thường hằng là không ở trong kiếp hoại.

Giảng: Thứ hai là, người ấy không quán xét tâm mình, lại quán xét mười phương cõi nước nhiều như cát sông Hằng.

Hành giả không quán xét nơi tâm mình, mà trên hết lại thấy tâm mình trùm khắp mười phương. Hơn nữa, hành giả nhìn ra ngoài cõi nước mười phương nhiều như cát sông Hằng.

Thấy có nơi đang trong kiếp hoại, cho nơi đó có tính rất ráo vô thường. Còn những nơi tốt ráo thường hằng là không ở trong kiếp hoại.

Anh ta thấy một thế giới nào đó đã đến kiếp hoại trong vòng

biến chuyển thành, trụ, hoại, không. Anh ta tuyên bố rằng: “Nơi ấy có tánh vô thường một cách tuyệt đối.” Còn thấy những nơi chưa đến kiếp hoại thì anh ta cho rằng nơi ấy rốt ráo thường hằng. Đó là cả hai thứ quan niệm thường và vô thường.

Kinh Văn: Tam giả thị nhân, biệt quán ngã tâm, tinh tế vi mật, do như vi trần, lưu chuyển thập phương, tánh vô di cải, năng linh thử thân tức sanh tức diệt. Kỳ bất hoại tánh, danh ngã tánh thường. Nhất thiết tử sanh, tông ngã lưu xuất, danh vô thường tánh.

Việt dịch: Thứ ba, người ấy quán sát chỉ riêng tâm mình, thấy nó rất mầu nhiệm, vi tế, giống như vi trần lưu chuyển khắp mười phương mà tánh chất không dời đổi, khiến cho thân này sinh rồi lại diệt. Nên chấp tánh không biến diệt ấy là tánh thường của mình. Còn tất cả sự sanh diệt lưu xuất từ tâm mình là tánh vô thường.

Giảng: Thứ ba, người ấy quán sát chỉ riêng tâm mình. Trong luận thuyết điên đảo thứ ba, Hành giả quán sát chỉ riêng tâm mình, **thấy nó rất mầu nhiệm vi tế.** Hành giả nghiên cứu kỹ lưỡng tâm mình trong lãnh vực vi tế, tinh mật nhất. Nhưng lãnh vực này quá vi diệu đến nỗi rất khó nhận ra. Đó là tính chất của hành ẩm . Trạng thái này giống như những loại sóng gợn lăn tăn trên mặt nước, hoặc là **giống như vi trần lưu chuyển khắp mười phương.** Liên tục trôi chảy không hề dừng nghỉ, **mà tánh chất không dời đổi,** trong khi thân này sinh rồi lại diệt. Điều ấy **khiến cho thân mạng phải trải qua vô số lần sanh tử.**

Nên chấp tánh không biến diệt trong dòng lưu chuyển liên tục ấy **là tánh thường của mình.**

Anh ta nói: “Đây là tánh thường hằng của tự tánh tôi.”

Còn tất cả các hiện tượng phải trải qua sanh diệt, lưu xuất từ tâm mình là tánh vô thường.

Anh ta nói: “Tất cả chúng sanh đều trôi trong vòng sống chết vô tận, đều lưu xuất từ bản tánh vô thường ở trong tâm ta. Nên hết thảy chúng sanh ấy đều được gọi là vô thường.

Kinh Văn: Tứ giả thị nhân, tri tướng ấm tận, kiến hành ấm lưu. Hành ấm thường lưu, kế vi thường tánh. Sắc thọ tướng đẳng, kim dĩ diệt tận, danh vi vô thường.

Việt dịch: Thứ tư, người ấy biết rằng tướng ấm đã tiêu dung, thấy hành ấm đang lưu chuyển. Chấp sự lưu chuyển liên tục của hành ấm là thường. Còn sắc ấm, thọ ấm , tướng ấm đã được tiêu dung rồi là vô thường.

Giảng: Thứ tư, người ấy biết rằng tướng ấm đã tiêu dung, hành giả biết tướng ấm đã không còn, thấy hành ấm đang lưu chuyển một cách vi tế như gợn sóng lăn tăn trên mặt nước. Trong công phu quán chiếu, hành giả **chấp sự lưu chuyển liên tục của hành ấm là thường.** Thấy sự lưu chuyển ấy liên tục không có gì thay đổi, nên kết luận: “Ồ! Tánh chất của nó chắc là thường hằng.”

Còn sắc ấm, thọ ấm , tướng ấm đã được tiêu dung rồi là vô thường.

Do vì thọ ấm , tướng ấm không còn nữa nên anh ta nghĩ chúng phải là vô thường.

Kinh Văn: Do thử kế độ, nhất phần vô thường, nhất phần thường cố, đọa lạc ngoại đạo, hoặc bồ-đề tánh. Thị tắc danh vi, đệ tam ngoại đạo, nhất phần thường luận.

Việt dịch: Do những chấp trước về một phần thường và một phần vô thường này nên người ấy rơi vào ngoại đạo, mê mờ tánh bồ-đề. Đây là thuyết ngoại đạo thứ ba chủ trương luận thuyết một phần thường.

Giảng: Do những luận thuyết sai lầm căn cứ vào chấp trước về một phần thường và một phần vô thường này nên hành giả sẽ đánh mất chánh biến tri, rơi vào ngoại đạo, thành ra mê mờ tánh Bồ-đề.

Anh ta nói: “Hiện tượng này là thường, và hiện tượng kia là vô thường.” Vì anh ta đã mang quan điểm điên đảo này rồi, và chẳng hiểu được những điều sâu kín trong lý luận ấy, nên anh ta bị lạc vào tà thuyết của ngoại đạo, và trở nên mê mờ tánh bồ-đề.

Đây là tà thuyết ngoại đạo thứ ba, chủ trương luận thuyết một phần thường, đó là luận thuyết điền đảo thứ ba mà hàng ngoại đạo chủ trương, xác quyết rằng mọi vật là một phần thường, một phần vô thường.

4 – TÀ KIẾN CHẤP CÓ

Kinh Văn: Hựu tam ma trung, chư thiện nam tử, kiên ngưng chánh tâm, ma bất đắc tiện. Cùng sanh loại bản, quán bỉ u thanh thường nhiều động nguyên, ư phần vị trung, sanh kế độ giả. Thị nhân trụ nhập, tứ hữu biên luận.

Việt dịch: Lại nữa các thiện nam tử đó, trong tam-ma-đề, chánh tâm đứng lặng sáng suốt, thiên ma không có cơ hội quấy phá. Trong khi quán xét sâu xa nguồn gốc phát sinh của muôn loài, quán xét cội gốc thường nhiều động lăng xăng kia, khởi tâm suy lường về phạm vị. Người ấy rơi vào bốn thứ luận hữu biên.

Giảng: Lại nữa các thiện nam tử đó, trong tam-ma-đề, chánh tâm ngưng lặng sáng suốt, thiên ma không có cơ hội quấy phá.

Hành giả trong lúc thiền quán , chánh tâm ngưng lặng sáng suốt, thiên ma không khuấy phá được nữa.

Điều này liên quan đến những người tu tập pháp môn phản văn văn tự tánh , đã đạt được sự viên thông của nhĩ căn. Khi hành giả vượt qua được ba ấm: sắc ấm, thọ ấm , tưởng ấm ; là đã có được định lực kiên cố và chánh tâm. Do đó thiên ma ngoại đạo không thể nhiễu loạn tâm tánh hành giả được nữa. Trong khi sắc ấm, thọ ấm chưa tiêu dung. Thiên ma có thể nhiễu loạn hành giả một cách trực tiếp. Nhưng khi hành giả đang tiêu trừ tưởng ấm, thiên ma không thể nhiễu hại bằng cách trực tiếp nữa, mà phải thông qua tưởng ấm, việc gá vào một người khác mới có thể phá hủy được định lực của hành giả. Bây giờ, tại giai đoạn chuyển hóa hành ấm , Thiên ma không còn phá hủy định lực của hành giả, cho dù nó có gá vào người khác đi nữa. Đó là ý nghĩa của chánh tâm ngưng lặng sáng suốt. Thiên ma không có dịp thuận tiện khuấy phá được nữa.

Trong khi quán xét sâu xa nguồn gốc phát sinh của muôn loài, hành giả có thể nghiên cứu cùng tột cội nguồn của các mười hai loại chúng sanh, thấy được manh mối thường chuyển động vi tế kia.

Hành giả quán sát được tính chất tạm bợ thoáng chốc, và ẩn mật sâu kín của các loại chúng sinh ở trong sự chuyển động vi tế nhỏ nhiệm của hành ấm này.

Khởi tâm suy lường về phận vị. Người ấy rơi vào bốn thứ luận hữu biên.

Nhưng nếu hành giả khởi niệm suy lường, lập nên sự phân biệt... Trăm tư suy xét, lập nên bốn loại phân biệt mà ta sẽ thảo luận sau đây. Liền rơi vào bốn thứ luận hữu biên. Sự suy lường ấy làm sinh khởi trong tâm hành giả một thứ vọng chấp về hữu biên. Đó là vọng chấp về bốn loại luận hữu biên, đó một tà thuyết của ngoại đạo.

Kinh Văn: Nhất giả thị nhân, tam kế sanh nguyên, lưu dụng bất tức, kế quá vị giả, danh vi hữu biên, kế tương tục tâm, danh vi vô biên.

Việt dịch: Một là người ấy suy luận về cội gốc sanh diệt trôi chảy biến dịch không ngừng, xét đoán quá khứ tương lai là hữu biên, còn chấp sự tương tục của tâm là vô biên.

Giảng: Luận điểm đầu tiên về bốn thứ phân biệt có quan hệ đến thời gian: quá khứ, hiện tại, vị lai. Nên có câu:

“Tam tế cầu tâm, tâm bất hữu.”

Nghĩa là, dù có bỏ hết cả ba thời: quá khứ, hiện tại, vị lai mà cầu thấy tâm, rốt ráo không thể được.

“Hiện tại tâm bất khả đắc, quá khứ tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc.”

Tại sao vậy? Hãy nhìn vào quá khứ. Cái gì là quá khứ? Cái quá khứ đã đi mất rồi. Thế nên cái tâm quá khứ không thể nắm bắt được. Cũng như hiện tại nó không hề dừng. Ngay bây giờ, nếu quý vị nói đây là hiện tại, thì nó cũng đã đi trôi qua rồi! Hiện tại

không bao giờ ở yên cố định cả. Vậy thì tâm hiện tại của quý vị nay ở nơi đâu? Còn tâm vị lai thì sao? Tương lai chưa đến. Vì nó chưa đến, nên nó không hiện hữu. Do vậy.

Tam tế cầu tâm, tâm bất hữu

Tâm bất hữu xứ, vọng nguyên vô.

Tâm đã rốt ráo không rồi, thì vọng tưởng do đâu mà có? Nếu quý vị hiểu được đạo lý này. Quý vị sẽ nhận ra vạn pháp xưa nay vốn là không, đều lưu xuất từ tánh Như Lai tạng .

Tuy nhiên hành giả đã móng khởi một niệm chấp trước, chấp trước điều gì? Đó là quan niệm hữu biên và vô biên. Anh ta nói rằng vạn vật vừa là hữu biên, vừa là vô biên. Lập nên cái gọi là “luận thuyết” về hữu biên và vô biên của vạn vật.

Một là người ấy suy luận về cội gốc sanh diệt trôi chảy biến dịch không ngừng,

Trong trạng thái chuyển hóa hành ẩm , hành giả phỏng đoán rằng cội gốc của mười hai loại chúng sanh trôi nổi sống chết không cùng tận. Dòng biến dịch trôi chảy không ngừng ấy là một sự biểu thị cho hành ẩm vậy.

Lúc ấy hành giả **xét đoán quá khứ tương lai là hữu biên**. Anh ta nói rằng “quá khứ và vị lai cả hai đều có giới hạn cả” thật là vô lý. Quá khứ, vị lai làm sao mà đặt giới hạn cho nó được? Căn cứ vào suy luận sai lạc, và suy chấp này. Anh ta cho rằng quá khứ vị lai là hữu biên. Nhưng thực ra quá khứ, vị lai thì vô biên.

Trong quá trình tu tập do vì thiếu trí huệ nên hành giả đã bị lạc đường, nên vừa tiêu dung được tướng ẩm , anh ta bị lạc mất chính lộ khi đang chuyển hóa hành ẩm . Đó là lý do tại sao hành giả sanh khởi kiến chấp hữu biên vô biên.

còn chấp sự tương tục của tâm là vô biên.

Anh ta nói: “Sự tương tục không dừng nghỉ của tâm niệm trong hiện tại thì không có ngăn mé và giới hạn nên nói là vô biên.”

Kinh Văn: Nhị giả thị nhân, quán bát vạn kiếp, tắc kiến chúng sanh. Bát vạn kiếp tiền, tịch vô văn kiến. Vô văn kiến xứ, danh

vi vô biên, hữu chúng sanh xứ, danh vi hữu biên.

Việt dịch: Hai là người ấy quán sát trong tám vạn kiếp, thấy có chúng sanh. Còn ngoài tám vạn kiếp thì vắng bật, không thấy không nghe được gì cả. Cho rằng nơi không thấy không nghe được gì là vô biên, còn nơi có chúng sanh là hữu biên.

Giảng: Loại phân biệt thứ hai là gì? Đó phân biệt về những gì anh ta nghe thấy được, và những gì anh ta không nghe thấy được. Anh ta sắp xếp những gì anh ta nghe thấy được về một phía và những gì không nghe thấy được về một phía khác. Vì thế anh ta lại rơi vào thế nhị biên một lần nữa. Chưa đạt được nghĩa trung đạo .

Hai là người ấy quán sát trong tám vạn kiếp, thấy có chúng sanh.

Khi hành giả ngồi thiền, năng lực của định giúp cho hành giả có thể thấy được những hiện tượng trong tám vạn đại kiếp, và có thể thấy được mười hai loại chúng sanh trong phạm vi ấy.

Còn ngoài tám vạn kiếp thì vắng bật, không thấy không nghe được gì cả. Anh ta có thể thấy được rất rõ ràng những sự kiện trong khoảng tám vạn kiếp. Anh ta có thể thấy được các loại chúng sanh phải chịu trải qua vô số lần sinh tử. Nhưng anh ta không thể nghe hoặc thấy những hiện tượng xảy ra bên ngoài khoảng thời gian ấy.

Hành giả **cho rằng nơi không thấy không nghe được gì cả là vô biên**, không có giới hạn. **Và nơi có chúng sanh là hữu biên.**

Hành giả lại rơi vào nhị biên lần nữa. Thành ra chấp có và chấp không. Có nghĩa dính chặt vào quan niệm mọi hiện tượng đều là ngoan không. Chấp có nghĩa là dính mắc với sắc. Cả hai đều chẳng khế hợp với trung đạo . Do vậy Đức Phật phê phán hạng người này là theo tà giáo ngoại đạo.

Kinh Văn: Tam giả thị nhân, kế ngã biến tri, đắc vô biên tánh, bỉ nhất thiết nhân, hiện ngã tri trung, ngã tàng bất tri, bỉ chi tri tánh. Danh bỉ bất đắc, vô biên chi tâm, dẫn hữu biên tánh.

Việt dịch: Ba là người ấy chấp rằng mình biết cùng khắp, là được tánh vô biên, còn các người kia đều hiện ra trong cái biết

của mình, mà mình chưa từng biết họ nhận ra được tánh biết. Cho rằng những người kia không đạt được tâm tánh vô biên mà chỉ đạt được tâm tánh hữu biên.

Giảng: Ba là người ấy chấp rằng mình biết cùng khắp, là được **tánh vô biên**. Hành giả chấp rằng cái biết cùng khắp của mình là tánh vô biên. Loại phân biệt thứ ba là phân biệt giữa cái ta của hành giả và cái khác. Cái khác ở đây liên quan đến tất cả chúng sanh, và ngã liên quan đến chính hành giả. Anh ta tạo nên một vọng chấp nữa và trở nên dính mắc với nó. Anh ta nói: “Tôi cảm thấy tôi có một loại trí tuệ biết trùm khắp tất cả.” Nghĩa là sao? Biết khắp tất cả có nghĩa là không có gì mà chẳng biết. Do vậy nó có khả năng đạt đến một loại tánh vô biên.

Còn các người kia, các loại chúng sanh **đều hiện ra trong cái biết của mình** tất cả đều được bao quát trong trí tuệ của hành giả. **Mà mình chưa từng biết họ nhận ra được tánh biết**. Hành giả **cho rằng những người kia không đạt được tâm tánh vô biên, mà chỉ đạt được tâm tánh hữu biên**.

Chúng sanh chưa đạt được tâm vô biên, nhưng chính hành giả lại có. Do vì anh ta không biết được tánh biết của họ nên cho rằng họ không đạt được tâm vô biên và không có trí tuệ hiểu biết vô biên, mà chỉ có một trí tuệ hạn cuộc. Đó là sự phân biệt giữa tự ngã và cái khác.

Kinh Văn: Tứ giả thị nhân, cùng hành ẩm không. Dĩ kì sở kiến, tâm lộ trừ độ, nhất thiết chúng sanh, nhất thân chi trung, kế kì hàm giai, bán sanh bán diệt. Minh kì thế giới, nhất thiết sở hữu. Nhất bán hữu biên, nhất bán vô biên.

Việt dịch Bốn là người ấy khi nghiên cứu tột cùng hành ẩm đến chỗ rốt ráo không. Do những điều thấy được, suy luận rằng tất cả chúng sanh trong mỗi thân phần, gồm có nửa phần sanh, nửa phần diệt. Cho rằng rõ ràng mọi thứ trong đời một nửa là hữu biên, một nửa là vô biên.

Giảng: Bốn là người ấy khi nghiên cứu tột cùng hành ẩm đến chỗ rốt ráo không. Hành giả nghiên cứu cùng tột hành ẩm đến chỗ rốt ráo không. Loại phân biệt thứ tư là gì? Đó là sự sanh và diệt. Hành giả nghiên cứu hành ẩm đến mức tột cùng đến khi nó

biến thành không.

Do những điều thấy được. Căn cứ vào những điều thấy được, và hiểu được từ nghiên cứu, **suy luận rằng tất cả chúng sanh, trong mỗi thân phần, gồm có nửa phần sanh, nửa phần diệt.**

Đây là một vọng chấp khác. Hành giả thấy trong trọn phần thân thể của mỗi chúng sanh, đều có một phần sanh, một phần diệt. Vì tất cả chúng sanh đều như thế. Hành giả đi đến kết luận như thế và toàn thể pháp giới.

Từ đây, **kết luận rằng tất cả vạn vật trong đời đều có một nửa là hữu biên, một nửa là vô biên.**

Sự sanh ra là một mặt của hữu biên. Sự hoại diệt là mặt khác của vô biên. Đó là sự suy lường của hành giả. Mới thấy anh ta càng lúc càng đi xa mục tiêu.

Kinh Văn: Do thử kể độ, hữu biên vô biên, đọa lạc ngoại đạo, hoặc bồ-đề tánh. Thị tắc danh vi, đệ tứ ngoại đạo, lập hữu biên luận.

Việt dịch: Do những chấp trước hữu biên, vô biên như thế, nên người ấy rơi vào ngoại đạo, mê lầm tánh bồ-đề. Đây là luận hữu biên, thuyết thứ tư của hàng ngoại đạo.

Giảng: Do những chấp trước hữu biên, vô biên như thế, nên người ấy rơi vào ngoại đạo, mê lầm tánh bồ-đề. Theo bốn thứ suy luận về hữu biên và vô biên, anh ta phỏng đoán những gì? Nếu nó không hữu biên, thì nó vô biên. Nếu nó không vô biên thì nó hữu biên. Anh ta cứ lý luận lẫn lộn như vậy. Nói tóm lại hành giả không thể đạt được lý trung đạo . Hoặc là anh ta đi đã quá xa, hoặc là anh ta đi chưa đủ xa. Hoặc là anh ta chạy đã quá đà, hoặc là chưa đi được. Dù chỉ một bước chân. Do vậy **nên hành giả** đánh mất chánh biến tri và **rơi vào ngoại đạo.**

Tà thuyết của ngoại đạo là: khi thì thái quá, khi thì bất cập.

Không thái quá, chẳng bất cập mới được gọi là trung đạo .

Chúng ta nên tu tập theo lý trung đạo. Đức Phật giảng dạy chân lý Tối thượng về trung đạo là chẳng chấp và không, cũng chẳng rơi vào có. Nếu chúng ta trệ vào phía hữu biên hoặc nghiêng vào phía vô biên, có nghĩa là đã rơi vào nhị biên, và như thế là **mê**

lầm tánh bồ-đề chân thật, là không nhận thức rõ được chân tánh bồ-đề.

Đây là luận hữu biên, thuyết thứ tư của hàng ngoại đạo.

5 – TÀ KIẾN VỀ BỐN THỨ LUẬN THUYẾT ĐIÊN ĐẢO

Kinh Văn: Hựu tam ma trung, chư thiện nam tử, kiên ngưng chánh tâm, ma bất đắc tiện. Cùng sanh loại bản, quán bỉ u thanh, thường nhiều động nguyên, ư tri kiến trung, tánh kế độ giả. Thị nhân trụy nhập, tứ chủng điên đảo, bất tử kiêu loạn, biến kế hư luận.

Việt dịch: Lại nữa các thiện nam tử đó, trong tam-ma-đề, chánh tâm đứng lặng sáng suốt, thiên ma không có cơ hội quấy phá. Trong nguồn gốc sâu xa phát sinh của muôn loài, quán xét cội gốc thường nhiều động lăng xăng kia, khởi tâm suy lường về những gì mình thấy và biết. Người ấy rơi vào bốn thứ luận điên đảo, hư vọng suy lường chấp trước, nguy biến về bất tử.

Giảng: Lại nữa các thiện nam tử đó, trong tam-ma-đề, chánh tâm đứng lặng sáng suốt, thiên ma không có cơ hội quấy phá. Hành giả trong khi thiền quán, chánh tâm ngưng lặng vững chắc. Thiên ma không khuấy phá được nữa.

Điều này liên quan đến hết thấy các vị đang công phu tu tập và an trú trong chánh định. Chánh định này ai tu cũng được, không dành riêng cho một người nào. Vì hành giả phải có tâm kiên cố, giữ cho định và huệ đều quân bình. Thì chẳng có một khe hở nào để ma lọt vào. Nhưng dù ngoại ma chẳng xâm nhập được vào hành giả để khuấy phá, thì nội ma lại xuất hiện. Nội ma là một loại ma sanh khởi từ sự chuyển biến tâm thức của hành giả.

Trong nguồn gốc sâu xa phát sinh của muôn loài, quán xét cội gốc thường nhiều động lăng xăng kia. Hành giả có thể nghiên cứu cùng tột cội nguồn của các loài chúng sanh, thấy được manh mối thường chuyển động vi tế kia.

Hành giả xem xét kỹ nguồn gốc của mười hai loài chúng sanh, quán sát bản tánh thanh tịnh tối sơ của các loài, thấy sự nhiều động thường hằng rất là vi tế ấy xuất hiện ở trong hành ẩm .

Khởi tâm suy lường về những gì mình thấy và biết. Nhưng nếu hành giả khởi niệm suy lường về những gì mình thấy biết.

Khi chưa khởi niệm suy lường ấy, thì chẳng có vấn đề gì. Nhưng ngay khi những niệm này sanh khởi liền có rắc rối xảy ra. Cho nên nói:

“Khai khẩu tiện thố, cử niệm tức quai.”

Nghĩa là: Mở miệng liền sai lầm, khởi niệm là sai ngay. Ngay khi vừa khởi vọng niệm, vấn đề rắc rối liền nảy sanh. (34)

Người ấy rơi vào bốn thứ luận điên đảo, hư vọng suy lường chấp trước, nguy hiểm về bất tử.

Chấp trước, suy lường là tánh biến kế chấp mà tôi đã giảng ở trước. Nó là một loại vọng chấp, hành giả trở nên chấp trước với những việc không chân chánh. Đó gọi là tánh biến kế chấp.

Kinh Văn: Nhất giả thị nhân, quán biến hóa nguyên, kiến thiên lưu xứ, danh chi vi biến, kiến tương tục xứ, danh chi vi hằng. Kiến sở kiến xứ, danh chi vi sanh. Bất kiến kiến xứ, danh chi vi diệt. Tương tục chi nhân, tánh bất đoạn xứ, danh chi vi tăng. Chánh tương tục trung, trung sở li xứ, danh chi vi giảm. Các các sanh xứ, danh chi vi hữu. Hổ hổ vong xứ, danh chi vi vô. Dĩ lí đô quán, dụng tâm biệt kiến. Hữu cầu pháp nhân, lai vấn kì nghĩa, đáp ngôn ngã kim, diệt sanh diệt diệt, diệt hữu diệt vô, diệt tăng diệt giảm. Ư nhất thiết thời, giai loạn kì ngữ, linh bỉ tiền nhân, di thất chương cú.

Việt dịch: Một là người ấy quán sát cội gốc của sự biến hóa, thấy chỗ đổi dời, nên gọi là biến. Thấy chỗ tương tục, gọi là thường hằng. Thấy chỗ thấy được, gọi đó là sanh. Chỗ không thấy được, thì gọi là diệt. Chỗ các nhân tương tục, tánh không dứt đoạn, thì gọi là tăng. Chính trong tương tục, không xa lìa nhau, thì gọi là giảm. Chỗ mỗi mỗi sinh ra, thì gọi là có. Chỗ nường nhau hư hoại, thì gọi là không. Dùng lý quán sát, thấy đều do dụng tâm mà dẫn đến những kiến chấp sai biệt. Nếu có người đến cầu pháp, hỏi về nghĩa ấy thì đáp rằng ta cũng sinh, cũng diệt, cũng có, cũng không, cũng tăng, cũng giảm. Luôn luôn giải thích một cách càn loạn, khiến người nghe không thể

hiếu được.

Giảng: Một là người ấy quán sát cội gốc của sự biến hóa, thấy chỗ đổi dời, nên gọi là biến. Hành giả, người sắp sửa đi vào con đường mê loạn, quán sát cội gốc của sự biến hóa ở trong hành ẩm thấy chỗ biến dịch trôi chảy nên gọi là biến. Anh ta quan sát sự trôi chảy của hành ẩm và nói rằng nó đang trải qua sự biến đổi.

Thấy chỗ tương tục, gọi là thường hằng. Nhận thấy hành ẩm tương tục, không hề dừng nghỉ, hành giả gọi là thường hằng. Thường nghĩa là không biến đổi. Biến đổi hàm ý vô thường. Trong khi không biến đổi hàm ý là thường.

Thấy chỗ thấy được, gọi đó là sanh. Thấy nơi có thể thấy được gọi đó là sanh. Khi quán sát hành ẩm, hành giả có thể thấy được một số vùng. Thấy được sự nhiều động vi tế và mô tả nơi ấy là sinh.

Chỗ không thấy được, gọi đó là diệt, hành giả không thể dò thấu những nhiều động u ẩn của hành ẩm, nên gọi đó là diệt.

Nói cách khác, hành giả có thể hiểu rõ được những hiện tượng trong phạm vi tám vạn đại kiếp rồi cho đó là sinh. Anh ta không thể thấy được những gì ngoài phạm vi tám vạn đại kiếp, nên gọi đó là diệt. Điều này tương tự như trường hợp trước.

Hành giả cho rằng, **chỗ các nhân tương tục, tánh không đứt đoạn, thì gọi là tăng.**

Khi cái nhân tương tục, không bị gián đoạn. Anh ta gọi đó là thêm. Đó là một trạng thái khác của hành ẩm mà anh ta cảm nhận được.

Chính trong tương tục, không xa lìa nhau, thì gọi là giảm

Trong phạm vi tương tục, mà có sự tạm dừng, hành giả gọi là bớt. Chẳng hạn như khi hai mươi lăm vị thánh trình bày về pháp tu viên thông của mình. Một trong các vị ấy trình bày về sự ngưng lại giữa hơi thở ra và hơi thở vào. Đó cũng là chỗ dừng. Các ngài gọi sự dừng nghỉ trong phạm vi tương tục là giảm. Nhưng quý vị đừng có theo lý thuyết này, vì đó chỉ là thuật ngữ, là những khái niệm do các ngài lập ra. Nên nó hoàn toàn không thực. Đừng có truy tìm những nguyên do trong các lý thuyết

trên. Đó là lý do tại sao những lý thuyết này được ngoại đạo vận dụng để mê hoặc. Chẳng có nguyên do nào xác đáng ở trong những lý thuyết ấy cả.

Chỗ mỗi mỗi sinh ra, thì gọi là có.

Cho rằng sự sinh khởi của tất cả vạn pháp là có, hành giả quan sát vạn pháp sinh khởi trong phạm vi hành ấm , rồi gọi là nó có sự hiện hữu.

Chỗ nương nhau hư hoại, thì gọi là không.

Sự hư hoại của vạn vật là không. Anh ta gọi nơi mà vạn vật hoại diệt và không còn hiện hữu nữa là không. Đây là bốn thứ lý luận điên đảo.

Dùng lý quán sát, thấy đều do dụng tâm mà dẫn đến những kiến chấp sai biệt.

Do sự dụng tâm của hành giả mà đưa đến những mâu thuẫn. Nếu quý vị dùng lý để quán sát, quý vị sẽ thấy những lý luận trên hoàn sai. Hành giả đã dụng tâm hoàn toàn sai lầm.

Vào lúc ấy **nếu có người đến cầu pháp**, thỉnh cầu chỉ dạy về pháp yếu của đạo Phật, **hỏi về nghĩa ấy, đáp rằng ta cũng sinh, cũng diệt, cũng có, cũng không, cũng tăng, cũng giảm.**

Anh ta trả lời :“Nay ta cũng sinh cũng diệt, cũng có cũng không, cũng tăng cũng giảm.”

Luôn luôn giải thích một cách càn loạn.

Anh ta luôn luôn biện hộ bào chữa cho hai cực đoan này. Nếu anh ta không nói về có, thì anh ta kết luận nó là không. Nếu anh ta tránh bàn luận về không thì anh ta nói đến sắc, vì anh ta đề cập đến cả hai khía cạnh, nên không thể đạt đến lý trung đạo .

Khiến người nghe không thể nào hiểu được. Gây cho người tìm hiểu Phật pháp đối diện với lối giải thích càn loạn. Người hỏi hoàn toàn quên mất những vấn đề mình đang cần tìm hiểu và không thể nhớ là mình đến đây để xin chỉ dạy điều gì nữa. Các ông nên gọi đó là loại giáo dục gì? Khi người ta đến xin chỉ dạy, nhưng hành giả làm cho họ bị rối loạn đầu óc cho đến khi họ đánh mất toàn bộ nhận thức chân chính. Không những họ bị

đánh mất những tri thức có được do học hỏi, mà còn bị mê mờ luôn cả trí tuệ thanh tịnh vốn hằng có xưa nay. Người này đã bị mê lầm và còn tiếp tục làm cho nhiều người khác bị mê lầm.

Kinh Văn: Nhị giả thị nhân, đế quán kì tâm, hõ hõ vô xứ. Nhân vô đắc chứng. Hữu nhân lai vấn, duy đáp nhất tự, dẫn ngôn kì vô. Trừ vô chi dư, vô sở ngôn thuyết.

Việt dịch: Hai là người ấy quán sát chân xác tâm mình, thấy hết thấy mọi thứ đều là không. Nhân nơi cái không mà có chứng đắc. Nên khi có người đến hỏi chỉ đáp một chữ không. Ngoài chữ không ra, không nói điều gì.

Giảng: Hành giả chỉ biết về không, nên nói một cách điên loạn như vậy. Anh ta chối bỏ sự hiện hữu của mọi vật. Bất luận quý vị có hỏi anh ta điều gì. Anh ta đều đáp: không. Đó là lời đáp duy nhất của anh ta.

Hai là người ấy quán sát chân xác tâm mình, thấy hết thấy mọi thứ đều là không. Trong mười hai loại chúng sanh, hành giả thấy khi tâm mình đã tiêu dung được hành ấm , thì nó cùng với mình đều là không hiện hữu.

Nhân nơi cái không mà có chứng đắc. Hành giả thấy có sự chứng đắc nhân nơi nhận thức về cái không này. Anh ta cho rằng mình đã giác ngộ được nhận nơi nhận thức về không ấy rồi. Thực ra, anh ta chẳng hiểu gì cả. Anh ta đã đi quá xa với đạo lý chân chính. Nhận thức của anh ta hoàn toàn sai lạc. Anh ta phát khởi một kiến chấp vào không và cho đó là điều giác ngộ. Anh ta giác ngộ cái gì? Giác ngộ chữ không.

Vì thế, **nên khi có người đến hỏi chỉ đáp một chữ không.** Anh ta chỉ đáp một chữ. Mọi người đều nghĩ rằng anh ta là người tu hành dày dặn. Vì anh ta luôn luôn nhắm mắt lại để dưỡng thần. Suốt ngày không nói một chữ nào. Anh ta chỉ ăn vài trái chuối trong ngày. Mọi người cho rằng anh là thánh, nên đến cầu xin giảng pháp. Khi họ hỏi, anh ta chỉ biết giả dạng mô phạm bằng cách chỉ đáp một chữ. Chiến thuật này được gọi là Thiên một chữ. Người ta gọi thế là vì họ không hiểu anh ta nói gì. Bất kỳ quý vị hỏi anh ta về điều gì.

Anh ta chỉ đáp không.

Nếu quý vị có hỏi:

– Tôi nên tu hành như thế nào?

Anh ta đáp: không.

– Tôi nên niệm Phật như thế nào? không.

– Thọ giới, giữ gìn luật nghi, việc ấy ông nghĩ tốt chẳng?

– Không.

Anh ta liên tục đáp không khiến quý vị hoang mang và quên hết những gì định hỏi. Quý vị thắc mắc không hiểu ông ta nói không là không cái gì? Quý vị không thể tự giải đáp nổi. Cuối cùng nó đánh mạnh vào tâm thức quý vị “Ồ! Thực ra là chẳng có cái gì cả. Đúng là chẳng có cái gì hết.”

Ngoài chữ không ra, ngoài những chữ không, không nói điều gì, anh ta chẳng nói gì cả.

Quý vị có thể hỏi anh ta một đến 100, 1.000, vạn câu hỏi. Nhưng anh ta sẽ luôn luôn trả lời không. Thế là quý vị nghĩ rằng: “Lý thiền ông ta nói quá cao xa. Chúng ta không thể nào với tới được.”

Kinh Văn: Tam giả thị nhân, đế quán kì tâm, các các hữu xứ. Nhân hữu đắc chứng. Hữu nhân lai vấn, duy đáp nhất tự, dẫn ngôn kì thị. Trừ thị chi dư, vô sở ngôn thuyết.

Việt dịch: Ba là người ấy quán sát chân xác tâm mình, thấy hết thấy mọi thứ đều hiện hữu (có). Nhân nơi cái có mà chứng đắc. Nên khi người đến hỏi chỉ đáp một chữ có. Ngoài chữ có ra, không nói gì khác.

Giảng: Trong loại lý luận điên đảo càn loạn thứ ba này.

Ba là người ấy quán sát chân xác tâm mình, thấy hết thấy mọi thứ đều hiện hữu (có).

Anh ta tự quán sát vào sâu trong tâm mình và thấy mười hai loại chúng sinh đều trải qua chỗ có sự sinh tử này. **Nhân nơi cái**

có mà chứng đắc. Nghĩ rằng mình có sự chứng đắc từ nhận thức về có. Thực vậy, anh ta chẳng chứng được quả vị gì cả. Trong kinh chỉ nói để mô tả sự nhầm lẫn của anh ta mà thôi. Hành giả quán sát các loại chúng sanh rồi nói: “À! Toàn là có cả.” Thấy được điều này anh ta nghĩ là mình đã giác ngộ và chứng được quả vị.

Nên khi có người đến hỏi. Chỉ đáp một chữ có.

Bất luận người ta hỏi về pháp gì? Anh ta cũng chỉ đáp một chữ có.

Quý vị hỏi:

Tôi muốn rời gia đình xuất gia làm một vị Tăng. Việc ấy nên chăng?

Anh ta sẽ đáp: Có.

– Tôi muốn thọ trì năm giới được chăng?

– Có!

Bây giờ, tốt nhất là tôi nên làm điều gì?

– Có!

Ngoài chữ có ra, anh ta không nói gì khác.

Anh ta không nói điều gì khác ngoài chữ có. Nên quý vị sẽ nghĩ rằng: “Ồ! Đây thực sự là thiên một chữ. Ông ta chắc là một vị cao Tăng. Pháp mà ông ta nói quá hay đến nỗi ta không thể nào hiểu được.”

Nó hay chỉ vì quý vị hoàn toàn không hiểu được nó. Chẳng hạn như bây giờ nếu quý vị hiểu được những gì trong Kinh mà tôi đang giảng cho quý vị nghe, thì điều đó chẳng hay tí nào cả! Quý vị có thể nói:

“Nói lui nói tới hoài mà tôi chẳng hiểu Pháp sư này giảng những gì nữa?” Trường hợp như vậy, thì thật đáng mừng cho quý vị. Đơn giản chỉ vì quý vị không hiểu. Đó là điều rất tốt. Một khi quý vị hiểu được, thì nó không còn hay ho gì nữa. Tại sao vậy. Vì đã hiểu được. Bất luận thứ gì khi mà chưa hiểu thì đều hay đều đẹp. Do vậy, nếu quý vị muốn được điều kỳ diệu, thì chẳng nên học

Phật pháp (theo kiểu ấy).

Nếu quý vị không học, thì quý vị chẳng biết được đạo lý, nên thấy mọi việc đều lạ và hay cả.

Bất luận khi có người hỏi điều gì. Nó đều đáp: có. Sao vậy? Anh ta nghĩ rằng mình đã giác ngộ từ cái có, vì thế anh ta truyền pháp có ấy cho quý vị.

Kinh Văn: Tứ giả thị nhân, hữu vô câu kiến. Kì cảnh chi cố, kì tâm diệt loạn. Hữu nhân lai vấn, đáp ngôn diệt hữu, tức thị diệt vô; diệt vô chi trung, bất thị diệt hữu. Nhất thiết kiểu loạn, vô dung cùng cật.

Việt dịch: Bốn là người ấy chấp cả có và không. Do cảnh phân tán, tâm cũng tán loạn. Khi có người đến hỏi, thì đáp cũng có tức là cũng không; trong cái cũng không, chẳng phải là cũng có. Tất cả hoàn toàn càn loạn, khi suy xét kỹ lưỡng, thấy không thể nói hết được.

Giảng: Bốn lý luận càn loạn này là sự hỗn loạn của lý thuyết “hữu” hay “vô.” Lý thuyết này là gì? Hành giả đề cập cả hai vấn đề có và không. Nhưng anh ta nói rằng những vật không hiện hữu thì không thể cũng có, và những vật hiện hữu thì không thể cũng không. Anh ta chẳng biết vạn vật hiện hữu như thế nào nữa. Nói một cách điên đại như người say rượu.

Bốn là người ấy chấp cả có và không.

Trong phạm vi hành ẩm, anh ta nhận thấy hành ẩm giống như sóng gợn lăn tăn trên mặt nước, không hề dừng nghỉ. Nên anh ta cho rằng có. Anh ta cho rằng sự tạm dừng trong khi sóng ngưng lặng là không.

Do cảnh phân tán, tâm cũng tán loạn.

Tâm hành giả sinh khởi một niệm phân tích chia chẻ. Giống như những cành nhánh trên một thân cây. Thế nên anh ta tuyên bố rằng vạn pháp vừa có vừa không. Tâm hành giả rối loạn vì không có trí huệ chân chánh, hay định lực. Do định lực và trí huệ không quân bình.

Lúc này, hành giả trở nên chấp trước và không thể nào tìm được lối thoát ra khỏi mớ hỗn độn. Anh ta gặp một con đường tà kiến và chẳng biết con đường nào là chánh đạo.

Khi có người đến hỏi, thì đáp cũng có tức là cũng không, trong cái cũng không, chẳng phải là cũng có.

Khi có người đến hỏi, thỉnh cầu chỉ dạy Phật pháp thì đáp rằng: cũng có tức là cũng không. Vật hiện hữu thì cũng giống như không hiện hữu. Nhưng trong cái cũng không, chẳng phải là cũng có.” Nhưng những vật không hiện hữu rồi thì không thể nào trở thành có được.”

Những vật nào đã hiện hữu rồi cũng tức là không hiện hữu. Nhưng những vật không hiện hữu thì không tồn tại. Rốt cục, lý luận này là loại gì?

Là thứ hoàn toàn càn loạn. Đó là một thứ lý luận lảm lạc. Anh ta chẳng biết mình nói gì nữa. Đó là lý do tại sao tôi cho rằng anh ta nói như người say rượu.

Khi suy xét kỹ lưỡng, thấy không thể dung hợp được. Không có cách nào để chấp nhận lý lẽ của anh ta. Thế lúc ấy, các ông nên làm gì? Chỉ nên áp dụng một phương pháp. Đó là vả vào mồm xem thử anh ta còn nói có, không được nữa chẳng? Nếu quý vị vả vào mồm anh ta. Anh ta sẽ nói: “Tại sao lại đánh ta?.”

Nhưng ông không hiện hữu, ông có nhớ không? Vậy nên tôi đánh ông cũng như không đánh!

Hoặc có một cách khác nữa, quý vị cầm một con dao và nói: “Nè! Tôi đến để giết ông,” và xem hỏi anh ta có tồn tại hay không? Quý vị chẳng cần lý sự với anh ta làm gì. Những gì anh ta nói đều không thể nào chấp nhận được khi soi xét bằng đạo lý. Quý vị không nên hỏi đạo nơi những người như thế.

Kinh Văn: Do thử kế độ, kiêu loạn hư vô, đọa lạc ngoại đạo, hoặc bồ-đề tánh. Thị tắc danh vi đệ ngũ ngoại đạo, tứ điên đảo tánh, bất tử kiêu loạn, biến kế hư luận.

Việt dịch: Do chấp trước càn loạn rỗng không này, người ấy rơi vào ngoại đạo, mê mờ tánh bồ-đề. Đây là tà thuyết ngoại đạo

thứ năm, lập bốn luận thuyết hư vọng, điên đảo biến kế, càn loạn bất tử.

Giảng: Do chấp trước vào bốn lý thuyết càn loạn rỗng không này. Lý thuyết của anh ta không thể nào tưởng tượng nổi. Những điều anh ta nói là không thể nào có được. Đều là một thứ lý thuyết vô lý. Do đó, **người ấy rơi vào ngoại đạo.**

Tại sao lại gọi là tà thuyết ngoại đạo? Vì đạo lý không chân chính. Tri kiến của anh ta đều lầm lạc, nên những nguyên lý anh ta đưa ra không được chính xác, không đạt được chỗ rốt ráo của hiện tượng. **Mê mờ tánh bồ-đề.** Anh ta hoàn toàn không biết con đường dẫn đến giác ngộ. Anh ta không được ánh sáng giác ngộ chân chính soi sáng.

Đây là tà thuyết ngoại đạo thứ năm, lập bốn luận thuyết hư vọng, điên đảo biến kế, càn loạn bất tử.

Trong lý luận thứ nhất, anh ta nói mình vừa sống vừa chết, cả có cả không; cả tăng cả giảm.

Trong lý thuyết thứ hai, anh ta trả lời các câu hỏi chỉ bằng một chữ “không.” Nói “không, không, không” suốt ngày và không nói một chữ nào khác. Bất luận người ta hỏi điều gì, anh ta chỉ đáp một chữ “không.” Nếu quý vị có hỏi trăm ngàn câu, chỉ nhận được rất nhiều lời đáp “không.”

Trong trường hợp thứ ba, anh ta chỉ đáp một tiếng “có.” Nếu như quý vị hỏi “Tôi làm giác được không.” Anh ta liền đáp: “có.”

Hỏi: “Tôi thọ giới được không?”

Đáp: Có.

Hỏi: Ăn phân người được không?

Đáp: Có.

Hỏi: Uống nước tiểu được chăng?

Đáp: Có

Hỏi: Ông có chết không?

Đáp: Có

Hỏi: Ông có còn tiếp tục sống trên thế gian này không?

Đáp: Có.

Bất luận các ông hỏi điều gì, anh ta đều đáp “có,” dù ngàn vạn lần hỏi, cũng chẳng có lời đáp nào khác ngoài chữ “có.” Chữ “có” của anh ta biểu thị cho sự tồn tại. Mọi vật đều hiện hữu, đều là “có.”

Trong trường hợp thứ tư, là trường hợp đang đề cập hôm nay. Anh ta nói rằng cái “có” bao hàm cái “không,” nhưng cái “không” lại không bao hàm cái “có.” Rốt cục đó là loại lý luận gì? Đó là loại lý thuyết mà anh ta đã giải bày. Bốn loại lý luận căn cứ vào sự càn loạn bất tử. Đó là lý luận không mạch lạc và chẳng sáng suốt tí nào.

Đó hoàn toàn là những suy loạn hư vọng, không thực. Trước đây tôi đã giảng về tam tánh:

Tánh biến kế chấp .

Tánh y tha khởi .

Tánh viên thành thật .

Không biết quý vị đã hiểu rõ ý nghĩa của ba tánh này chưa?

Tánh biến kế chấp là gì? Giả sử như các ông thấy một sợi dây thừng nằm trên đường vào một đêm không có trăng, quý vị có thể nghĩ “Ồ! Có lẽ là rắn.” Đó là biến kế chấp. Đó chỉ là một sợi dây thừng, mà quý vị khởi lên một nhận định sai lạc đó là con rắn. Giả như khi quý vị thấy bóng cây trong đêm trăng, quý vị sẽ nghĩ “Ồ! có lẽ là ma” rồi phát sợ.

Có khi trong đêm quý vị thấy một con chó và nghĩ: “Ồ! đó là chó sói hay cọp.” Đó là sự sinh khởi của tánh biến kế chấp , khi quý vị nhìn kỹ, thấy nó chỉ là con chó, chẳng phải là sói, chẳng phải là cọp. Đây gọi là tánh “Y tha khởi.”

Nướng vào con chó. Tánh biến kế chấp của quý vị sinh khởi và hoạt động. Nó thực sự chỉ là con chó. Con chó là gì? Là một súc vật. Bởi vì quý vị có sẵn tánh biến kế chấp , nên lầm chó với chó sói, với cọp, hay lầm một sinh vật nào khác. Hoàn toàn tương tự như khi ban đêm quý vị nhìn một bóng cây dưới trăng. Quý vị

tưởng rằng sợi dây thừng kia là con rắn. Nhưng khi quý vị nhìn kỹ, thì nó chỉ là sợi dây thừng. Sợi dây được gọi là tánh y tha khởi . Tánh y tha khởi là gì? Sợi dây thừng làm bằng gì? Nó làm bằng sợi gai. Sợi gai được gọi là tánh viên thành thật , sợi gai có thể làm thành dây thừng, đó là y tha khởi . Nướng nới tánh viên thành thật, mà tánh y tha khởi phát sinh. Nên khi quý vị không quán sát hiện tượng một cách kỹ lưỡng, thì tánh biến kế chấp sinh khởi. Tà thuyết ngoại đạo cũng tương tự như vậy.

Những gì họ nói không phải là những gì thực sự biểu hiện của vạn vật. Họ phát khởi những tà thuyết này là hoàn toàn dựa vào biến kế chấp .

6 – TÀ KIẾN VỀ HỮU TƯỚNG

Kinh Văn: Hựu tam ma trung, chư thiện nam tử, kiên ngưng chánh tâm, ma bất đắc tiện. Cùng sanh loại bản, quán bỉ u thanh, thường nhiều động nguyên, ư vô tận lưu sanh kế độ giả, thị nhân truy nhập, tử hậu hữu tướng, phát tâm điên đảo.

Viết dịch: Lại nữa các thiện nam tử đó, trong tam-ma-đề, chánh tâm đứng lặng sáng suốt, thiên ma không có cơ hội quấy phá. Trong nguồn gốc sâu xa phát sinh của muôn loài, quán xét cội gốc thường nhiều động lăng xăng kia, khởi tâm chấp đó là dòng sinh diệt vô tận, thì người ấy rơi vào tư tưởng điên đảo, cho rằng sau khi chết còn có tướng.

Giảng: Lại nữa các thiện nam tử đó, trong tam-ma-đề, chánh tâm đứng lặng sáng suốt, thiên ma không có cơ hội quấy phá.

Trong khi thiền quán , chánh tâm ngưng lặng, vững chắc thiên ma không khuấy phá được nữa.

Điều này liên quan đến những hành giả khi tu tập đã đạt được chánh định kiên cố, bởi vì anh ta có được định lực kiên cố và chánh tâm, nên thiên ma không có cách nào quấy nhiễu được. Ma thuật hoàn toàn hết hiệu nghiệm. Mặc dù ma lực không thể dụng được đến hành giả, nhưng thiên ma lại sinh khởi ngay trong tâm hành giả. Loại ma từ tự tâm sinh khởi rất khó hàng phục.

Trong nguồn gốc sâu xa phát sinh của muôn loài, quán xét cội

gốc thường nhiều động lăng xăng kia. Hành giả có thể nghiên cứu cùng tột cội gốc của các loài chúng sanh. Đó là manh mối, nguồn gốc của mọi loài chúng sanh.

Quán xét cội gốc thường nhiều động lăng xăng kia. Thấy được manh mối thường chuyển động vi tế kia. Hành giả quán sát được nguồn cội bản chất của cái nhiều động nhẹ nhàng, lăn tăn vi tế u ẩn của mười hai loài chúng sanh. Cội gốc của tánh chất ấy chính là hành ấm, được biểu hiện qua tướng nhiều động rất vi tế kia.

Nhưng nếu hành giả **khởi tâm chấp đó là dòng sinh diệt vô tận, thì người ấy rơi vào tư tưởng điên đảo, cho rằng sau khi chết còn có tướng.**

Nhưng nếu hành giả khởi niệm suy lường chấp đó là dòng sanh diệt vô tận, **thì người ấy rơi vào tư tưởng điên đảo, cho rằng sau khi chết còn có tướng.**

Tướng nhiều động vi tế kia giống như sự tương tục của sóng lăn tăn gợn trên mặt nước, nếu chấp như vậy, thì hành giả sẽ bị rơi vào tư tưởng mê lầm điên đảo, cho rằng sau khi chết vẫn còn sắc tướng. Do chấp rằng vẫn còn hiện hữu sau khi chết, nên tâm người ấy trở nên mê loạn.

Kinh Văn: Hoặc tự cố thân, vân sắc thị ngã. Hoặc kiến ngã viên, hàm biến quốc độ, vân ngã hữu sắc. Hoặc bỉ tiền duyên, tùy ngã hồi hậu, vân sắc thuộc ngã. Hoặc hậu ngã y, hành trung tương tục, vân ngã tại sắc.

Việt dịch: Hoặc tự củng cố thân mình, cho rằng sắc là ta. Hoặc thấy cái ta bao trùm khắp các cõi nước, cho rằng ta có sắc. Hoặc thấy các tiền trần kia, đều theo ta quay về, nên cho rằng sắc thuộc về ta. Hoặc cho rằng cái ta nương theo hành ấm mà tương tục, nên cho rằng ta ở trong sắc.

Giảng: Hoặc tự củng cố thân mình, cho rằng sắc là ta.

Hoặc hành giả tự chấp cứng lấy thân mình, cho rằng sắc chính là ngã.

Người phát khởi loại vọng chấp này, là mong muốn thân xác

mình được lâu dài và kiên cố. Anh ta tuyên bố rằng sắc là một yếu tố trong tứ đại, đơn giản chính là ngã.

Hoặc thấy cái ta bao trùm khắp các cõi nước, cho rằng ta có sắc.

Hoặc thấy mình bao trùm khắp các cõi nước, cho rằng trong ngã có sắc, chấp rằng tự tánh của mình viên dung vô ngại, bao hàm khắp các cõi nước trong mười phương. Do đó, anh ta cho rằng Ngã chứa đựng cả sắc. Đó là loại sắc gì? Anh ta nói: “Ta có cái sắc vĩ đại vô cùng.”

Hoặc thấy các tiền trần kia, đều theo ta quay về, nên cho rằng sắc thuộc về ta.

Hoặc thấy các tiền trần kia đều quay về bên cái Ta, nên cho rằng sắc thuộc về ngã. Hoặc anh ta cho rằng các tiền trần kia đều theo anh ta đi khắp mọi nơi và sắc trong tứ đại hoàn toàn thuộc về ngã.

Hoặc cho rằng cái ta nương theo hành ấm mà tương tục, nên cho rằng ta ở trong sắc. Cho rằng ngã nương nơi hành ấm mà tương tục, nên cho rằng ngã ở trong sắc.

Kinh Văn: Giai kế độ ngôn, tử hậu hữu tướng. Như thị tuần hoàn, hữu thập lục tướng.

Việt dịch: Từ tất cả kiến chấp này, đều cho rằng sau khi chết còn có tướng. Xoay vần như thế có 16 tướng.

Giảng: Từ tất cả kiến chấp này, đều cho rằng sau khi chết còn có tướng. Từ tất cả kiến chấp này, hành giả cho rằng sắc còn tồn tại sau khi chết.

Trước đây khi giảng về sắc và triền trần, tôi có nói về bốn lý luận của hành giả:

1. Sắc trong tứ đại thuộc về ta.
2. Sắc trong tứ đại chính là ta.
3. Sắc ở trong ta, thế nên ta lớn và sắc thì nhỏ.
4. Tách rời khỏi ta, chẳng có sắc.

Tóm lại: lý luận của anh ta đều vô nghĩa. Chẳng có chút gì hợp lý. Qua bốn lý thuyết này, anh ta chấp rằng có sự hiện hữu sau khi chết.

Xoay vần như thế có 16 tướng.

Theo kiến chấp ấy, hành giả rơi vào mười sáu trường hợp hiện hữu của sắc tướng.

Anh ta lấy bốn lý thuyết trên và liên hệ chúng với bốn thứ: Sắc ấm , thọ ấm , tướng ấm và hành ấm . Như vậy thành ra 16 trường hợp hiện hữu của sắc, thọ, tướng hành và tứ đại: đất, nước, gió, lửa. Thật là vô ích khi hỏi tại sao lại đặt ra những lý luận này. Vì căn bản là bất hợp lý, trong đó chẳng có ý nghĩa gì cả. Tôi chẳng hiểu gì về bốn lý thuyết đó. Vì trước hết là chúng chẳng có gì rõ ràng minh bạch cả.

Kinh Văn: Tòng thử hoặc kế, tất cánh phiền não, tất cánh bồ-đề, lưỡng tánh tịnh khu, các bất tương xúc.

Việt dịch: Từ đó, chấp rằng rốt ráo phiền não, tột cùng bồ-đề, hai tánh ấy đều khu biệt, không mâu thuẫn nhau.

Giảng: Bốn lần bốn làm thành mười sáu cách mà sắc có thể hiện hữu. Hành giả thấy rằng bốn lý thuyết ấy có thể liên hệ với mỗi thứ trong bốn ấm: sắc ấm, thọ ấm , tướng ấm , hành ấm ; hoặc với tứ đại: đất nước, gió, lửa.

Từ đó, chấp rằng rốt ráo phiền não, tột cùng bồ-đề, hai tánh ấy đều khu biệt.

Cho rằng phiền não luôn luôn là phiền não, bồ-đề luôn luôn là bồ-đề.

Anh ta cho rằng phiền não mãi mãi là phiền não, bồ-đề vĩnh viễn là bồ-đề. Như vậy nên câu: phiền não tức bồ-đề là sai.

Không mâu thuẫn nhau.

Hai tánh chất này cùng tồn tại song song, không mâu thuẫn nhau.

Anh ta tuyên bố hai chức năng này tồn tại song song nhau,

không phá vỡ nhau. Nhưng chúng tương tác với nhau. Nhưng quan điểm này hoàn toàn sai lạc. Căn bản là điều ấy không thể có được. Tại sao anh ta nói như thế? Vì mê mờ tánh bồ-đề.

Kinh Văn: Do thử kế độ, tử hậu hữu cố, đọa lạc ngoại đạo, hoặc bồ-đề tánh. Thị tắc danh vi đệ lục ngoại đạo, lập ngũ ấm trung, tử hậu hữu tướng, tâm điên đảo luận.

Việt dịch: Do chấp sau khi chết vẫn còn hiện hữu, nên rơi vào ngoại đạo và trở nên mê mờ tánh bồ-đề. Đây là ngoại đạo thứ sáu, lập nên lý thuyết điên đảo, cho rằng trong ngũ ấm, sau khi chết có tướng.

Giảng: Do chấp sau khi chết vẫn còn hiện hữu, nên rơi vào ngoại đạo và trở nên mê mờ tánh bồ-đề.

Bốn loại sắc ấm, thọ ấm , tướng ấm , hành ấm , nhân với bốn, làm thành mười sáu loại tồn tại của sắc. Hành giả nói rằng: Sắc tướng còn hiện hữu sau khi chết. Do vì chấp rằng sau khi chết vẫn còn hiện hữu. Hành giả rơi vào ngoại đạo và trở nên mê mờ tánh bồ-đề là chân tánh vốn có từ xưa của anh ta.

Đây là ngoại đạo thứ sáu, lập nên lý thuyết điên đảo, cho rằng trong ngũ ấm, sau khi chết có tướng.

Đây là tà thuyết ngoại đạo thứ 6, lập nên lý thuyết điên đảo về sự hiện hữu của sắc tướng sau khi chết trong phạm vi ngũ ấm.

Ngũ ấm ở đây chỉ liên quan đến bốn thứ, đó là: sắc ấm, thọ ấm , tướng ấm , hành ấm . Không liên quan đến thức ấm . Anh ta nói rằng con người sau khi chết rồi, họ vẫn tiếp tục còn có hình tướng. Khi tâm ý anh ta bị rối loạn, mất phương hướng. Anh ta đưa ra loại lý thuyết này.

7 – TÀ KIẾN SAU KHI CHẾT KHÔNG CÒN SẮC TƯỚNG

Kinh Văn: Hựu tam ma trung, chư thiện nam tử, kiên ngưng chánh tâm, ma bất đắc tiện. Cùng sanh loại bản, quán bỉ u thanh, thường nhiều động nguyên, ư tiên trừ diệt, sắc thọ tướng trung, sanh kế độ giả. Thị nhân trụy nhập, tử hậu vô

tướng, phát tâm điên đảo.

Việt dịch: Lại nữa các thiện nam tử đó, trong tam-ma-đề, chánh tâm đứng lặng sáng suốt, thiên ma không có cơ hội quấy phá. Trong nguồn gốc sâu xa phát sinh của muôn loài, quán xét cội gốc thường nhiều động lăng xăng kia, khởi tâm suy lường về sắc ấm, thọ ấm, tướng ấm đã được trừ diệt rồi, thì người ấy sẽ rơi vào tư tưởng điên đảo, cho rằng sau khi chết, không còn có tướng.

Giảng: Lại nữa các thiện nam tử đó, trong tam-ma-đề, chánh tâm đứng lặng sáng suốt, thiên ma không có cơ hội quấy phá.

Trong khi thiền quán, chánh tâm ngưng lặng vững chắc. Đây nói đến người tu tập định lực. Người ấy đã đạt được định lực kiên cố và trí tuệ. Thiên ma không còn khuấy phá được nữa.

Dù trí tuệ chưa đạt đến mức cứu cánh và chân chánh trí tuệ, nhưng ma vương không làm gì được anh ta. Tuy nhiên, anh ta chưa hàng phục được ma ở trong tâm của anh ta.

Trong nguồn gốc sâu xa phát sinh của muôn loài, quán xét cội gốc thường nhiều động lăng xăng kia. Hành giả có thể nghiên cứu cùng tột cội gốc của các loại chúng sanh, thấy được manh mối của cái thường nhiều động vi tế kia.

Anh ta nhìn thấy được căn tánh khinh thanh, uẩn của tất cả các loại chúng sanh, biểu hiện qua sự nhiều động vi tế thường xuyên ấy.

Khởi tâm suy lường về sắc ấm, thọ ấm, tướng ấm đã được trừ diệt rồi. Nhưng nếu hành giả khởi niệm suy lường về ba loại sắc ấm, thọ ấm, tướng ấm đã trừ diệt xong rồi, thì hành giả **sẽ bị rơi vào ý tưởng mê lầm điên đảo; cho rằng sau khi chết, không còn sắc tướng.**

Anh ta nói rằng chẳng có gì tồn tại sau khi chết. Đó là loại lý luận điên đảo mà anh ta nghĩ ra.

Kinh Văn: Kiến kì sắc diệt, hình vô sở nhân. Quán kì tướng diệt, tâm vô sở hệ. Tri kì thọ diệt, vô phục liên xuyết. Âm tánh tiêu tán, tưng hữu sanh lí, nhi vô thọ tướng, dữ thảo mộc đồng.

Việt dịch: Thấy sắc ấm đã diệt, thân không còn chỗ y cứ. Quán sát tướng ấm đã tiêu dung, thấy tâm không ràng buộc. Biết thọ ấm đã tiêu trừ, chẳng còn dính dáng vào đâu. Các ấm này đã tiêu tán, dù còn có lý sinh khởi, nhưng thọ ấm, tướng ấm không còn nữa, nên hành giả cho rằng mình như cây cỏ.

Giảng: Thấy sắc ấm đã diệt, thân không còn chỗ y cứ.

Sắc ấm đã diệt, không rõ nguyên nhân nào mà thân xác còn hiện hữu. Hình hài không còn nơi nương gá nữa. Như đã cho mất đi rồi.

Quán sát tướng ấm đã tiêu dung, thấy tâm không ràng buộc.

Thấy tướng ấm đã tiêu dung, thấy tâm như không bị ràng buộc. Hành giả đã vượt qua được tướng ấm. Tướng ấm đã tiêu dung rồi. Không còn nơi chốn cho tâm nương gá vào nữa, không còn nơi để sinh khởi vọng tưởng nữa.

Biết thọ ấm đã tiêu trừ, chẳng còn dính dáng vào đâu.

Biết thọ ấm đã tiêu trừ, chẳng còn liên hệ gì nữa. Thọ ấm của mình đã tiêu dung rồi, không còn liên hệ với ngoại duyên nữa. Các ấm này đã tiêu tán. Ba loại: Sắc ấm, thọ ấm, tướng ấm đã tiêu dung.

Dù còn lý sinh khởi, dù những hiện tượng rất nhỏ, vết tích của hành ấm còn tồn tại.

Nhưng thọ ấm và tướng ấm không còn nữa, khiến hành giả cho rằng mình giống như cây cỏ. Do đã hết sạch thọ ấm và sắc ấm. Anh ta xem mình đồng với cây cỏ.

Kinh Văn: Thử chất hiện tiền, do bất khả đắc, tử hậu vô hà, cánh hữu chư tướng? Nhân chi khám hiệu, tử hậu tướng vô. Như thị tuần hoàn, hữu bát vô tướng.

Việt dịch: Rồi nghĩ rằng, hiện tiền thể chất này còn không nắm bắt được, làm sao sau khi chết lại còn sắc tướng? Do nghiệm xét như thế, nên cho rằng sau khi chết không còn sắc tướng. Xoay vần như vậy, có tám thứ luận vô tướng.

Giảng: Rồi nghĩ rằng, hiện tiền thể chất này còn không nắm

bắt được.

Thể chất này nay chẳng tồn tại, không chỉ là sắc tướng không tồn tại mà tâm cũng thế. Anh ta cho rằng phương diện vật chất của sắc và tâm bây giờ đã tiêu tán. Điều này liên quan đến bốn thứ: sắc ấm, thọ ấm, tướng ấm, hành ấm. Nhớ rằng hành giả cho thân mình đồng như cây cỏ. Đó có nghĩa là anh ta không có tri giác. Dù anh ta còn sống, nhưng chẳng có được gì cả.

Làm sao sau khi chết lại còn sắc tướng? Nếu hành giả không thể tìm thấy được dấu tích nào của sự hiện hữu, bất kỳ cái gì thực sự là hình và tướng, ngay bây giờ trong lúc còn sống, thì làm sao mà có được chút sắc tướng tồn tại sau khi chết?

Do vì nghiệm xét như thế nên cho rằng sau khi chết không còn sắc tướng.

Anh ta nghiền ngẫm ý tưởng này, xem xét nó qua nhiều khía cạnh. “Nếu ngay đời này chẳng có sắc tướng, làm sao sau khi chết lại có được? Nên sau khi chết cũng chẳng có sắc tướng.”

Nếu không có bằng chứng cho sự hiện hữu của sắc ấm, thọ ấm, tướng ấm, hành ấm trong khi sống, thì chắc chắn cũng chẳng có bằng cứ nào cho sự hiện hữu của chúng sau khi chết.

Xoay vần như vậy, có tám thứ luận vô tướng.

Phát triển ý tưởng như vậy, nên hành giả rơi vào tám thứ luận vô tướng.

Đó là bốn trường hợp không hiện hữu của sắc ấm, thọ ấm, tướng ấm, hành ấm trong khi còn sống, và bốn trường hợp không hiện hữu của bốn thứ ấy sau khi chết. Tất cả đều biến mất.

Kinh Văn: Tòng thử hoặc kế, niết-bàn nhân quả, nhất thiết giai không. Đồ hữu danh tự, cứu cánh đoạn diệt.

Việt dịch: Do đây, cho rằng niết-bàn nhân quả tất cả đều là không, chỉ có tên gọi, rốt ráo đều là đoạn diệt.

Giảng: Do đây, vì lý luận của anh ta là bốn uẩn (sắc, thọ, tướng, hành) đều không tồn tại. Căn cứ vào tám thứ luận vô tướng. **Cho**

rằng niết-bàn nhân quả tất cả đều là không. Hoặc hành giả chấp rằng niết-bàn, nhân quả đều là không. Hành giả cho rằng không có niết-bàn, và phủ nhận nhân quả. Nếu thực sự như vậy, thì chẳng có lý do gì để mọi người có thể tu tập thành Phật. Tại sao vậy? Theo lý luận của anh ta thì chẳng có gì tồn tại hết thảy.

Anh ta nghĩ: **chỉ có tên gọi, rốt ráo đều là đoạn diệt.** Các pháp chẳng là gì cả, chỉ là danh tự. Thực sự chẳng có gì tồn tại. Đó là những gì anh ta quan niệm.

Kinh Văn: Do thử kế độ, tử hậu vô cố, đoạ lạc ngoại đạo, hoặc bồ-đề tánh. Thị tắc danh vi, đệ thất ngoại đạo, lập ngũ ấm trung, tử hậu vô tướng, tâm điên đảo luận.

Việt dịch: Do chấp sau khi chết không còn có tướng như vậy, nên rơi vào ngoại đạo, mê mờ tánh bồ-đề. Đây gọi là ngoại đạo thứ bảy, lập nên những thứ luận điên đảo, chấp trong ngũ ấm, sau khi chết không còn có tướng.

Giảng: Do chấp sau khi chết không còn có tướng như vậy. Anh ta cho rằng sau khi chết chẳng còn gì cả. Mọi vật đều là không.

Do chấp rằng sau khi chết không còn sắc tướng. **Nên rơi vào ngoại đạo, mê mờ tánh bồ-đề.** Hành giả rơi vào một thứ ngoại đạo, mê mờ tánh bồ-đề. **Đây là tà thuyết ngoại đạo thứ bảy, lập nên những thứ luận điên đảo, chấp trong ngũ ấm, sau khi chết không còn có tướng.**

Anh ta cho rằng sau khi chết chẳng còn gì tồn tại trong phạm vi của ngũ ấm. Do đó thứ lý luận điên đảo từ tâm anh ta lập nên.

8 – TÀ KIẾN PHỦ NHẬN CẢ CÓ VÀ KHÔNG CÓ TƯỚNG SAU KHI CHẾT

Kinh Văn: Hựu tam ma trung chư thiện nam tử, kiên ngưng chánh tâm ma bất đắc tiện. Cùng sanh loại bản, quán bỉ u thanh, thường nhiều động nguyên, ư hành tồn trung kiên thọ tướng diệt, song kế hữu vô, tự thể tương phá. Thị nhân trụ nhập, tử hậu câu phi, khởi điên đảo luận.

Việt dịch: Lại nữa các thiện nam tử đó, trong tam-ma-đề, chánh tâm đứng lặng sáng suốt, thiên ma không có cơ hội quấy phá. Trong nguồn gốc sâu xa phát sinh của muôn loài, quán xét cội gốc thường nhiều động lăng xăng kia, trong trạng thái hành ấm chưa tiêu dung, nhưng thọ ấm và tưởng ấm đã tiêu trừ, nếu khởi tâm chấp trước cả hai cái có và không, thì tự thể phá nhau. Người ấy rơi vào luận thuyết điên đảo, phủ nhận cả có, cả không còn gì tồn tại sau khi chết.

Giảng: Lại nữa các thiện nam tử đó, trong tam-ma-đề, chánh tâm đứng lặng sáng suốt, thiên ma không có cơ hội quấy phá.

Hành giả trong khi thiền quán , chánh tâm ngưng lặng, vững chắc, thiên ma không khuấy phá được nữa.

Điều này đề cập đến người tu tập chánh định, có được định lực mạnh mẽ và kiên cố, mặc dù ngoại ma không thể đến khuấy rối anh ta được nữa, nhưng mà từ trong tâm thì rất khó hàng phục.

Trong nguồn gốc sâu xa phát sinh của muôn loài, quán xét cội gốc thường nhiều động lăng xăng kia. Hành giả có thể nghiên cứu cùng tột cội gốc của mười hai loại chúng sanh, thấy được manh mối của trạng thái thường nhiều động vi tế kia. Anh ta quán sát được trạng thái khinh thanh u ẩn trong tâm. Vào lúc ấy, tình trạng đó là tướng thường nhiều động vi tế của hành ấm .

Trong trạng thái hành ấm chưa được tiêu dung, nhưng thọ ấm , tưởng ấm đã được diệt trừ. Nếu hành giả khởi tâm chấp cả có và không, thì tự thể phá nhau, .

“Bản ngã” riêng của anh ta đã bị xóa sạch, nó không còn tồn tại nữa. Nên nó mâu thuẫn trong tâm. Nếu cho rằng mọi vật đều tồn tại, thì anh ta cũng tồn tại. Nếu nói rằng mọi vật không còn tồn tại, thì anh ta cũng không tồn tại. Khi anh ta tự mâu thuẫn với chính mình, thì anh ta cũng bị hủy hoại lấy mình, anh ta tự nhận lý thuyết của chính mình.

Người ấy rơi vào luận thuyết điên đảo, phủ nhận cả có, cả không còn gì tồn tại sau khi chết.

Anh ta cho rằng sau khi anh ta chết, chẳng có gì tồn tại lẫn không tồn tại. Thế thì đó là cái gì? Có phải cái “chẳng tồn tại cũng chẳng không tồn tại” là trung đạo chăng? – Không. Anh ta

chẳng quan tâm đến trung đạo , cũng chẳng quan tâm đến việc mình có chứng được trung đạo hay không? Đây là điểm anh ta sai lầm và trở nên mê hoặc.

Kinh Văn: Sắc thọ tướng trung, kiến hữu phi hữu. Hành thiên lưu nội, quán vô bất vô.

Việt dịch: Thấy sắc ấm, thọ ấm , tướng ấm có mà chẳng phải có. Xét trong dòng chuyển biến của hành ấm , thấy cái khôngchẳng phải là không.

Giảng: Thấy sắc ấm, thọ ấm , tướng ấm có mà chẳng phải có. Chú ý vào sắc ấm, thọ ấm, tướng ấm, ba ấm mà hành giả đã tiêu trừ và vượt qua được, thấy sự hiện hữu đó không thực là hiện hữu. Hành giả nhận biết một trạng thái hiện hữu, nhưng nó không thực sự hiện hữu.

Xét trong dòng chuyển biến của hành ấm , hành giả thấy rằng cái không hiện hữu không thực sự là không, **thấy cái khôngchẳng phải là không..**

Trong sự nhiều động vi tế của hành ấm , hành giả thấy rằng những gì không hiện hữu, dường như cũng có sự hiện hữu. Do đó, chẳng có sự tồn tại và cũng chẳng có cái không tồn tại. Nên anh ta kiến lập lý thuyết này.

Kinh Văn: Như thị tuần hoàn, cùng tận âm giới, bát câu phi tướng. Tùy đắc nhất duyên, giai ngôn tử hậu, hữu tướng vô tướng.

Việt dịch: Xoay vần như thế, cùng tận các ấm , lập thành tám tướng “chẳng phải có, chẳng phải không.” Gặp duyên gì cũng đều nói rằng sau khi chết là có tướng, không tướng.

Giảng: Xoay vần như thế, cùng tận các ấm , lập thành tám tướng “chẳng phải có, chẳng phải không.”

Trước đây hành giả thấy một trạng thái, trong đó, sự hiện hữu từ trước kia của các sắc ấm, thọ ấm , tướng ấm , hành ấm trở nên bị tiêu dung không còn nữa, và dòng chuyển động trôi chảy lẫn tăn

của hành ẩm lẽ ra sau đó sẽ không còn hiện hữu nữa, mà nay vẫn còn tồn tại.

Quán xét cùng tột trước sau các ẩm này. Hành giả khảo sát tuần tự từng món, cố gắng khám phá nguyên lý cơ bản. Anh ta nghiên cứu kỹ lưỡng bốn món sắc ẩm, thọ ẩm , tướng ẩm , hành ẩm , quán xét chúng từ tất cả mọi khía cạnh. Lập thành tám tướng hoàn toàn phủ định sự hiện hữu. Có tám trường hợp, đều phủ nhận sự hiện hữu của sắc tướng.

Gặp duyên gì cũng đều nói rằng sau khi chết là có tướng, không tướng.

Bất luận khi đề cập đến ẩm nào, anh ta chỉ có một câu trả lời. Hành giả đều nói rằng sau khi chết, chẳng có sự không hiện hữu (có), cũng chẳng có sự hiện hữu (vô) .

Kinh Văn: Hựu kế chư hành, tánh thiên ngoa cố, tâm phát thông ngộ, hữu vô câu phi, hư thực thất tán.

Việt dịch: Lại thấy hành ẩm thay đổi liên tục, tâm phát thông ngộ, chấp tất cả đều chẳng phải có, chẳng phải không

Giảng: Lại nữa, thấy các hành ẩm thay đổi liên tục, hành giả nghiên cứu kỹ lưỡng hơn về bản chất của hành ẩm, vì hành ẩm có sự thường nhiều động lăng xăng rất nhỏ nhiệm, nó luôn luôn trôi chảy và biến dạng.

Tâm phát thông ngộ, tâm phát ra một sự hiểu biết sáng suốt, khiến phủ nhận cả có lẫn không hiện hữu.

Chấp tất cả đều chẳng phải có, chẳng phải không. Một sự hiểu biết sáng suốt nhằm lẫn (tà ngộ) xảy ra trong tâm ý hành giả, và anh ta quyết đoán rằng cả có lẫn không hiện hữu, cả hai đều không có căn cứ. Phải chăng đây là trung đạo ? Không. Anh ta không hiểu được nghĩa rốt ráo của trung đạo . Đó là lý do tại sao anh ta chẳng quan tâm đến trung đạo . Anh ta chỉ quan tâm đến hiện hữu (có) và (không) hiện hữu.

Nên anh ta không thể quyết đoán được điều gì là thực, điều gì là hư.

Hư thực lộn lạo. Vạn vật chẳng hư chẳng thật. Quý vị nói vạn vật là thực, anh ta lại chối từ điều đó. Quý vị nói vạn vật là hư, anh ta cũng phủ nhận điều ấy. Vì anh ta chủ trương rằng chẳng thực cũng chẳng hư, nên anh ta đã bị tán loạn.

Kinh Văn: Do thử kế độ, tử hậu câu phi, hậu tế hôn mộng, vô khả đạo cố. Đọa lạc ngoại đạo, hoặc bồ-đề tánh. Thị tắc danh vi phạm ngoại đạo, lập ngũ ấm trung, tử hậu câu phi, tâm điên đảo luận.

Việt dịch: Do những kiến chấp sau khi chết “chẳng phải có, chẳng phải không” như thế mà đường sau mờ mịt, không còn lối đi. Nên rơi vào ngoại đạo, mê mờ tánh bồ-đề. Đây là tà thuyết ngoại đạo thứ tám, lập luận điên đảo, chấp trong ngũ ấm, sau khi chết, chẳng phải có, chẳng phải không.

Giảng: Do những kiến chấp sau khi chết “chẳng phải có, chẳng phải không” như thế mà đường sau mờ mịt, không còn lối đi.

Do những thứ kiến chấp mà anh ta đã lập từ trước này, nên phủ nhận cả sự tồn tại lẫn không tồn tại sau khi chết. Đối với hành giả, tương lai mờ mịt, không thể nói được điều gì về điều ấy cả.

Anh ta nói rằng sau khi chết, còn có cả sự hiện hữu lẫn không hiện hữu. Hoàn toàn không biết được nơi sẽ kết thúc của hành giả. Vì không thể biết gì về điều ấy cả, nên không có thể bàn luận, không có gì để nói về điều ấy cả.

Do vậy, nên **rơi vào ngoại đạo, mê mờ tánh bồ-đề**. Hành giả rơi lạc vào ngoại đạo, vì lạc vào tà thuyết ngoại đạo, nên mê lầm tánh bồ-đề.

Đây là tà thuyết ngoại đạo thứ tám, lập nên lý luận điên đảo, chấp trong ngũ ấm, sau khi chết, chẳng phải có, chẳng phải không. Phủ nhận cả sự hiện hữu lẫn không hiện hữu, trong phạm vi ngũ ấm sau khi chết.

Anh ta nói rằng sau khi chết còn có sự hiện hữu, cũng như còn có sự không hiện hữu trong phạm vi của ngũ ấm. Vì tâm thức hành giả trở nên mê loạn, nên phát ra loại lý luận điên đảo này.

9 – TÀ KIẾN VỀ ĐOẠN DIỆT

Kinh Văn: Hựu tam ma trung, chư thiện nam tử, kiên ngưng chánh tâm, ma bất đắc tiện. Cùng sanh loại bản, quán bỉ u thanh, thường nhiều động nguyên, ư hậu hậu vô, sanh kế độ giả. Thị nhân trụy nhập thất đoạn diệt luận.

Việt dịch: Lại nữa các thiện nam tử đó, trong tam-ma-đề, chánh tâm đứng lặng sáng suốt, thiên ma không có cơ hội quấy phá. Trong nguồn gốc sâu xa phát sinh của muôn loài, quán xét cội gốc thường nhiều động lăng xăng kia, sinh tâm kế chấp sau này là không, người ấy rơi vào mê lầm với bảy luận thuyết đoạn diệt.

Giảng: Lại nữa các thiện nam tử đó, trong tam-ma-đề, chánh tâm đứng lặng sáng suốt, thiên ma không có cơ hội quấy phá. Hành giả trong khi thiền quán, chánh tâm ngưng lặng, vững chắc. Thiên ma không khuấy phá được nữa.

Hành giả, người tu thiền quán đã phát triển được định lực đến mức kiên cố và chánh tâm. Vậy nên thiên ma không còn cách nào quấy nhiễu được. Hành giả có thể nghiên cứu cùng tột cội gốc của mười hai loài chúng sinh, thấy được manh mối trạng thái thường nhiều động vi tế kia. Hành giả quán sát bản chất bí ẩn, hư ảo trong sáng nhẹ nhàng. Đến lúc này trong hành ẩm có sự nhiễu động rất vi tế. Nhưng nếu, anh ta không biết được trạng thái khi vượt qua hành ẩm, sinh tâm kế chấp sau khi chết không còn sự hiện hữu, người ấy rơi vào mê lầm với bảy luận thuyết đoạn diệt. Người ấy sẽ tin vào bảy thứ luận đoạn diệt.

Kinh Văn: Hoặc kế thân diệt, hoặc dục tận diệt, hoặc khổ tận diệt, hoặc cực lạc diệt, hoặc cực xả diệt.

Việt dịch: Hoặc chấp hết thân này là diệt, hoặc chấp hết ngũ dục là diệt, hoặc chấp hết khổ là diệt, hoặc chấp tột vui là diệt, hoặc chấp cực điểm của xả bỏ là diệt.

Giảng: Hoặc chấp hết thân này là diệt.

Hành giả quán xét thấy rằng loài chúng sinh có thân xác ở khắp mọi nơi, thân xác ấy cuối cùng sẽ hủy hoại. Những nơi này là bốn châu lớn trong thiên hạ: Nam Diêm-phù-đề, Đông Thắng

Thần Châu , Tây Ngưu Hóa Châu , Bắc Câu Lô Châu , và ngay cả nơi cõi trời Lục dục .

Hoặc chấp hết ngũ dục là diệt. Hoặc phỏng đoán khi tham muốn ngũ dục đã hết. Khi vượt qua được Dục giới ở cõi trời Sơ thiên còn gọi là Ly sinh hỷ lạc địa đó là đoạn diệt. Ở cõi trời Sơ thiên, quý vị thoát khỏi sự cấu nhiễm của chúng sinh và hưởng được nhiều niềm vui.

Hoặc chấp hết khổ là diệt. Hoặc chấp sau khi khổ chấm dứt, trong cõi trời thứ hai, gọi là Định sanh hỷ lạc địa đó là đoạn diệt. Đến đây, thấy vui vì đã đạt được định lực.

Hoặc chấp tốt vui là diệt. Hoặc chấp niềm vui khi đạt đến tốt đỉnh đó là đoạn diệt. Hành giả cho rằng trạng thái cực lạc ở cõi trời thứ ba (Ly hỷ diệu lạc địa) cũng sẽ chấm dứt. Vì khi đã trải qua được niềm vui tốt cùng vi diệu, hành giả ước đoán rằng cõi Thiên thứ ba cũng sẽ đoạn diệt.

Hoặc chấp cực điểm của xả bỏ là diệt. Hoặc chấp sự xả bỏ khi đến cực điểm là đoạn diệt. Hành giả phỏng đoán cõi trời thiên thứ tư (Xả niệm thanh tịnh địa) cũng sẽ đoạn diệt. Anh ta suy đoán cõi trời Tứ không, nơi không còn chướng ngại của sắc chất cũng sẽ đoạn diệt.

Thời gian trôi qua rất nhanh, chỉ trong nháy mắt mùa hạ đã trôi qua rồi. Ở Trung Hoa, Khổng Tử ví cuộc đời như dòng nước trôi qua không ngừng nghỉ. Thời gian trôi qua không bao giờ trở lại. Có câu ngạn ngữ:

“Nhất thốn quang âm nhất thốn kim

Thốn kim nan mại thốn quang âm.”

Nghĩa là: “Một khoảnh khắc thời gian đáng giá cả lượng vàng. Nhưng lượng vàng khó mua nổi một khoảnh khắc thời gian.” Một khoảnh khắc thời gian giá trị bằng cả lượng vàng. Nếu quý vị mất vàng, quý vị có thể sắm lại được. Nhưng một khi thời gian mất đi thì chẳng có cách nào lấy lại được. Do vậy thời gian còn quý hơn cả vàng. Nên trong đạo Phật nói rằng: “Một khoảnh khắc thời gian cũng như một cõi đời người.” Khi thời gian rút ngắn lại, đời sống con người lại càng ngắn hơn. Chúng ta phải nên quý trọng thời gian đừng để nó tùy tiện trôi qua trong sự vô

ích.

Suốt mùa hạ này, chúng ta đã bắt đầu thời khóa tụng kinh, ngồi thiền vào lúc sáu giờ sáng mỗi ngày. Từ sáng sớm cho đến 9 giờ tối. Mọi người đã đem hết tâm lực để dụng công tu tập. Tôi tin rằng thời gian này chắc hẳn là quý hơn vàng, giá trị hơn kim cương. Nay mọi người hãy cùng nhau hết lòng lắng nghe, thấm nhuần những điều đã được học, phát tâm tu tập. Đây là khoảnh khắc thời gian quý giá nhất trong đời. Thật đáng tiếc khi thời gian trôi qua chỉ trong chớp mắt. Cho dù thời khắc gần như đã đi qua, Phật pháp mà chúng ta vừa học được cũng như hạt giống kim cương trong tâm thức ta gieo vào mảnh đất là thức thứ tám (A-lại-da thức). Trong tương lai chắc chắn sẽ sinh ra quả kim cương bất hoại. Đó cũng là Phật quả, nghĩa là chúng ta sẽ được thành Phật.

Khi nào thì chúng ta sẽ thành Phật? Tùy thuộc vào cách chúng ta siêng năng canh tác, tưới tắm các hạt giống một khi nó đã được gieo vào lòng đất rồi. Cũng như người nông dân, chúng ta phải tưới nước, nhổ cỏ dại, xới đất cho tơi xốp để hạt giống có thể nảy mầm. Thế nào gọi là nhổ cỏ dại? Cỏ dại có nghĩa là vào mọi lúc, ta phải đề phòng sự phát triển rất vi tế của tập niệm và trừ bỏ những vọng tưởng ấy đi.

Hằng ngày ta phải nỗ lực công phu theo cách này như người nông dân chăm sóc và tưới tắm ruộng vườn của họ. Tưới nước và nhổ cỏ dại hằng ngày, hạt giống kim cương mà quý vị đã gieo vào lòng đất sẽ nảy chồi bồ-đề, dần dần chồi non bồ-đề ấy sẽ lớn thành cây bồ-đề; rồi nó sẽ kết thành quả bồ-đề. Nhưng quý vị phải chăm sóc bảo vệ chồi non Bồ-đề ấy, nếu quý vị xao lãng việc tưới nước và vun xới cho nó, thì nó sẽ tàn lụi đi.

Tưới nước nghĩa là gì? Nếu quý vị học Phật pháp hằng ngày, có nghĩa là quý vị đang tưới cho mầm bồ-đề bằng nước của Pháp. Đúng lúc quả kim cương sẽ chín muồi. Nếu quý vị không tiếp tục chăm sóc hạt giống kim cương sau kỳ pháp hội này, thì không dễ gì hạt kim cương sẽ nảy chồi. Quý vị phải chăm sóc hạt giống thật chu đáo. Đừng nên theo thói quen thích làm những việc mình ưa thích. Hãy tuân thủ theo giới luật và cư xử cho hòa hợp, đừng bừa bãi, khinh suất trong khi hành xử. Nếu quý vị giữ đúng giới luật, nghĩa là quý vị hòa hợp với Phật pháp. Nếu không tuân thủ giới luật, thì chưa hiểu Phật pháp. Quý vị nhất định phải nên

tuân thủ theo giới luật, đừng quá phóng túng và không tự kiểm
chê mình được. Đây là điều tôi hy vọng ở quý vị.

Trong pháp hội giảng kinh Thủ-lăng-nghiêm vào mùa hạ này,
nhất định sẽ giống như trong trường hợp:

“Nhất lịch nhĩ căn, vĩnh vi đạo tràng”

Nghĩa là: “Ngay khi nghe được ý chỉ của kinh này rồi, vĩnh viễn
nơi tâm thức của quý vị đã là đạo tràng, là mảnh đất tâm đã
được gieo hạt giống bồ-đề.”

**Kinh Văn: Như thị tuần hoàn, cùng tận thất tế, hiện tiền tiêu
diệt, diệt dĩ vô phục. Do thử kế độ, tử hậu đoạn diệt. Đọa lạc
ngoại đạo hoặc bồ-đề tánh. Thị tắc danh vi độ cứu ngoại đạo.
Lập ngũ ấm trung tử hậu đoạn diệt. tâm điên đảo luận.**

**Việt dịch: Xoay vần như thế, cùng tận đến bảy quan niệm chấp
trước hiện tiền là tiêu diệt, đã diệt rồi thì không hồi phục lại
nữa. Do chấp sau khi chết là đoạn diệt như thế, nên rơi vào
ngoại đạo, lầm mất tánh bồ-đề. Đây là ngoại đạo thứ 9, lập nên
những thứ luận điên đảo, chấp trong ngũ ấm, sau khi chết là
đoạn diệt hẳn.**

**Giảng: Xoay vần như thế, cùng tận đến bảy quan niệm chấp
trước hiện tiền là tiêu diệt, đã diệt rồi thì không hồi phục lại
nữa.**

Vì những kế chấp đoạn diệt sau khi chết. Hành giả vẫn duy trì tư
tưởng cho rằng sau khi chết, chẳng còn bất cứ thứ gì tồn tại. Mọi
vật đều tiêu diệt. **Nên rơi vào ngoại đạo, lầm mất tánh bồ-đề.**
Hành giả sẽ rơi vào ngoại đạo, mê mờ tánh bồ-đề, mê mờ về
tánh giác ngộ chân chánh. **Đây là tà thuyết ngoại đạo thứ chín,
lập nên những thứ luận điên đảo. Chấp trong ngũ ấm, sau khi
chết là đoạn diệt hẳn.**

Cho rằng sau khi chết trong phạm vi ngũ ấm là đoạn diệt hẳn.
Với tâm mê muội, hành giả nghĩ rằng sự đoạn diệt sau khi chết
là ở trong phạm vi của sắc ấm, thọ ấm , tưởng ấm và hành ấm .

10 – TÀ KIẾN VỀ NIẾT BÀN

Kinh Văn: Hựu tam ma trung, chư thiện nam tử, kiên ngưng chánh tâm, ma bất đắc tiện. Cùng sanh loại bản, quán bỉ u thanh, thường nhiều động nguyên, ư hậu hậu hữu, sanh kế độ giả. Thị nhân truy nhập ngũ niết-bàn luận.

Việt dịch: Lại nữa các thiện nam tử đó, trong tam-ma-đề, chánh tâm đứng lặng sáng suốt, thiên ma không có cơ hội quấy phá. Trong nguồn gốc sâu xa phát sinh của muôn loài, quán xét cội gốc thường nhiều động lăng xăng kia, sinh tâm kế chấp sau này là có. Người ấy rơi vào năm thứ luận về niết-bàn.

Giảng: Lại nữa các thiện nam tử đó, trong tam-ma-đề, chánh tâm đứng lặng sáng suốt, thiên ma không có cơ hội quấy phá.

Trong khi tu tập thiền quán , chánh tâm ngưng lặng vững chắc. Thiên ma không khuấy phá được nữa. Vì hành giả đã được định lực vững chắc và chính tâm thuần hòa, thanh tịnh. **Thiên ma không có cơ hội quấy phá**, thiên ma chẳng có ảnh hưởng gì đến hành giả được nữa.

Trong nguồn gốc sâu xa phát sinh của muôn loài, quán xét cội gốc thường nhiều động lăng xăng kia, sinh tâm kế chấp sau này là có.

Hành giả nghiên cứu cùng tột cội gốc của các loài chúng sinh, thấy được manh mối trạng thái thường nhiều động vi tế kia. Khảo sát tâm thức của các loài chúng sinh kia, vốn u ẩn, khinh thanh trong dòng nhiều động rất vi tế.

Người ấy rơi vào năm thứ luận về niết-bàn.

Nhưng nếu hành giả sinh tâm kế chấp về sự hiện hữu sau khi chết, sẽ rơi vào năm thứ luận sai lạc về niết-bàn .

Vượt qua hành ấm , hành giả lại nhận thấy có sự hiện hữu. Căn cứ vào sự thường hằng của từng niệm, từng niệm trôi chảy không ngừng trong phạm vi hành ấm. Anh ta có kiến chấp sai lầm về sự hiện hữu và tin vào năm thứ luận về Niết Bàn.

Kinh Văn: Hoặc dĩ dục giới, vi chánh chuyển y, quán kiến viên minh, sinh ái mộ cố. Hoặc dĩ sơ thiền tánh vô ưu cố. Hoặc dĩ nhị thiền, tâm vô khổ cố. Hoặc dĩ tam thiền, cực duyệt tùy cố. Hoặc dĩ tứ thiền, khổ lạc nhị vọng, bất thọ luân hồi, sanh diệt tánh cố.

Việt dịch: Hoặc xem Dục giới là chuyển y chân chánh, do thấy sáng suốt cùng khắp nên sanh tâm yêu thích. Hoặc nhận cõi Sơ thiền là nơi chuyển y chân chánh, do tâm không còn lo buồn. Hoặc nhận cõi Nhị thiền là chuyển y chân chánh, do tâm không khổ lụy nữa. Hoặc nhận Tam thiền, vì rất vui đẹp. Hoặc nhận Tứ thiền vì cả vui khổ thực sự tiêu vong, không còn chịu sinh diệt trong luân hồi nữa.

Giảng: Hoặc xem Dục giới là chuyển y chân chánh. Đó là nơi mà anh ta sẽ đi đến, anh ta thấy cõi trời Dục giới là nơi chuyển y chân chánh. Tại sao?

Do vì hành giả thấy sáng suốt cùng khắp và sanh tâm yêu thích nơi ấy. Cõi trời Dục giới hiện ra rất hoàn mãn và sáng rực, nên anh ta phát khởi tâm luyến mộ và ước ao sinh về nơi đó. Anh ta nhận nơi đó như một nơi chốn để quay về, như là một cảnh giới niết-bàn. Anh ta nghĩ rằng Dục giới là một cõi niết-bàn chân thực.

Hoặc nhận cõi Sơ thiền là nơi chuyển y chân chánh, do tâm không còn lo buồn. Anh ta nghĩ rằng chúng sinh trong cõi trời Sơ thiền (Ly sinh hỷ lạc) đã bỏ lại hết đằng sau những âu lo, phiền não rồi, đồng thời sinh khởi một cảm giác hoan hỷ. Do vậy nên hành giả ao ước được sanh về nơi đó.

Hoặc nhận cõi Nhị thiền là chuyển y chân chánh, do tâm không khổ lụy nữa. Trong khi thiền quá, hành giả có thể đạt đến cõi trời Nhị thiền, nơi tâm không còn khổ nữa, vì hành giả đã phát triển được định lực. Cõi trời này gọi là Định sanh hỷ lạc .

Hoặc nhận Tam thiền, vì rất vui đẹp, vì rất ham thích niềm vui tột bậc ở đó. Anh ta nghĩ rằng mình sẽ đạt được bất kỳ điều gì mình muốn ở đó, vì thế anh ta cho rằng đây là cõi trời kia là cảnh giới niết-bàn.

Hoặc nhận Tứ thiền vì cả vui khổ thực sự tiêu vong, không còn chịu sinh diệt trong luân hồi nữa.

Hành giả cho rằng mình không còn trải qua sự luân hồi sanh tử nữa. Hành giả cho rằng trong cõi trời Tứ thiên , gọi là Xả niệm thanh tịnh địa , nơi khổ vui đều tiêu dung và không còn tái sinh trong tam giới nữa. Do vì cảnh giới này rất thanh tịnh, nên hành giả xem đó là cảnh giới niết-bàn, muốn quay về an trụ nơi đó.

Kinh Văn: Mê hữu lậu thiên, tác vô vi giải, ngũ xứ an ổn, vi thắng tịnh y. Như thị tuần hoàn, ngũ xứ cứu cánh.

Viết dịch: Mê chấp các cõi trời hữu lậu, phát khởi kiến giải vô vi, lầm sự an ổn năm chỗ ấy là nơi nương tựa thắng tịnh. Tuần hoàn rốt ráo trong năm chỗ như vậy .

Giảng: Mê chấp các cõi trời hữu lậu, phát khởi kiến giải vô vi.

Những cõi trời này còn trong vòng hữu lậu, nhưng hành giả mê lầm “Nhận giặc làm con” khởi nên kiến giải vô vi, và xem năm trạng thái này là nơi nương tựa thù thắng. **Lầm sự an ổn năm chỗ ấy là nơi nương tựa thắng tịnh.** Anh ta cảm thấy rằng năm trạng thái này là an ổn và bảo đảm, đó là nơi tuyệt đối thanh tịnh, thù thắng để quay về an trụ.

Tuần hoàn rốt ráo trong năm chỗ như vậy .

Cứu xét kỹ lưỡng theo cách ấy, nên quyết đoán có năm chỗ rốt ráo. Anh ta nghĩ các cảnh giới ấy là trạng thái tốt cùng nơi anh ta có thể nhập niết-bàn. Anh ta không nhận ra những cõi trời này vẫn còn trong vòng hữu lậu.

Kinh Văn: Do thử kế độ, ngũ hiện niết-bàn, đọa lạc ngoại đạo hoặc bồ-đề tánh. Thị tắc danh vi, đệ thập ngoại đạo. Lập ngũ ấm trung, ngũ hiện niết-bàn, tâm điên đảo luận.

Viết dịch: Do kế chấp năm thứ niết-bàn hiện có như vậy, nên rơi vào ngoại đạo, mê mờ tánh bồ-đề. Đây là ngoại đạo thứ mười, lập nên những luận điên đảo, chấp trong ngũ ấm, có năm thứ niết-bàn hiện có.

Giảng: Do kế chấp năm thứ niết-bàn hiện có như vậy, nên rơi vào ngoại đạo, mê mờ tánh bồ-đề. Đánh mất trực giác về bản

tánh giác ngộ sáng suốt. **Đây là ngoại đạo thứ mười, lập nên những luận điên đảo, chấp trong ngũ ấm, có năm thứ niết-bàn hiện có.**

Đây là tà thuyết ngoại đạo thứ mười, lập nên những luận thuyết sai lầm về năm loại niết-bàn hiện có, trong phạm vi của ngũ ấm. Những luận thuyết ấy là hoàn toàn sai lạc và điên đảo.

LỜI KHUYÊN TỔNG KẾT CỦA ĐỨC THẾ TÔN VỀ CÁC TÀ KIẾN

Kinh Văn: A-nan, như thị thập chủng, thiên-na cuồng giải, giai thị hành ẩm, dụng tâm giao hồ, cố hiện tư ngộ.

Việt dịch: A-nan, tất cả mười thứ tri giải cuồng loạn trong thiên-na như thế, đều do tâm dụng công giao xen với hành ẩm nên phát ra ngộ giải này.

Giảng: A-nan, tất cả mười thứ tri giải cuồng loạn trong thiên-na như thế, tất cả mười thứ tri giải cuồng loạn sai lầm như thế được nói ở trên xảy ra trong thiên định. đều do tâm dụng công giao xen với hành ẩm nên phát ra ngộ giải này. Chính là do tâm nỗ lực công phu thiên quán giao xen với hành ẩm.

Vấn đề gì sẽ xảy ra ở đây? Vì hành giả vừa vượt qua hành ẩm . Nếu chánh tri, chánh kiến của hành giả thắng lướt, thì anh ta có thể nhảy vượt qua rào cản này. Nếu hành ẩm thắng thì anh ta sẽ bị ma gá vào. Nên phát ra ngộ giải này.

Kinh Văn: Chúng sanh ngoan mê bất tự thốn lượng. Phùng thử hiện tiền, dĩ mê vi giải, tự ngôn đẳng thánh. Đại vọng ngữ thành, đọa vô gián ngục.

Việt dịch: Chúng sinh ngu mê, không tự suy xét được. Gặp phải cảnh ấy, nhận mê làm ngộ, nói rằng mình đã chứng thánh. Thành tội đại vọng ngữ, sẽ đọa vào ngục vô gián.

Giảng: Chúng sinh ngu mê, không tự suy xét được.

Chúng sinh thường bướng bỉnh, si mê và vô ý thức, không có một niệm phản tỉnh tự hỏi mình là ai và căn tánh của mình là gì?

Gặp phải cảnh ấy khi trạng thái này xảy ra, liền bị bối rối hoảng loạn, nhưng vì không gặp được vị thiện tri thức sáng mắt chỉ điểm cho.

Nhận mê làm ngộ, nói rằng mình đã chứng thánh. Anh ta tuyên bố đã giác ngộ và đã thành Phật. **Thành tội đại vọng ngữ** vì anh ta đã phạm tội đại vọng ngữ như vậy, nên sẽ **đọa vào ngục vô gián.**

Kinh Văn: Nhữ đẳng tất tu, tương Như Lai tâm, ư ngã diệt hậu, truyền thị mật pháp, biến linh chúng sanh, giác liễu tư nghĩa. Vô linh tâm ma, tự khởi thâm nghiệp. Bảo trì phúc hộ, tiêu trừ tà kiến.

Việt dịch: Sau khi Như Lai nhập diệt, các ông nên đem lời dạy của Như Lai truyền bá trong đời mật pháp, khiến cho tất cả chúng sinh hiểu rõ nghĩa này. Đừng để cho tâm ma tự gây những tội chướng sâu nặng. Giữ gìn che chở cho chúng sanh tiêu trừ tà kiến.

Giảng: Sau khi Như Lai nhập diệt, các ông nên đem lời dạy của Như Lai truyền bá trong đời mật pháp, khiến cho tất cả chúng sinh hiểu rõ nghĩa này.

Sau khi Như Lai nhập niết-bàn . Trong tương lai A-nan và quý vị trong Tăng đoàn nên truyền bá lời dạy này của Như Lai. Những lời Như Lai đã giảng nói. Chỉ bày và giáo hóa cho chúng sinh trong đời mật pháp được hiểu rõ nghĩa chân thực này. Quý vị nên chỉ bày cho toàn thể chúng sinh hiểu được những đạo lý này.

Đừng để cho tâm ma tự gây những tội chướng sâu nặng. Giữ gìn che chở cho chúng sanh tiêu trừ tà kiến.

Đừng để cho tà ma sinh khởi trong tâm, gây nên những tội chướng sâu nặng. Đừng để cho mọi loài chúng sinh tạo nên nghiệp xấu. Bảo hộ che chở cho chúng sanh tiêu trừ tà kiến. Hộ trì Phật pháp, tiêu trừ tà kiến.

Kinh Văn: Giáo kì thân tâm, khai giác chân nghĩa. Ư vô thượng

đạo, bất tao chi kì. Vật linh tâm kì, đặc thiếu vi túc. Tác đại giác vương, thanh tịnh tiêu chỉ.

Việt dịch: Dạy cho họ giác ngộ đạo nghĩa chân thật. Nơi đạo vô thượng, không lạc vào đường tẻ. Đừng để cho chúng sinh hài lòng với chút ít hiểu biết rồi tự cho là đủ. Phải làm mẫu mực thanh tịnh của bậc Đại giác vương.

Giảng: Dạy cho họ giác ngộ đạo nghĩa chân thật. Dạy cho chúng sinh giác ngộ nghĩa sâu rộng chân thật của đạo Vô Thượng, giúp cho thân và tâm chúng sinh trong đời mật pháp hiểu được giáo lý chân thật tối thượng.

Nơi đạo vô thượng, không lạc vào đường tẻ. Giúp cho chúng sinh không lạc vào đường tẻ. Đừng để cho chúng sinh đuổi theo các giáo pháp nông cạn thô thiển, mà không ham thích giáo pháp căn bản. Đừng để cho chúng sinh khi gặp phải những con đường tẻ thì hoang mang không biết đi đường nào.

Đừng để cho chúng sinh hài lòng với chút ít hiểu biết rồi tự cho là đủ. Đừng để cho chúng sinh khao khát đạo giác ngộ Vô thượng mà trở thành tự mãn, hài lòng với chút ít sở đắc trong công phu.

Làm mẫu mực thanh tịnh của bậc Đại giác vương. Các ông nên tự biến mình thành bậc Đại giác vương, làm mẫu mực khuôn phép cho giáo nghĩa thanh tịnh. Tức thời biến mình thành bậc chúa tể trong đạo giải thoát, làm vị lãnh tụ mẫu mực, mô phạm thanh tịnh, không chấp nhận được chút ít sở đắc trong công phu tu tập là đủ. Một bề hướng thượng tinh tấn tu tập.

Kinh Lăng Nghiêm - Quyển 10 Phần 2

KINH LĂNG NGHIÊM

NĂM MƯƠI LOẠI ẤM MA

Hòa Thượng Tuyên Hóa giảng tại

Phật Giáo Giảng Đường San Francisco

Kinh Lăng Nghiêm

THỨC ẤM

TRẠNG THÁI TÂM LÝ TRƯỚC KHI VÀO THỨC ẤM

Kinh Văn: A-nan, bi thiện nam tử, tu tam-ma-đề, hành ẩm tận giả, chư thể gian tánh, u thanh nhiều động, đồng phận sanh cơ, thúc nhiên huy liệt. Trầm tế cương nữu, bổ-đặc-già-la, thù nghiệp thâm mạch cảm ứng huyền tuyệt.

Việt dịch: A-nan, thiện nam tử kia tu pháp tam-ma-đề, khi hành ẩm hết rồi, cái then chốt nhiều động u ẩn, nơi phát sinh chung các loài trong thể gian, bỗng nhiên được xóa sạch. Giếng mối vi tế, quan hệ sâu xa, gây nghiệp thọ báo của bổ-đặc-già-la nơi mỗi chúng sinh cũng được chấm dứt.

Giảng: A-nan, thiện nam tử kia tu pháp tam-ma-đề, khi hành ẩm hết rồi. Khi hành giả, người đang tu tập trong phạm vi hành ẩm, tu pháp tam-ma-đề đến mức tiêu dung được hành ẩm. **Cái then chốt nhiều động u ẩn, nơi phát sinh chung các loài trong thể gian, bỗng nhiên được xóa sạch.** Then chốt nhiều động vi tế nơi chốn thâm u của nội tâm, là nơi phát sinh chung của các loài trên thể gian, bỗng nhiên được xóa sạch.

Sự nhiều động vi tế, không thể nhận thấy, này biểu thị đặc điểm của tất cả mười hai loại chúng sinh trong thể gian, và đó cũng là nguồn gốc sinh khởi chung của các loài ấy; bỗng được tiêu hủy sạch.

Ở Trung Hoa chữ cương nữu 綱紐 –giếng mối, có nghĩa: sợi dây thừng lớn giăng quanh mạng lưới gọi là “cương – giếng. Còn trên cổ áo có các nút để buộc áo lại gọi là nữu – mối. Cũng giống như trục chính của chiếc xe gọi là khu nữu 驅紐 vậy.

Bổ-đặc-già-la , tiếng Phạn là pudgala , dịch nghĩa là: “thường chấp giữ, duy trì sự tái sinh.” Đó là cái sinh rồi lại sinh, tương tục mãi mãi. Nó cũng được gọi là “trung hữu thân” hay “hữu tình.” Mọi chúng sinh trong loài hữu tình đều phải trải qua giai đoạn “trung hữu thân” này. Khi ta chết, chúng ta sẽ qua một giai đoạn

gọi là “trung ấm thân.”

Giếng mỗi vi tế, quan hệ sâu xa, gây nghiệp thọ báo của bố-đặc-già-la nơi mỗi chúng sinh cũng được chấm dứt.

Giếng mỗi vi tế quan hệ sâu xa gây nên nghiệp báo của bố-đặc-già-la, là thân trung hữu nơi mỗi chúng sinh cũng được chấm dứt.

Trong sự tương quan thù báo lẫn nhau. Sự giao lưu của nghiệp quả diễn biến rất sâu mầu, nhân quả nối tiếp nhau không bao giờ dứt. Vì hành ấm đã tiêu dung, dòng sinh tử cũng đã chấm dứt. Nhân quả cũng đã dừng hẳn. Đây là mô tả trạng thái tiêu dung của hành ấm và sự khởi đầu của thức ấm .

PHẠM VI THỨC ẤM

Kinh Văn: Ư niết-bàn thiên, tương đại minh ngộ, như kê hậu minh, chiêm cổ đông phương, dĩ hữu tinh sắc. Lục căn hư tĩnh, vô phục trì dật. Nội ngoại trạm minh, nhập vô sở nhập. Thâm đạt thập phương, thập nhị chủng loại, thọ mệnh nguyên do. Quán do chấp nguyên, chư loại bất triệu. Ư thập phương giới dĩ hoạch kì đồng. Tinh sắc bất trầm, phát hiện u bí. Thử tắc danh vi thức ấm khu vũ.

Việt dịch: Bầu trời niết-bàn sắp tỏa sáng rực rỡ, như sau khi gà gáy sáng, có ánh bình minh ló dạng ở phương Đông. Sáu căn rỗng rang thanh tịnh, không còn giống ruồi nữa. Trong ngoài đều phát ra ánh sáng sâu mầu, vào được tính vô sở nhập. Thấu suốt được nguyên do thọ mạng của mười hai loại chúng sinh trong suốt mười phương. Xét rõ nguồn gốc do chấp trước gây ra, nên các loài không thu hút được. Nhận được tính đồng nhất với mười phương thế giới. Tinh minh không tiêu trầm, những gì ẩn mật từ trước nay đều hiển bày. Đây gọi là phạm vi của thức ấm.

Giảng: Bầu trời niết-bàn sắp tỏa sáng rực rỡ.

Bầu trời của niết-bàn sắp được tỏa sáng rực rỡ. Đó là bầu trời của tự tánh niết-bàn. Hành giả đã ở ngay bờ mé của sự khai ngộ. Hành giả sắp đạt được đại giải thoát, so sánh cảnh giới đó **như sau khi gà gáy sáng, có ánh bình minh ló dạng ở phương**

Đông. Khi gà gáy lần thứ nhất, rồi lần thứ hai báo hiệu trời sáng, lúc ấy vẫn chưa có ánh sáng ở phương Đông, bầu trời vẫn còn tối đen. Nếu ta hướng về phương Đông nhìn lâu sẽ thấy ánh sáng bình minh le lói khi gà gáy xong lần thứ ba và cũng là lần cuối cùng.

Sáu căn rộng rang thanh tịnh.

Thọ ấm đã tiêu dung rồi, nên sáu căn không còn có cảm giác nữa. Nó hoàn toàn rộng lặng. Tưởng ấm đã tiêu dung rồi, nên không còn vọng tưởng nữa. Do vậy, nên tưởng ấm cũng hoàn toàn tịch lặng. Lúc này, không còn cảm thọ và vọng tưởng tác động khiến tâm thức lang thang dao động nữa.

Không còn giống ruồi nữa.

Điều này có nghĩa là sự biến hóa, trôi chảy nhiều động lảng xảng của hành ấm cũng đã chấm dứt. Sự nhiều động lảng xảng, thiên lưu biến hóa của hành ấm tựa như những đợt sóng tương tục nhau mãi không dừng, nhưng nay nó đã chìm lắng xuống hẳn, không còn rong duỗi nữa.

Trong ngoài đều phát ra ánh sáng sâu mầu.

Đến lúc này, khi chỉ còn thức ấm chưa được tiêu trừ, hành giả thấy có một luồng ánh sáng rất sâu mầu phát ra từ bên trong lẫn bên ngoài.

Vào được tính vô sở nhập. Hành giả đã vào được nơi xưa nay vốn không thể vào được.

Do vì các căn, các trần đều đã tiêu dung. Sáu căn, sáu trần đã hòa nhập làm một. Căn trần không còn đi sóng đôi với nhau nữa. Đã thành bất nhị. Không còn sự phân biệt giữa sáu căn, sáu trần nữa. Do vậy, nên không còn chỗ gọi là “nhập” cho hành giả đi vào nữa.

Thấu suốt được nguyên do thọ mạng của mười loại chúng sinh trong suốt mười phương. Xét rõ nguồn gốc do chấp trước gây ra, nên các loài không thu hút được.

Thấy rõ nguồn gốc ấy mà không bị thu hút.

Hành giả thâm nhập vào nơi nguồn gốc sinh mệnh tối sơ của

các loại chúng sinh. Quán chiếu rõ ràng căn do của mười hai loại chúng sinh ấy, mà không bị thu hút hấp dẫn vào bất kỳ tánh chất của một loại nào. Không có loại nào tác động được hành giả, anh ta không còn một quan hệ nào nữa với mười hai loại chúng sanh ấy nữa cả.

Nhận được tính đồng nhất với mười phương thế giới. Tỉnh minh không tiêu trầm, những gì ẩn mật từ trước nay đều hiển bày. Đây gọi là phạm vi của thức ấm .

Hành giả trở nên đồng nhất với mười phương thế giới. Anh ta có cảm giác đồng nhất thể tánh với khắp pháp giới. Ánh sáng ấy không bị chìm mất, ánh sáng lưu xuất từ trí tuệ này không biến mất. Những gì ẩn mật trước nay được hiển bày. Những trạng thái bí ẩn nhất và khó hiểu, khó giải bày nhất từ trước đến nay được phơi bày một cách hiển nhiên, rõ ràng.

Trạng thái này gọi là phạm vi của thức ấm , hành giả đang đi vào trong phạm vi thức ấm.

CỘI GỐC CỦA THỨC ẤM

Kinh Văn: Nhược ư quần triệu, dĩ hoạch đồng trung, tiêu ma lục môn, hợp khai thành tựu. Kiến văn thông lân, hổ dụng thanh tịnh. Thập phương thế giới cập dữ thân tâm, như phê lưu ly, nội ngoại minh triệt, danh thức ấm tận. Thị nhân tắc năng, siêu việt mệnh trọc. Quán kì sở do, vông tượng hư vô, diên đảo vọng tưởng, dĩ vi kì bản.

Việt dịch: Như trong tính đồng của các loài đã chứng được, tiêu dung luôn sáu căn, Khiến việc khai hợp sáu căn đều thành tựu. Cái thấy, cái nghe dung thông với nhau một cách thanh tịnh. Mười phương thế giới và trong ngoài thân tâm trong suốt như lưu ly. Đây là sự chấm dứt của thức ấm . Người ấy có thể vượt qua mạng trước. Xét lại nguyên do của thức ấm, mới thấy cội gốc là vọng tưởng diên đảo, huyền hoá rỗng không.

Giảng: Như trong tính đồng của các loài đã chứng được.

Nếu hành giả trở nên đồng nhất với các loài, mà không bị các loài chiêu dẫn. Vì có sự tương quan mật thiết nhân quả với mười hai loại chúng sanh, hành giả trở nên đồng nhất với chúng. Tuy

nhiên hành giả không bị ảnh hưởng bởi chúng. Vì hành giả đã đoạn trừ tất cả mối tương quan với chúng, không còn tái sinh trong đó nữa.

Tiêu dung luôn sáu căn.

Nên có thể tiêu dung luôn sự đồng nhất của sáu căn. Đến điểm này, lối vào của sáu căn không còn hoạt dụng được nữa. Nó hoàn toàn bị tiêu ma. Bằng cách nào mà nó không hoạt dụng được nữa? Đây không có nghĩa là mắt không còn thấy, tai không còn nghe, mũi không còn ngửi, lưỡi không nếm được mùi vị, mà còn hơn thế nữa. Điều gì xảy ra khi sáu căn hồ dụng? Nếu khi quý vị vượt qua được thức ấm , thì quý vị sẽ trải qua trạng thái này. Nghĩa là, mắt có thể nhìn thấy và nó cũng có thể ăn và nói. Tai vốn xưa chỉ dùng để nghe, nay có thể thấy được. Quý vị có thể thấy bằng mũi và lưỡi. Mỗi căn (giác quan) có đủ sáu chức năng. Đó là ý nghĩa tiêu dung sự đồng nhất của sáu căn. Những tướng trạng của tiền trần nay đều đã biến mất.

Khiến việc khai hợp sáu căn đều thành tựu

Thành tựu việc dung hợp hay tách rời sáu căn ấy. “Khai” là khi sáu căn trở thành một, “hợp” là khi mỗi căn đảm nhiệm chức năng của cả sáu căn.

Cái thấy, cái nghe dung thông với nhau một cách thanh tịnh. Mười phương thế giới và trong ngoài thân tâm trong suốt như lưu ly.

Có một sự dung thông, hồ tương giữa sáu căn ấy. Giống như bà con láng giềng quan tâm giúp đỡ lẫn nhau vậy. Chức năng của sáu căn đã liên kết với nhau. Thấy có kỳ diệu không? Trạng thái này thật là vi diệu.

Mười phương thế giới và trong ngoài thân tâm hành giả trong suốt như ngọc lưu ly. Giống như sắc xanh của ngọc lưu ly trong suốt. Đây là sự chấm dứt của thức ấm . Khi quý vị đạt đến trạng thái này. **Đây là sự chấm dứt của thức ấm.** Như thế cả năm ấm đều được chuyển hóa. Nhưng trước khi đến được, mức độ này thì thức ấm vẫn chưa được tiêu vong.

Người ấy có thể vượt qua mạng trước. Xét lại nguyên do của thức ấm , mới thấy cội gốc là vọng tưởng điên đảo, huyền hoá

rỗng không.

Xét lại nguyên do của thức ấm , mới thấy sự phủ nhận hiện hữu và cũng như phủ nhận cái không hiện hữu đều là hư vọng, và vọng tưởng điên đảo là nguồn gốc của nó.

Vấn đề hiện hữu hay không hiện hữu, đều là hư vọng và mơ hồ. Vọng tưởng điên đảo ấy là cội gốc của cảnh giới mà hành giả vừa trải qua.

Kinh Văn: A-nan đương tri, thị thiện nam tử, cùng chư hành không, ư thức hoàn nguyên, dĩ diệt sanh diệt, nhi ư tịch diệt, tinh diệu vị viên.

Việt dịch: A-nan nên biết, thiện nam tử ấy đã quán sát tường tận tính không của các hành, nên trở lại bản tính của thức, đã chấm dứt sinh diệt rồi, nhưng chưa viên mãn tính tịnh diệu của tịch diệt.

Giảng: A-nan nên biết, thiện nam tử ấy đã quán sát tường tận tính không của các hành.

Hành giả, người tu tập thiền định đã quán sát tường tận hành ấm là không. Dù hành giả có gặp những ma cảnh, dù bị quấy nhiễu bởi thiên ma, hoặc ma khởi từ tâm mình, hoặc bất kỳ các loại ma nào khác, chúng nó vẫn không tác động đến định lực của hành giả được nữa. Hoặc ma có thể xuất hiện khi hành giả tu thiền định, nhưng hành giả không phải mắc cảnh giới của ma. Hoặc hành giả có thể gặp cảnh giới ma, nhưng nhận ra ngay, không bị chúng mê hoặc nhiễu loạn. Một khi hành giả phá trừ được sự mê lầm thì hành ấmlại bị trừ diệt.

Nay hành giả đang bắt đầu chuyển hóa thức ấm . Anh ta đã vượt qua hành ấm và thấy nó là “không.”

Nên trở lại bản tính của thức. Bây giờ hành giả đang trong giai đoạn phá trừ thức ấm . Khi công phu tu tập đến giai đoạn này, hành giả phải quay trở về nguồn cội, đó là Như Lai tạng .

Đã chấm dứt sinh diệt rồi, nhưng chưa viên mãn tính tịnh diệu của tịch diệt.

Sự sinh diệt đã chấm dứt hẳn rồi, nhưng chưa viên mãn đạt đến sự tịch diệt tinh thần, vi diệu. Hành giả chưa đạt được tánh tịch diệt vi diệu viên mãn.

Kinh Văn: Năng linh kĩ thân, căn cách hợp khai, diệt dữ thập phương chư loại thông giác. Giác tri thông hốt, năng nhập viên nguyên. Nhược ư sở quy, lập chân thường nhân, sanh thẳng giải giả, thị nhân tắc đọa, nhân sở nhân chấp. Sa-tì-ca-la, sở quy minh đế, thành kì bạn lữ, mê Phật bồ-đề, vong thất tri kiến.

Việt dịch: Người đó có thể khiến nơi thân mình, các căn khi hợp, khi chia lìa, còn thông suốt với sự hay biết các loài chúng sinh trong mười phương. Tánh hay biết đó thông suốt, nên có thể nhập vào tánh nguyên viên. Nếu xem chỗ quay về, lập nên nhân chân thường, cho là đúng đắn tuyệt đối, thì người ấy rơi vào cái chấp nhân sở nhân. Trở thành bè bạn với Sa-tì-ca-la, chấp vào minh đế, mê mờ tánh bồ-đề của Phật, bỏ mất chánh tri kiến.

Giảng: Người đó có thể khiến nơi thân mình, các căn khi hợp, khi chia lìa.

Có thể khiến các căn của mình, khi hợp, khi chia. Bây giờ nơi thức ấm , hành giả sinh khởi một vọng chấp. Đó là tưởng rằng mình đã ở nơi tuy chưa đạt được sự tịch diệt tinh thuần vi diệu, nhưng có thể khiến sáu căn hỗ dụng cho nhau. Mỗi căn có chức năng của sáu căn kia. Mắt có thể nói và nghe. Tai có thể ăn và ngửi. Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý đều có thể sử dụng chức năng hỗ tương với nhau, để thấy, nghe, ngửi, nếm và xúc chạm.

Quý vị nghĩ rằng tai thì không thể dùng để ăn. Nhưng khi một người đã đạt được sáu căn hỗ dụng, thì có thể làm được điều ấy. Quý vị ngạc nhiên hỏi: “Thế thì răng của họ ở đâu?” Hỏi tai của quý vị. Họ không ăn theo cách mà chúng ta thường ăn. Khi họ muốn ăn, thì răng tự nhiên mọc ra. Răng ấy cũng sẽ không rụng đi. Có khi họ không cần dùng răng. Hoặc là có khi răng sẽ mọc khi họ cần ăn. Đây là loại năng lực chân thực của khoa học. Mỗi căn đều có đủ chức năng của mỗi căn khác.

“Hợp” là khi sáu căn kết hợp lại với nhau thành một căn. “Khai” là

khi một căn trải ra để có đủ chức năng của cả sáu căn. Quý vị cho đây là thần thông hay khoa học? Bất luận bao nhiêu khám phá mà các nhà khoa học đã tìm được. Ngay dù họ có ghép được tim, gan, hoặc các bộ phận khác của cơ thể con người, họ vẫn không có khả năng làm cho mỗi căn có đủ chức năng của tất cả sáu căn. Đó là điều mà khoa học không thể nào với tới được. Bất luận khoa học có tiến bộ đến đâu, tôi nghĩ nó cũng không thể đạt được trình độ ấy. Nhưng nếu quý vị phát triển khoa học từ trong tự tánh của mình, thì quý vị có thể đạt được năng lực ấy.

Còn thông suốt với sự hay biết các loài chúng sinh trong mười phương. Biết khắp các loài chúng sinh trong mười phương.

Không những hành giả người có khả năng “khai,” “hợp” sáu căn để có năng lực hỗ dụng, mà còn có thể biết được mười hai loại chúng sinh sẽ đi về đâu, trong khắp mười phương. Hành giả và các loài chúng sinh đều có cùng tánh giác tri dung thông với nhau.

Tánh hay biết đó thông suốt, nên có thể nhập vào tánh nguyên viên. Do tánh giác tri của hành giả thông suốt. Hành giả có thể biết được căn tánh của toàn thể chúng sinh khắp mười phương. Nên có thể nhập vào “tánh nguyên viên.” Đó là căn nguyên viên mãn của bốn tánh.

Nếu xem chỗ quay về, lập nên nhân chân thường, cho là đúng đắn tuyệt đối, thì người ấy rơi vào cái chấp nhân sở nhân.

Giả sử như hành giả vọng chấp nơi quay về của mình. Chấp điều gì? Cho rằng nơi ấy là chân thường và cho điều ấy là đúng đắn tuyệt đối. Vì anh ta tin nơi quay về ấy là chơn thường. Xem kiến giải này như một lý thuyết tuyệt đỉnh, một sự hiểu biết tối thượng, không có gì hơn thế nữa. Nếu như hành giả không rơi vào kiến chấp này thì không có gì sai trái, nhưng ngay khi khởi kiến chấp này thì hành giả sẽ mắc phải sai lầm, do chấp lầm cái nhân chân thường ấy. Hành giả cho tính chân thường là nhân, nhưng điều này hoàn toàn sai lầm. Anh ta nghĩ rằng chỗ ấy phải được mô tả như là tính chơn thường. Thực ra hành giả vẫn còn trong phạm vi thức ấm, chưa phải là chân thường. Anh ta trở nên chấp vào một nguyên nhân và chấp vào những gì nguyên nhân ấy có tác động tương quan. Thực ra, đây không phải là nhân, nhưng hành giả xem đó như là nhân. Do chấp vào điều ấy, nên hành giả rơi lạc vào ngoại đạo. Anh ta hùn hạp làm ăn với

chúng, đầu tư vốn liếng vào và cùng chúng lập thành công ty. Tà thuyết ngoại đạo nào mà hành giả mắc vào? Là trở thành bè bạn với ngoại đạo Ta-tì-ca-la, chấp minh đế là nơi trở về.

Ta-tì-ca-la lập nên “phái ngoại đạo tóc vàng” mà trước đây tôi có giảng về sự phụ của Ma-đăng-già đã dùng chú thuật của ngoại đạo Ta-tì-ca-la. Đó là một loại thần chú của Phạm thiên.

Minh đế là thuyết chủ trương rằng không có gì hết thảy, đều là từ trong cảnh giới biến hóa hiện tại của A-lại-da thức (ālayavijñāna) mà xuất sinh ra. Ngoại đạo này xiển dương lý thuyết cho rằng vạn vật đều xuất sinh từ minh đế. Một khi hành giả trở nên chấp trước cái nhân này, anh ta trở thành quyến thuộc của “ngoại đạo tóc vàng.” Anh ta hợp tác với chúng, không biết khi nào công ty này mới kết liễu. Chẳng biết công ty ấy hữu hạn hay vô hạn nữa?

Mê lầm tánh bồ-đề của Phật, con đường giác ngộ, bỏ mất chánh tri kiến. Anh ta nhận cái chẳng phải là nhân làm nhân. Lẽ ra anh ta không nên điên đảo khi nhận cái nhân này, nhưng anh ta đã chấp lầm. Vì anh ta đã lập nên một cách phi lý các năng nhân và sở nhân ấy. Nên anh ta đã không còn trí tuệ chân chính nữa. Anh ta đã đánh mất trí tuệ đó rồi. Anh ta sẽ về đâu? Nếu quý vị muốn giúp anh ta tìm thấy nơi ấy, quý vị cũng sẽ đánh mất trí tuệ của mình luôn.

10 CẢNH GIỚI CỦA THỨC ẤM

— o0o —

1 – CHẤP CÓ NGUYÊN NHÂN CHÂN THƯỜNG

Kinh Văn: Thị danh đệ nhất, lập sở đắc tâm, thành sở quy quả, vi viễn viên thông, bồi niết-bàn thành, sanh ngoại đạo chúng.

Việt dịch: Đây là dạng thứ nhất, lập nên tâm sở đắc, thành cái quả sở quy, nên trái xa tính viên thông, ngược hướng niết-bàn, sinh ra hạt giống ngoại đạo.

Giảng: Đây là dạng thứ nhất, lập nên tâm sở đắc

Đây là dạng thứ nhất, cho rằng có một nơi để trở về, do căn cứ trên ý tưởng có điều để chứng đắc.

Tông chỉ đó hoàn toàn sai lầm. Sai điểm nào? Là hành giả **nên trái xa tính viên thông**, vĩnh viễn xa rời tính viên thông. Những gì hành giả quan niệm đều hoàn toàn trái ngược với việc tu tập “nhĩ căn viên thông” qua công phu “phản văn văn tự tánh ” và “nhập lưu vong sở.” Tại sao? Vì anh ta đã phát khởi sự vọng chấp. **Ngược hướng niết-bàn.** Nên anh ta đi ngược hướng với thành niết-bàn. Bốn thành phố lớn nhất của niết-bàn là gì? Đó là nơi có đầy đủ bốn đức của niết-bàn: thương-lạc-ngã-tịnh .

Sinh ra hạt giống ngoại đạo.

Do lập nên cái nhân chẳng phải là nhân, hành giả đã dính mắc với tà thuyết ngoại đạo. Do vì thuyết lập ra giống như thuyết Minh Đế của ngoại đạo Ta-tì-ca-la, nên anh ta thành quyền thuộc của chúng.

2 – TỰ CHẤP CÓ NĂNG LỰC NHƯNG THẬT SỰ KHÔNG PHẢI NĂNG LỰC

Kinh Văn: A-nan, hựu thiện nam tử, cùng chư hành không, dĩ diệt sanh diệt, nhi ư tịch diệt, tinh diệu vị viên.

Việt dịch: Lại nữa A-nan, thiện nam tử ấy đã quán sát tướng tận tính không của các hành, nên trở lại bản tính của thức, đã chấm dứt sinh diệt rồi, nhưng chưa viên mãn tính tịnh diệu của tịch diệt.

Giảng: Lại nữa A-nan, thiện nam tử ấy đã quán sát tướng tận tính không của các hành.

Lại nữa A-nan, hành giả người đang tu tập chánh định quán xét cùng tốt tánh không của hành ấm . Hành giả đã quán sát đến mức cùng tốt và đạt đến tánh không của hành ấm. Hành ấm hoàn toàn là không đối với hành giả.

Nên trở lại bản tính của thức, đã chấm dứt sinh diệt rồi, nhưng chưa viên mãn tính tịnh diệu của tịch diệt.

Đã diệt hẳn ý niệm cảnh giới sinh diệt, nhưng chưa được tính

tinh diệu viên mãn của sự tịch diệt. Anh ta chưa đạt được niềm vui tịch diệt, do vì thức ấm chưa được tiêu dung.

“Thức” và “chân như” có khác nhau tí chút. “Thức” là chủ thể còn có sinh và diệt. Còn “chân như” thì không còn sinh diệt nữa. Ngay bây giờ thức thứ tám vẫn còn tướng sinh diệt nhỏ nhiệm, hòa hợp với chân như vốn không sinh diệt, trở thành “hòa hợp thức.” Là vì cái thức sinh diệt ấy cùng với chân như bất sinh diệt rất gần gũi nhau, cả hai cùng hòa hợp nương nhau mà sinh khởi. Gọi là “hòa hợp thức.” Vì nó chưa đạt được hoàn toàn tinh diệu.

Kinh Văn: Nhược ư sở quy, lã vi tự thể, tận hư không giới, thập nhị loại nội, sở hữu chúng sanh, giai ngã thân trung, nhất loại lưu xuất, sanh thắng giải giả, thị nhân tắc đạo, năng phi năng chấp. Ma-hê thủ-la hiện vô biên thân, thành kì bạn lữ. Mê Phật bồ-đề, vong thất tri kiến.

Việt dịch: Nếu xem nơi trở về chân thật là tự thể của riêng mình, xem mười hai loại chúng sanh cùng khắp cả pháp giới hư không đều từ trong thân mình sinh ra, quyết định cho kiến giải này là đúng, thì người ấy rơi vào cái chấp năng phi năng, thành bè đảng với Ma-hê-thủ-la, thường hiện ra vô biên thân. Do mê muội tánh bồ-đề của chư Phật, nên bỏ mất chánh tri kiến.

Giảng: Hành giả xem nơi trở về chân thật là tự thể riêng của mình.

Nơi thân mà hành giả quay hướng về cũng còn nằm trong vòng sanh diệt của thức thứ tám. Đó chưa phải là tự thể chân thật của mình. Nhưng hành giả cho là như vậy, nên rơi vào một vọng chấp khác đó là xem mười hai loại chúng sanh cùng khắp cả pháp giới hư không, từ loài noãn sinh cho đến loài phi vô tướng cùng khắp cả pháp giới hư không đều từ trong thân mình sinh ra.

Xem mười hai loại chúng sanh cùng khắp cả pháp giới hư không đều từ trong thân mình sinh ra.

Các ông có biết chúng sanh từ đâu mà có không? Hành giả hỏi: Rồi tự trả lời: “Hoàn toàn từ thân tôi mà ra. Tôi sinh ra tất cả các

loài chúng sinh ấy.”

Giống như trước đây có một hành giả đã nói: “Các loài chúng sinh đều là con đẻ của ta cả. Ngay cả chư Phật, chư Bồ-tát, các vị A-la-hán . Ta đều sinh ra những vị ấy, ta có thể sinh ra các vị Bồ-tát và A-la-hán.” Hãy xem kỹ cái thói ngã chấp điên đảo của người này.

Quyết định cho kiến giải này là đúng.

Nếu hành giả quyết định cho kiến giải này là đúng. Anh ta cho kiến giải ấy là thù thắng, nhưng thực ra chẳng phải như vậy. Kiến giải này hoàn toàn căn cứ vào tà kiến nên không thể gọi là thù thắng được. Nếu nó thực sự thù thắng, nó sẽ phù hợp với Phật pháp. Thế nên khi quý vị công phu và đọc kinh Phật, cốt yếu là phải hiểu thật rõ ràng ý kinh.

Thì người ấy rơi vào cái chấp năng phi năng, thành bè đảng với Ma-hê-thủ-la.

Rơi vào chấp trước sai lầm cho rằng mình đạt được một năng lực mà không thực có. Anh ta nói rằng có thể sinh ra tất cả mười hai loài chúng sinh, nhưng thực ra anh ta hoàn toàn không có khả năng như thế. Đó chỉ là sự ước đoán do anh ta tạo ra từ vọng thức của chính mình. Anh ta thực sự không có khả năng ấy, nhưng anh ta trở nên chấp trước vào ý tưởng rằng mình có năng lực ấy. Quý vị ở đây ai có loại vọng chấp này không? **Thành bè đảng với Ma-hê-thủ-la.**

Ma-hê-thủ-la là vua cõi trời Đại tự tại , là cõi trời cao nhất thuộc Sắc giới, Ma-hê-thủ-la còn gọi là Đại tự tại, vị ấy sinh ra đã có ba con mắt.

Vị này có tám cánh tay, bốn bên phải và bốn bên trái. Những cánh tay phía trước rất thuận lợi để cầm nắm đồ vật. Những cánh tay đằng sau để cầm những vật lấy cắp được. Vì một tay chưa đủ, hai tay vẫn không đủ để lấy và cất giữ vật dụng lấy được, nên ông ta có đến tám tay. Ông ta có thể cầm nắm rất nhiều thứ. Nếu ông đi ra vào công ty bách hóa, tôi chắc là nhân viên bảo vệ canh chừng người ăn cắp hàng hóa sẽ rất khó khăn khi canh chừng vị này, vì ông ta có quá nhiều tay.

Vị này thường cỡi trên trâu trắng, tay cầm phất trần màu trắng.

Ông ta dạo chơi khắp nơi rất tự tại. Ông ta nói: “Hãy nhìn xem ta hoàn toàn tự do. Các ông chẳng được như ta, ta đã có được tự tại tuyệt đối.” Đó là lý do tại sao gọi vị này là Đại tự tại .

Thường hiện ra vô biên thân.

Đại tự tại Thiên vương thường hiện ra vô số thân. Vị vua trời này chấp rằng ông ta có thể hiện ra vô số thân, nên ông ta tuyên bố rằng tất cả các loài chúng sinh đều sinh khởi từ ông ta. Nay hành giả cũng đang tu tập pháp môn này. Anh ta cũng có chấp trước như thế. Anh ta cho rằng tất cả mọi loài chúng sinh đều sinh ra từ anh ta. Quý vị hãy nghĩ xem! Làm sao người khi chưa thành Phật mà có khả năng xuất sinh các loại hữu tình? Đây là một loại vọng chấp, anh ta nghĩ là mình có khả năng ấy, trong khi không thực có. Anh ta đã kết duyên thuộc với Đại tự tại Thiên vương và rơi vào cõi trời Đại tự tại.

Do mê muội tánh bồ-đề của chư Phật, nên bỏ mất chánh tri kiến. Mê muội tánh bồ-đề của chư Phật, hành giả đánh mất chánh tri kiến.

Hành giả không nhận ra được sự giác ngộ chân chính, cũng không có trí tuệ chân chính. Thế nên anh ta đọa lạc vào thiên ma ngoại đạo.

Kinh Văn: Thị danh đệ nhị, lập năng vi tâm, thành năng sự quả, vi viên viên thông, bối niết-bàn thành, sanh đại mạn thiên, ngã biến viên chủng.

Việt dịch: Đây là dạng thứ hai, lập nên cái tâm năng vi, thành cái quả năng sự, trái xa với tính viên thông, ngược với đạo niết-bàn, sinh ra giống Đại mạn thiên, chấp cái ta trùm khắp.

Giảng: Đây là dạng thứ hai, lập nên cái tâm năng vi, thành cái quả năng sự.

Đây là dạng thứ hai lập nên luận về quả vị có thể chứng đắc căn cứ vào ý tưởng mình có một năng lực. Dựa vào ý tưởng mình có năng lực khiến làm xuất sinh các loại chúng sinh, nên nghĩ rằng mình đạt được quả vị dường như trùm khắp viên mãn.

Nên **trái xa với tính viên thông.**

Những suy nghĩ và việc làm của hành giả đều trái nghịch với pháp môn nhĩ căn viên thông, hướng tánh nghe vào bên trong để nhận ra tự tánh của chính mình (phản văn văn tự tánh). Trái ngược với đạo niết-bàn. Hành giả cũng đi ngược với đạo lý bất sinh bất diệt.

Ngược với đạo niết-bàn, sinh ra giống Đại mạn thiên, chấp cái ta trùm khắp.

Sinh ra hạt giống Đại mạn thiên, chấp cái ta trùm khắp viên mãn. Rồi cùng, hành giả sẽ bị thọ sinh trong cõi trời Đại mạn. Đó là cõi của đại Tự tại thiên. Đại mạn có nghĩa là xem thường tất cả mọi người và mọi loài, vị này luôn luôn cõi trâu trắng, có ba mắt, tám cánh tay. Nghĩ rằng mình rất là ưu việt. Cưỡi trâu trắng đi lại một cách tự do, rất tự mãn. Vì vị ấy nghĩ rằng cuộc sống của mình rất là phi thường, nên sinh ra ngã mạn cống cao. Vị ấy tuyên bố: “Ta hoàn toàn trùm khắp cả pháp giới, ta có khả năng thành tựu tất cả mọi việc.”

3 – TÀ KIẾN VỀ CÁI KHÔNG PHẢI THƯỜNG MÀ CHO LÀ THƯỜNG

Kinh Văn: Hựu thiện nam tử, cùng chư hành không, dĩ diệt sanh diệt, nhi ư tịch diệt, tinh diệu vị viên.

Việt dịch: Lại nữa thiện nam tử ấy đã quán sát tướng tận tính không của các hành, đã chấm dứt sinh diệt rồi, nhưng chưa viên mãn tính tịnh diệu của tịch diệt.

Giảng: Lại nữa thiện nam tử ấy đã quán sát tướng tận tính không của các hành, đã chấm dứt sinh diệt rồi, nhưng chưa viên mãn tính tịnh diệu của tịch diệt.

Lại nữa, hành giả người đang tu tập định lực, đã phá trừ được hành ấm .

Quán sát cùng tột tánh không của hành ấm . Đã chấm dứt hẳn ý niệm niệm tướng sinh diệt. Nhưng chưa được tính tịnh diệu, viên mãn của sự tịch diệt. Anh ta chưa hoàn toàn đạt được niềm vui tịch diệt.

Kinh Văn: Nhược ư sở quy, hữu sở quy y, tự nghi thân tâm, tòng bỉ lưu xuất, thập phương hư không, hàm kì sanh khởi. Túc ư đô khởi, sở tuyên lưu địa, tác chân thường thân vô sanh diệt giải, tại sanh diệt trung, tảo kế thường trụ. Kí hoặc bất sanh, diệt mê sanh diệt. An trụ trầm mê, sanh thắng giải giả, thị nhân tắc đọa thường phi thường chấp, kế Tự tại thiên, thành kỳ bạn lữ. Mê Phật bồ-đề, vong thất tri kiến.

Việt dịch: Nếu lúc quay về, thấy có chỗ sở quy, tự nghi thân tâm mình từ nơi ấy sinh ra, mười phương hư không cũng từ đó sinh khởi. Ngay nơi chỗ sinh ra tất cả đó, cho là cái thể chân thường không sinh diệt, ở trong sinh diệt, vội chấp là thường trụ. Chẳng những mê lầm tánh bất sinh, mà còn mê lầm tánh sinh diệt. Chìm đắm trong mê lầm, mà sanh kiến giải thù thắng, người ấy rơi vào kiến chấp thường phi thường, thành ra bè đảng với Tự tại thiên. Mê lầm tánh bồ-đề của chư Phật, lạc mất chánh tri kiến.

Giảng: Nếu lúc quay về, thấy có chỗ sở quy, tự nghi thân tâm mình từ nơi ấy sinh ra.

Nếu hành giả xem việc quay về của mình như là có một nơi chốn để nương tựa, có một mối nghi ngờ phát sinh trong tâm hành giả, thì hành giả sẽ nghi thân tâm mình từ nơi ấy mà sinh ra, vọng chấp ở trước là chính mình đã sinh ra tất cả các loài chúng sinh. Bây giờ, hành giả nghĩ rằng mình lưu xuất từ nơi mà mình quay về nương tựa.

Mười phương hư không cũng từ đó sinh khởi.

Mười phương hư không cũng từ đó mà sinh khởi. Hành giả có kiến giải rằng nơi sinh ra tất cả là cái thân chân thường, không sinh không diệt.

Nơi đó là nơi nương tựa mà hành giả quay về. Anh ta tuyên bố rằng chẳng còn có gì can dự trong sanh tử. Tại sao anh ta nói như thế? Vì anh ta đã bị nhầm lẫn trong kiến giải cố chấp sai lầm của anh ta.

Ngay nơi chỗ sinh ra tất cả đó, cho là cái thể chân thường không sinh diệt, ở trong sinh diệt, vội chấp là thường trụ.

Trong khi vẫn còn thức là đối tượng trong sinh diệt, mà vội chấp

là thường trụ. Hành giả suy đoán rằng thức ấy là vĩnh cửu bất biến.

Chẳng những mê lầm tánh bất sinh, mà còn mê lầm tánh sinh diệt.

Chẳng những hành giả mê lầm tánh bất sinh, mà còn mê lầm cả tánh sinh diệt nữa. Vì hành giả không hiểu được đạo lý bất sinh, nên cũng không được thông suốt đạo lý sinh diệt.

Chìm đắm trong mê lầm. Trở nên chấp trước vào cảnh giới này không rời ra khỏi được. Dụng công tu tập ngay nơi điểm này nên thực sự chìm sâu vào trong mê lầm.

Chìm đắm trong mê lầm, mà sanh kiến giải thù thắng, người ấy rơi vào kiến chấp thường phi thường.

Nếu cho rằng đây là một loại kiến giải thù thắng là rơi vào kiến chấp “cái không thường hằng trở nên thường hằng.” Nếu hành giả cho kiến chấp ấy là đúng đắn, có nghĩa là trên sự chấp trước còn gán thêm một niệm chấp trước nữa. Trở nên chấp rằng tất cả đều là thường hằng, trong khi nó chẳng phải là chân thường.

Thành ra bè đảng với Tự tại thiên. Mê lầm tánh bồ-đề của chư Phật, lạc mất chánh tri kiến. Không còn trí tuệ chân chánh nữa.

Kinh Văn: Thị danh đệ tam lập nhân y tâm, thành vọng kế quả, vi viễn viên thông, bối niết-bàn thành, sanh đảo viên chùng.

Việt dịch: Đây là dạng thứ ba, lập nên cái tâm nhân y, thành cái quả vọng kế, trái xa với viên thông, ngược với đạo niết-bàn, sinh ra giống đảo viên .

Giảng: Đây là dạng thứ ba, lập nên cái tâm nhân y.

Dạng thứ ba của ngoại đạo lập nên suy luận sai lầm căn cứ vào ý tưởng cho rằng có nơi để nương tựa.

Thành cái quả vọng kế.

Hành giả lập nên quan niệm có một nơi để nương vào, nên lập thành một thứ vọng chấp về quả.

Trái xa với viên thông, ngược với đạo niết-bàn, sinh ra giống đảo viên .

Nên trái ngược hẳn với đạo niết-bàn, làm sinh khởi quan niệm điên đảo về sự viên mãn (đảo viên). Anh ta đi ngược với đạo lý viên thông rất xa, trở nên cố chấp vào một quan niệm sai lầm điên đảo về sự viên mãn.

4 – TÀ KIẾN VỀ VẬT CÓ TRI GIÁC VÀ KHÔNG CÓ TRI GIÁC

Kinh Văn: Hựu thiện nam tử, cùng chư hành không, dĩ diệt sanh diệt, nhi ư tịch diệt, tinh diệu vị viên.

Việt dịch: Lại nữa thiện nam tử ấy đã quán sát tướng tận tính không của các hành, đã chấm dứt sinh diệt rồi, nhưng chưa viên mãn tính tịnh diệu của tịch diệt.

Giảng: Lại nữa thiện nam tử ấy đã quán sát tướng tận tính không của các hành, đã chấm dứt sinh diệt rồi, nhưng chưa viên mãn tính tịnh diệu của tịch diệt.

Lại nữa, hành giả quán sát cùng tột tánh không của hành ấm . Đã chấm dứt hẳn ý niệm sinh diệt. Đã chuyển hóa được bản chất, nơi sinh khởi những niệm sinh diệt. Nhưng chưa đạt được tính vi diệu viên mãn của sự tịch diệt.

Kinh Văn: Nhược ư sở tri, tri biến viên cố, nhân tri lập giải, thập phương thảo mộc, giai xưng hữu tình, dĩ nhân vô dị, thảo mộc vi nhân, nhân tử hoàn thành, thập phương thảo thụ. Vô trạch biến tri, sanh thắng giải giả, thị nhân tắc đọa, tri vô tri chấp. Bà-trá, Tiển-ni, chấp nhất thiết giác, thành kì bạn lữ. Mê Phật bồ-đề, vong thất tri kiến.

Việt dịch: Nếu nơi chỗ hay biết, nhân cái hay biết cùng khắp mà cho rằng tất cả thảo mộc trong khắp mười phương đều gọi là hữu tình, không khác gì người, cây cỏ làm người, người chết trở thành cây cỏ mười phương. Không quyết trạch rõ ràng cái

biết cùng khắp này, cho là thắng giải, người ấy rơi vào kiến chấp tri vô tri. Trở thành bè đảng với Bà-tra , Tiển-ni, chấp tất cả đều có tánh biết. Do đó nên mê lầm tánh bồ-đề của chư Phật, lạc mất chánh tri kiến.

Giảng: Nếu nơi chỗ hay biết, nhân cái hay biết cùng khắp mà cho rằng tất cả thảo mộc trong khắp mười phương đều gọi là hữu tình, không khác gì người, cây cỏ làm người, người chết trở thành cây cỏ mười phương.

Căn cứ trên ý tưởng có các biết cùng khắp, hành giả lập nên luận thuyết. Hành giả suy luận từ những điều đã biết được, là có tánh biết cùng khắp, và lập nên kiến giải về điều này. Kiến giải gì? Quý vị cũng như tôi không thể nào tưởng tượng ra nổi. Anh ta cho rằng tất cả thảo mộc trong khắp mười phương đều là loài hữu tình.

Người Trung Hoa có câu:

“Nhân phi thảo mộc, thực năng vô tình.”

Nghĩa là: “Người chẳng phải là cây cỏ, ai lại vô tình.” Câu này ý nói thảo mộc là loài vô tình. Nhưng ở đây hành giả quyết đoán rằng tất cả các loài thảo mộc đều là hữu tình.

Không khác gì người. Thảo mộc cũng giống như người, nên nó có sự sống.

Thảo mộc có thể trở thành người, khi người chết lại trở thành thảo mộc trong khắp mười phương. Sau khi chết, người trở lại thành thảo mộc.

Không quyết trạch rõ ràng cái biết cùng khắp này, cho là thắng giải, người ấy rơi vào kiến chấp tri vô tri.

Nếu hành giả không quyết trạch rõ ràng tri giải này, vẫn cho là đúng. Anh ta không có trí tuệ chân chính để tuyển trạch lý thuyết về tánh biết cùng khắp này. Anh ta đang tự nỗ lực làm cho kiến giải sai lầm của mình thành một pháp môn kỳ đặc, quái dị.

Thì sẽ rơi vào kiến chấp “tri vô tri.” Anh ta tuyên bố là hiểu được đạo lý này, nhưng thực ra anh ta hoàn toàn vô minh. Anh ta chẳng hiểu biết gì hết, nhưng cứ khẳng khẳng cho mình hiểu.

Anh ta giống như hai đệ tử của ngoại đạo.

Trở thành bè đảng với Bà-tra , Tiển-ni.

Bà-tra tên tiếng Phạn nghĩa là tránh đến gần. Tại sao ông ta có cái tên như thế. Vì ông ta nguyên làm mục đồng. Một hôm vị Hoàng tử con vị vua trị vì thành Tỳ-xá-ly đi dạo chơi ngoài thành, gặp cậu bé chăn cừu. Hoàng tử nằm trên mình cậu bé mục đồng, xem đó như một chiếc giường và ngủ một giấc ngon lành. Việc này làm cho cậu bé chăn cừu rất phấn khích. Trở về nhà báo với mẹ rằng: “Hoàng tử thành Tỳ-xá-ly đã nằm ngủ trên mình con như nằm trên một chiếc giường.” Bà mẹ biết rằng vị Hoàng tử sẽ lên ngôi vua, sẽ có rất nhiều quyền lực. Nên bà mẹ bảo chú mục đồng: “Ngay từ bây giờ, con phải tránh xa Hoàng tử ấy, đừng đến gần ông ta nữa.” Tên Bà Tra có nghĩa là như vậy.

Tiển Ni cũng là tên tiếng Phạn, dịch sang tiếng Hán là “Hữu Quân ” có nghĩa là người thích làm lính tráng và có khí phách của người lính.

Chấp tất cả đều có tánh biết. Hai người này họ tin tưởng rằng mình biết được rất nhiều điều, bây giờ trở thành bạn đồng hành với hành giả này.

Do đó nên mê lầm tánh bồ-đề của chư Phật, lạc mất chánh tri kiến.

Kinh Văn: Thị danh đệ tử, kế viên tri tâm, thành hư mậu quả, vi viễn viên thông, bối niết-bàn thành, sanh đảo tri chúng.

Việt dịch: Đây là dạng thứ tư, chấp cái tâm viên tri, thành hư mậu quả, trái xa với tánh viên thông, ngược với đạo niết-bàn, làm sinh khởi hạt giống đảo tri.

Giảng: Đây là dạng thứ tư, chấp cái tâm viên tri, thành hư mậu quả,

Đây là dạng thứ tư có kế chấp sai lầm căn cứ vào ý tưởng có tánh biết cùng khắp. Trong loại kiến chấp thứ tư này hành giả tuyên bố rằng anh ta biết tất cả mọi thứ và nghĩ rằng không có thứ gì mà mình không biết. Tuy vậy đó chỉ là kiến chấp của hành giả. Thực sự anh ta chẳng biết cái gì cả. Anh ta nhận một

kết quả sai lầm. Sai lầm có nghĩa là không có những sự việc như thế.

Trái xa với tánh viên thông, Nên hành giả hoàn toàn trái xa với tánh viên thông. Hành giả hoàn toàn đi ngược với pháp môn tu tập “nhĩ căn viên thông.”

Ngược với đạo niết-bàn. Nghịch hướng với đạo Niết Bàn, với đạo lý bất sinh bất diệt.

Làm sinh khởi hạt giống đảo tri.

Làm sinh khởi hạt giống “cái biết điên đảo” là một loại tri kiến điên đảo, như thảo mộc. Chẳng có ai xem đó là loài hữu tình, nhưng hành giả lại cho như thế. Cho rằng con người cũng chỉ như cây cỏ; thế nên cây cỏ cũng có thể trở thành người.

Có người nói: “Nhưng có những cây cỏ thụ có linh hồn, phải chăng nó cũng có tánh biết?” Không, trong trường hợp đó, có một loại tinh linh gá vào thân cây cỏ thụ. Chớ chẳng phải tự nó có tánh biết như loài hữu tình.

5 – TÀ CHẤP VỀ CÁI KHÔNG SANH MÀ CHO LÀ SANH

Kinh Văn: Hựu thiện nam tử, cùng chư hành không, dĩ diệt sanh diệt, nhi ư tịch diệt, tinh diệu vị viên.

Việt dịch: Lại nữa thiện nam tử ấy đã quán sát tướng tận tính không của các hành, đã chấm dứt sinh diệt rồi, nhưng chưa viên mãn tính tịnh diệu của tịch diệt.

Giảng: Lại nữa thiện nam tử ấy đã quán sát tướng tận tính không của các hành, đã chấm dứt sinh diệt rồi, nhưng chưa viên mãn tính tịnh diệu của tịch diệt.

Lại nữa, hành giả. Người đang tu tập chánh định, tập trung nghiên cứu đến mức quán sát cùng tột tánh không của hành ấm . Đã chấm dứt hẳn ý niệm sanh diệt. Nhưng chưa được tính tịnh diệu, viên mãn của sự tịch diệt. Hành giả vẫn còn mang trong tâm thức những hạt giống sinh diệt rất nhỏ nhiệm, vi tế.

Kinh Văn: Nhược ư viên dung, căn hồ dụng trung, dĩ đắc tùy thuận. Tiệ ư viên hóa, nhất thiết phát sanh, cầu hỏa quang minh, lạc thủy thanh tịnh, ái phong châu lưu, quán trần thành tựu, các các sùng sự. Dĩ thử quần trần, phát tác bản nhân, lập thường trụ giải. Thị nhân tắc đạo, sanh vô sanh chấp. Chư Ca-diếp-ba, tính bà-la-môn, cần tâm dịch thân, sự hỏa sùng thủy, cầu xuất sanh tử, thành kì bực lữ. Mê Phật bồ-đề, vong thất tri kiến.

Việt dịch: Nếu trong lúc đã đạt được sự tùy thuận viên dung hồ tương của các căn, lại nơi tính viên dung biến hoá hết thảy đều phát sinh, mong cầu ánh sáng của lửa, thích tính trong lặng của nước, ưa sự châu lưu của gió, nhìn ngắm xem xét sự thành tựu của đất, trân trọng mọi loài. Nhận tứ đại ấy làm bản nhân, nhận đó là tánh thường trụ. Người ấy rơi vào kiến chấp sanh vô sinh, trở thành bè đảng với ngoại đạo Ca-diếp-ba và bà-la-môn thờ lửa và nước để cầu vượt thoát sinh tử. Mê mờ tánh bồ-đề của chư Phật, đánh mất chánh tri kiến.

Giảng: Nếu trong lúc đã đạt được sự tùy thuận viên dung hồ tương của các căn, lại nơi tính viên dung biến hoá hết thảy đều phát sinh.

Nếu hành giả đã đạt được sự linh hoạt trong trạng thái sự dung nhiếp trọn vẹn. Và sự dung thông chức năng của sáu căn với nhau. Nếu hành giả có thể tùy thuận theo ý nguyện của mình, làm được bất kỳ điều gì mình mong muốn.

Mong cầu ánh sáng của lửa, thích tính trong lặng của nước, ưa sự châu lưu của gió, nhìn ngắm xem xét sự thành tựu của đất.

Hành giả cho rằng tất cả mọi vật đều sinh khởi từ sự biến hóa viên mãn này. Hành giả trở nên chấp vào tính biến hóa viên mãn nơi mà từ đó các vật lưu xuất ra. Nên hành giả mong cầu ánh sáng của lửa, và thờ lửa với lòng nhiệt thành cao độ. Cũng ưa thích tính trong lặng của nước sùng bái một cách phi thường tính chất trong lặng của nước, ưa sự châu lưu của gió, yêu mến tính chất chuyển động khắp nơi không dừng nghỉ của gió và xem xét sự thành tựu của đất. Hành giả đều trân trọng mỗi loại, từng yếu tố đất, nước, gió, lửa. Anh ta lạy lửa, cúi mình đánh lễ nước, thờ phượng gió và khấu đầu trước đất.

Trân trọng mọi loài. Anh ta nói: “Thật là bất khả tư nghị” làm

sao mà lửa lại phát ra ánh sáng. Nước lại rất thanh tịnh. Ta phải thờ phụng các thứ ấy.” Từ sáng đến tối anh ta cứ lạy đất, nước, gió, lửa và thờ phụng bốn yếu tố này. Anh ta sùng bái và cúng dường tứ đại. Mỗi yếu tố có một vị thần. Anh ta đều cung kính thờ phụng các vị thần lửa, thần gió, thần nước, thần đất như tổ tiên ông bà của mình.

Nhận tứ đại ấy làm bản nhân, nhận đó là tánh thường trụ.

Ma-ha Ca-diếp là đệ tử của Đức Phật. Nguyên trước kia là thành viên của nhóm ngoại đạo thờ lửa, thường hướng về lửa mà lễ bái. Nhận những tứ đại đất, nước, lửa, gió làm nhân căn bản của chính hành giả và xem nó là tánh hiểu biết thường trụ. Anh ta cho rằng tứ đại này thường trụ mãi mãi. Đúng vậy. Đất, nước, gió, lửa chỉ là tánh Như Lai tạng . Tuy nhiên, anh phải nên cung kính tánh Như Lai tạng chứ không nên sùng bái đất, nước, gió, lửa. Nếu làm như thế có nghĩa là gắn thêm một cái đầu trên cái đầu của mình. Thay vì ngay nơi bản tâm mà dụng công phu tu tập, thay vì cung kính tánh Như Lai tạng và chư Phật, mà lại đi lại thờ phụng những thứ siêu hình.

Nên hành giả rơi vào kiến chấp sai lầm, nhận cái không sinh làm sinh. Anh ta muốn chấm dứt sinh tử, nhưng không có khả năng làm được việc ấy, nên lập ra kiến chấp như vậy.

Người ấy rơi vào kiến chấp sanh vô sinh, trở thành bè đảng với bọn ngoại đạo Ca-diếp-ba và Bà-la-môn thờ lửa và nước để cầu vượt thoát sinh tử. Mê mờ tánh bồ-đề của chư Phật, đánh mất chánh tri kiến

Ca-diếp-ba thuộc dòng họ Đại Quy, cùng với các Phạm chí, Bà-la-môn tu tập hạnh thanh tịnh. Họ bắt ép thân tâm mình tuân theo những việc khổ nhọc vô ích. Họ thờ phụng lửa và lễ bái nước. Cầu mong qua việc thờ phụng tứ đại mà có thể vượt thoát sinh tử. Hành giả thành bè bạn với loại ngoại đạo này.

Mê lầm tánh bồ-đề của chư Phật đánh mất chánh tri kiến.

Đánh mất trí tuệ chân chính.

Kinh Văn: Thị danh đệ ngũ, kế trước sùng sự, mê tâm từng vật, lập vọng cầu nhân, cầu vọng kí quả, vi viễn viên thông, bồi

niết-bàn thành, sanh điên hóa chủng.

Việt dịch: Đây là dạng thứ năm, chấp trước việc sùng bái sự vật, tâm mê theo vật, lập nhân hư vọng, để cầu quả hư vọng, nên xa rời tính viên thông, trái ngược đạo niết-bàn, làm sinh khởi hạt giống điên hóa.

Giảng: Đây là dạng thứ năm, mê lầm chấp trước vào việc sùng bái sự vật. Lập nên cái nhân hư vọng, khiến tâm chấp trước vào việc thờ phụng tứ đại.

Tâm mê theo vật, lập nhân hư vọng, để cầu quả hư vọng.

Đây là luận thuyết điên đảo thứ năm. Quan niệm điên đảo đã đưa hành giả đến việc thờ phụng, cúng dường tứ đại. Anh ta trở nên mê mờ chân tâm thường trụ, Như Lai Tạng tánh của chính mình. Lại đuổi theo sự vật bên ngoài. Anh ta dựng lên cho riêng mình một kiến giải sai lầm cho vấn đề giải thoát sanh tử. Đây chính là “cái nhân sai lầm.” Với nhân mê lầm này anh ta hoàn toàn đánh mất hi vọng vượt thoát sanh tử.

Xa rời tính viên thông, trái ngược đạo niết-bàn, làm sinh khởi hạt giống điên hóa.

Hành giả trở nên xa hẵn với tính viên thông, trái ngược với đạo niết-bàn, làm sanh khởi hạt giống “biến hóa điên đảo.”

6 – TÀ CHẤP CHỖ TRỞ VỀ, MÀ KỲ THẬT KHÔNG PHẢI LÀ CHỖ TRỞ VỀ

Kinh Văn: Hựu thiện nam tử, cùng chư hành không, dĩ diệt sanh diệt, nhi ư tịch diệtn tinh diệu vị viên .

Việt dịch: Lại nữa thiện nam tử ấy đã quán sát tướng tận tính không của các hành, đã chấm dứt sinh diệt rồi, nhưng chưa viên mãn tính tịnh diệu của tịch diệt.

Giảng: Lại nữa thiện nam tử ấy đã quán sát tướng tận tính không của các hành..

Hành giả người đang tu tập pháp môn “nhĩ căn viên thông”

hướng tánh nghe vào bên trong để nhận ra tự tánh của mình.

Quán sát cùng tột tánh không của hành ấm . Anh ta đã nghiên cứu cùng tận hành ấm, thấy nó hoàn toàn không và đã vượt qua được hành ấm.

Đã chấm dứt sinh diệt rồi, nhưng chưa viên mãn tính tịnh diệu của tịch diệt.

Đã chấm dứt được hẳn ý niệm con đường sinh diệt. Nhưng chưa được tính tịnh diệu, viên mãn của sử tịch diệt.

Kinh Văn: Nhược ư viên minh, kế minh trung hư, phi diệt quần hóa, dĩ vĩnh diệt y, vi sở quy y, sinh thắng giải giả, thị nhân tắc đạo quy vô quy chấp, vô tướng thiên trung, chư thuận-nhã-đa thành kì bạn lữ. Mê Phật bồ-đề, vong thất tri kiến.

Việt dịch: Nếu nơi cảnh viên minh, chấp cái rỗng không trong tánh viên minh, chối bỏ tiêu diệt mọi sự biến hóa, nhận sự tịch diệt hẳn làm nơi nương về, rồi xem đây là kiến giải đúng đắn, thì người ấy sẽ rơi vào cái chấp quy vô quy, thành bè bạn của nhóm thuận-nhã-đa ở cõi trời Vô tướng. Mê lầm tánh bồ-đề của chư Phật, đánh mất chánh tri kiến.

Giảng: Nếu nơi cảnh viên minh, chấp cái rỗng không trong tánh viên minh, chối bỏ tiêu diệt mọi sự biến hóa, nhận sự tịch diệt hẳn làm nơi nương về.

Hành giả chấp có cái rỗng không trong tánh viên minh. Do đó chối bỏ mọi sự biến hóa. Nhận sự tịch diệt làm nơi nương về.

Anh ta suy đoán có cái rỗng không ở trong tánh sáng suốt tròn đầy. Nhưng đó không phải là thực tại. Đó phải chăng là chối bỏ sự hiện hữu của hết thảy chúng hữu tình hay sao? Do vậy đó không phải là chỗ tịch diệt để nương về. Thế mà hành giả vẫn quy hướng về nơi tịch diệt ấy.

Rồi xem đây là kiến giải đúng đắn. Nếu hành giả xem đây là kiến giải đúng đắn.

Nếu anh ta khởi lên sự hiểu biết điên đảo này thì sẽ rơi vào sai lầm, **thì người ấy sẽ rơi vào cái chấp quy vô quy**, Anh ta muốn

có một nơi để quay về nương náu, nhưng chưa tìm thấy. Nơi ấy chẳng phải vĩnh viễn sinh hoặc vĩnh viễn diệt. Nên đó không thể là nơi nương nhờ được. Đó là nơi mà hành giả muốn quay về nương tựa. Nên đó chẳng phải là nơi chân thực để quay về.

Thành bè bạn của nhóm thuận-nhã-đa ở cõi trời Vô tướng.

Kiến chấp của hành giả chẳng phải là ở cõi trời Vô tướng trong cõi trời Tứ thiền , mà là ở cõi trời Phi tướng phi phi tướng . Thần Hư không (thuận-nhã-đa) ở đây trở thành bạn bè với hành giả.

Mê lầm tánh bồ-đề của chư Phật, đánh mất chánh tri kiến.

Kinh Văn: Thị danh đệ lục, viên hư vô tâm, thành không vong quả, vi viên viên thông, bối niết-bàn thành, sinh đoạn diệt chủng.

Việt dịch: Đây là loại thứ sáu, viên thành cái tâm hư vô, lập nên cái quả không mất, trái xa tính viên thông, nghịch với đạo niết-bàn, làm sanh khởi giống đoạn diệt.

Giảng: Đây là loại thứ sáu, viên thành cái tâm hư vô, lập nên cái quả không mất.

Đây là loại thứ sáu của kiến giải điên đảo, nhận cái ngoan không, và căn cứ vào ý tưởng về cái không ở trong tánh viên minh. Cảnh giới hành giả đạt được là không có thực.

Hành giả **trái xa đạo viên thông**. Công phu tu tập hoàn toàn trái xa với pháp môn “Nhĩ căn viên thông .” Nghịch hẳn với đạo niết-bàn. Những công hạnh anh ta tu tập đều ngược với hướng đến quả vị vi diệu của niết-bàn.

Làm sanh khởi giống đoạn diệt.

7 – TÀ CHẤP VỀ SỰ THAM ĐẮM CÁI KHÔNG THỂ THAM ĐẮM

Kinh Văn: Hựu thiện nam tử, cùng chư hành không, dĩ diệt sanh diệt, nhi ư tịch diệt, tinh diệu vị viên.

Việt dịch: Lại nữa thiện nam tử ấy đã quán sát tướng tận tính

không của các hành, đã chấm dứt sinh diệt rồi, nhưng chưa viên mãn tính tịnh diệu của tịch diệt.

Giảng: Lại nữa thiện nam tử ấy đã quán sát tường tận tính không của các hành, đã chấm dứt sinh diệt rồi, nhưng chưa viên mãn tính tịnh diệu của tịch diệt.

Hành giả người đang tu tập định lực quán sát cùng tột tánh không của hành ấm . Đối với hành giả đã đạt đến cái không của hành ấm rồi. Đã chấm dứt hẳn ý niệm sinh diệt, nhưng chưa được tính tịnh diệu, viên mãn của sự tịch diệt. Chưa đạt được niềm vui vi diệu viên mãn của sự tịch diệt.

Kinh Văn: Nhược ư viên thường, cố thân thường trụ, đồng vu tính viên, trường bất khuynh thế, sinh thắng giải giả. Thị nhân tắc đoạ tham phi tham chấp. Chư A-tư-đà, cầu trường mệnh giả, thành kì bạn lữ. Mê Phật bồ-đề, vong thất tri kiến.

Việt dịch: Nếu nơi tính viên thường, củng cố cái thân cho thường trụ như tính ấy, mãi mãi không suy mất, rồi cho đó là thù thắng, thì sẽ mắc vào cái chấp tham phi tham. Nên người ấy thành bè đảng với A-tư-đà, mong cầu trường sanh. Mê lầm tánh bồ-đề của chư Phật, đánh mất chánh tri kiến.

Giảng: Nếu nơi tính viên thường, củng cố cái thân cho thường trụ như tính ấy, mãi mãi không suy mất.

Trong trạng thái dường như thường trụ viên mãn, hành giả có thể bảo trì cái thân, cầu mong được sống lâu trong cảnh giới vi diệu viên mãn ấy, mà không chết.

Anh ta nỗ lực hết sức làm cho thân mình kiên cố bền chắc, ước mong được sống mãi mãi trên thế gian. Anh ta tìm cầu sự bất tử, một đời sống tinh thuần, trong sáng và viên mãn.

Rồi cho đó là thù thắng, nếu hành giả chấp đây là cảnh giới thù thắng. Nếu như anh ta có tri giải điên loạn này thì sẽ rơi vào sai lầm, vì anh ta tham cầu bất tử nhưng không thể nào đạt được điều ấy. Với chấp tham đắm điều không thể đạt được (tham phi tham).

Nên người ấy thành bè đảng với A-tư-đà, mong cầu trường sanh.

A-tư-đà là phiên âm từ tiếng Phạn, nghĩa là “không so sánh được.” Có nghĩa là không có ai có thể sánh với ông ta. Ông và các đệ tử là một nhóm ngoại đạo sống ở cõi trời, tham cầu sự bất tử, hành giả đã kết thành quyến thuộc với nhóm ngoại đạo này.

Mê lầm tánh bồ-đề của chư Phật, đánh mất chánh tri kiến.

Kinh Văn: Thị danh đệ thất, chấp trước mệnh nguyên, lập cố vọng nhân, thú trường lao quả, vi viễn viên thông, bối niết-bàn thành, sinh vọng diên chủng.

Việt dịch: Đây là dạng thứ bảy, chấp trước cái mạng căn, lập cái nhân củng cố hư vọng, dẫn đến quả báo khổ nhọc lâu dài, trái xa tính viên thông, ngược với đạo niết-bàn, gieo giống sai lầm ưa kéo dài mạng sống.

Giảng: Đây là dạng thứ bảy, chấp trước cái mạng căn.

Đây là dạng thứ bảy, lập nên cái nhân sai lầm bảo trì và ưa thích thường trụ trên thế gian. Căn cứ vào kiến chấp về mạng nguyên.

Lập cái nhân củng cố hư vọng, dẫn đến quả báo khổ nhọc lâu dài

Chấp bám vào cội nguồn của mạng căn của mình, làm kiên cố cái nguyên nhân hư vọng ấy, mong cầu được trường sinh bất tử.

Hành giả **trái xa với tính viên thông**, ngược hẳn với công phu tu tập pháp môn “Nhĩ căn viên thông ” hướng tánh nghe vào bên trong để nhận ra tự tánh của mình.

ngược với đạo niết-bàn, gieo giống sai lầm ưa kéo dài mạng sống

Ngược hướng với đạo niết-bàn, gieo trồng hạt giống sai lầm kéo dài mạng sống.

8 – TÀ CHẤP VỀ CÁI CHÂN THẬT MÀ THẬT SỰ KHÔNG PHẢI CHÂN THẬT

Kinh Văn: Hựu thiện nam tử, cùng chư hành không, dĩ diệt

sanh diệt, nhi ư tịch diệt, tinh diệu vị viên.

Việt dịch:Lại nữa thiện nam tử ấy đã quán sát tướng tận tính không của các hành, đã chấm dứt sinh diệt rồi, nhưng chưa viên mãn tính tịnh diệu của tịch diệt.

Giảng: Lại nữa thiện nam tử ấy đã quán sát tướng tận tính không của các hành, đã chấm dứt sinh diệt rồi, nhưng chưa viên mãn tính tịnh diệu của tịch diệt.

Lại nữa, hành giả người đang tu tập chánh định quán sát cùng tốt tánh không của hành ấm . Anh ta đã vượt qua được hành ấm.

Đã chấm dứt hẳn ý niệm sinh diệt. Nhưng chưa được tính tịnh diệu, niềm vui vi diệu của sự tịch diệt.

Kinh Văn: Quán mệnh hổ thông, khước lưu trần lao, khủng kì tiêu tận. Tiện ư thử tế, tọa liên hoa cung. quảng hóa thất trân, đa tăng bảo viện, tưng tứ kì tâm, sinh thắng giải giả, thị nhân tắc đạo chân vô chân chấp, Tra-chỉ -ca-la thành kì bạn lữ. Mê Phật bồ-đề, vong thất tri kiến.

Việt dịch: Quán sát căn mệnh và trần cảnh dung thông nhau, nên muốn lưu giữ các trần lao, sợ nó bị tiêu mất. Liền ngay lúc ấy ngồi cung hoa sen, hóa ra rất nhiều bảy thứ trân báu, cùng nhiều gái đẹp, buông lung tâm ý mình, rồi cho đây là thù thắng, người ấy rơi vào cái chấp chân vô chân, thành bè bạn của ngoại đạo Tra-chỉ -ca-la. Mê mờ tánh bồ-đề của chư Phật, đánh mất chánh tri kiến.

Giảng: Quán sát căn mệnh và trần cảnh dung thông nhau, nên muốn lưu giữ các trần lao, sợ nó bị tiêu mất.

Khi hành giả quán sát sự quan hệ dung thông với nhau giữa các sinh mạng. Hành giả thấy mạng sống của mình có quan hệ tương giao với các loài chúng sanh khác. Nên muốn bám vào các trần lao, sợ nó bị tiêu mất. Anh ta sợ rằng các trần lao này tiêu tán mất, trong khi anh ta chẳng muốn như vậy.

Liền ngay lúc ấy ngồi cung hoa sen, hóa ra rất nhiều bảy thứ trân báu, cùng nhiều gái đẹp, buông lung tâm ý mình.

Chấp giữ ý tưởng này, do năng lực biến hóa, hành giả ngồi trên cung điện hoa sen, biến ra bảy thứ báu, cùng nhiều gái đẹp buông lung tâm ý mình. Ở trong cung điện hoa sen, anh ta biến hiện ra vô số trân bảo và rất nhiều gái đẹp và nàng hầu. Buông mình vào việc hưởng thụ dục lạc.

Rồi cho đây là thù thắng, người ấy rơi vào cái chấp chân vô chân.

Nếu hành giả chấp đây là cảnh giới thù thắng sẽ rơi vào sai lầm. Chấp cái chẳng phải chân thật, cho là chân thật.

Đến mức độ này, anh ta lại cho cảnh giới này là tuyệt diệu. Nghĩ rằng mình đã chứng đắc được chân lý rồi. Nhưng đó không phải là chân, đó chỉ là vọng chấp của anh ta mà thôi.

Thành bè bạn của ngoại đạo Tra-chỉ -ca-la.

Tra-chỉ -ca-la là phiên âm từ tiếng Phạn. “Tra-chỉ” dịch là “trói buộc.” Có nghĩa là trói buộc chúng sanh bằng sợi dây thừng. “Ca-la” nghĩa là “những việc tôi làm.” Có nghĩa là: “Kiếp sống của tất cả các loài chúng sanh đều bị trói buộc không được tự do.” Điều là những việc do tôi làm mà ra cả. Vì tôi mà các loài chúng sanh ấy không được tự do. Đó là cách suy nghĩ của hai ngoại đạo này, hành giả kết thành quyến thuộc với chúng.

Mê mờ tánh bồ-đề của chư Phật, đánh mất chánh tri kiến.

Anh ta chỉ còn mang trong người một thứ tà tri, tà kiến.

Kinh Văn: Thị danh đệ bát, phát tà tư nhân, lập xí trần quả, vi viễn viên thông, bối niết-bàn thành, sinh thiên ma chủng.

Việt dịch: Đây là dạng thứ tám, lập cái nhân tà tư, thành cái quả trần lao xí thạnh, nghịch xa với tánh viên thông, quay lưng với đạo niết-bàn, làm nảy sinh giống thiên ma.

Giảng: Đây là dạng thứ tám, lập cái nhân tà tư.

Đây là dạng thứ tám, chủ định đắm mình trong dục lạc trần lao, do căn cứ vào cái nhân tà kiến.

Thành quả trần lao xí thạnh. Bối cái nhân sai lầm, anh ta phát

sinh một loại tham dục mạnh như lửa. **Nghịch xa với tánh viên thông, quay lưng với đạo niết-bàn, làm nảy sinh giống thiên ma.** Hành giả trái xa với tính viên thông. Tu tập ngược hướng với pháp môn nhĩ căn viên thông. Quay lưng với đạo niết-bàn, và những đạo lý mà biểu hiện đạo niết bàn, nên làm nảy sinh giống thiên ma. Anh ta sẽ tái sinh trong những cõi trời của loài thiên ma.

9 – ĐỊNH TÁNH THANH VĂN

Kinh Văn: Hựu thiện nam tử, cùng chư hành không, dĩ diệt sanh diệt, nhi ư tịch diệt, tinh diệu vị viên.

Việt dịch: Lại nữa thiện nam tử ấy đã quán sát tướng tận tính không của các hành, đã chấm dứt sinh diệt rồi, nhưng chưa viên mãn tính tịnh diệu của tịch diệt.

Giảng: Lại nữa thiện nam tử ấy đã quán sát tướng tận tính không của các hành, đã chấm dứt sinh diệt rồi, nhưng chưa viên mãn tính tịnh diệu của tịch diệt.

Lại nữa, hành giả người đang tu tập quán chiếu đã quán sát cùng tột tánh không của hành ấm . Đã chấm dứt bản chất phát khởi ý niệm sinh diệt. Nhưng chưa hoàn toàn được tính tịnh diệu, viên mãn của sự tịch diệt.

Kinh Văn: Ư mệnh minh trung, phân biệt tinh thô, sơ quyết chân vi, nhân quả tương thù, duy cầu cảm ứng, bội thanh tịnh đạo; sở vị kiến khổ, đoạn tập, chứng diệt, tu đạo, cư diệt dĩ hựu, cánh bất tiền tiến, sinh thắng giải giả, thị nhân tắc đạo định tính thanh văn, chư Vô Văn tăng, tăng thượng mạn giả, thành kì bạn lữ. Mê Phật bồ-đề, vong thất tri kiến.

Việt dịch: Nơi căn mạng sáng tỏ, phân biệt cái tinh thô, quyết đoán cái chân nguy, sự báo đáp lẫn nhau của nhân quả, chỉ cầu cảm ứng, ngược với đạo thanh tịnh; nghĩa là chỉ thấy khổ đế, dứt trừ tập đế, chứng được diệt đế, tu đạo đế, nơi diệt đế đã yên, không tiến thêm nữa, rồi cho đây là thù thắng, thì người ấy sẽ rơi vào hàng định tánh Thanh văn , thành bè bạn của hàng Vô Văn tăng thượng mạn. Mê mờ tánh bồ-đề của chư

Phật, đánh mất chánh tri kiến.

Giảng: Nơi căn mạng sáng tỏ, phân biệt cái tinh thô, quyết đoán cái chân ngụy, sự báo đáp lẫn nhau của nhân quả, chỉ cầu cảm ứng, ngược với đạo thanh tịnh.

Trong sự hiểu biết hảo huyền về sinh mạng, hành giả phân biệt cái tinh thô, anh ta phân biệt rất kỹ giữa cái tinh anh và thô ráp, xác định cái chân ngụy. Anh ta quyết đoán cái gì chân xác, cái gì giả ngụy. Nhưng chỉ để tìm cầu sự cảm ứng báo đáp lẫn nhau giữa nhân và quả. Anh ta chỉ tìm cầu sự thù đáp lẫn nhau của nhân quả. Cầu mong sự cảm ứng sẽ có được từ nhân quả. Nên hành giả đi ngược với đạo thanh tịnh.

Nghĩa là chỉ thấy khổ đế, dứt trừ tập đế, chứng được diệt đế, tu đạo đế, nơi diệt đế đã yên, không tiến thêm nữa.

Thấy khổ đế, có nghĩa là hiểu rõ về cái khổ. Khổ đế gồm có ba thứ khổ, tám thứ khổ và vô lượng thứ khổ. Tập đế là nói đến tất cả mọi thứ phiền não. Diệt đế liên quan đến việc tu đạo. Chứng được diệt đế có nghĩa là đạt được quả vị diệu lạc của Niết bàn. Đạo đế là con đường, phương pháp tu tập. Đó là ý nghĩa của biết khổ, diệt tập, chứng diệt và tu đạo, thì hành giả dừng nghỉ hẳn nơi diệt đế, không tiến thêm nữa. Khi đã đạt đến diệt đế, anh ta dừng lại không chịu tiến tới nữa.

Rồi cho đây là thù thắng, thì người ấy sẽ rơi vào hàng định tánh Thanh văn , thành bè bạn của hàng Vô Văn tăng thượng mạn.

Nếu hành giả cho đây là nơi thù thắng. Nếu anh ta sinh khởi một loại kiến giải điên cuồng và duy lý và cho đó là thù thắng, thì sẽ rơi vào hàng định tánh Thanh văn.

Định tánh Thanh văn là gì? Chúng ta đã nghe giảng từ trước rồi. Đó là người không chịu hồi hướng quả vị nhỏ về quả vị lớn. Anh ta trở nên sấm hài lòng một cách vội vàng và không muốn tiến thêm nữa.

Thành bè bạn của hàng Vô Văn tăng thượng mạn. Anh ta cũng mê muội như tử-khưu Vô Văn, lầm tưởng Tứ thiên là quả vị thứ tư của hàng a-la-hán. Anh ta thành bè bạn với những người như thế.

Mê mờ tánh Bồ-đề của chư Phật, đánh mất chánh tri kiến.

Kinh Văn: Thị danh đệ cửu, viên tinh ứng tâm, thành thú tịch quả, vi viễn viên thông, bối niết-bàn thành, sinh triền không chủng.

Việt dịch: Đây là dạng thứ chín, viên mãn tâm tinh ứng, thành cái quả thú tịch, trái xa tánh viên thông, ngược với đạo niết-bàn, làm sinh khởi giống triền không.

Giảng: Đây là dạng thứ chín, viên mãn tâm tinh ứng, thành cái quả thú tịch.

Dạng thứ chín là tâm thích hướng về quả tịch diệt, do căn cứ vào cái tâm viên mãn, mong cầu cảm ứng.

Trái xa tánh viên thông. Nên hành giả trái xa với pháp môn “nhĩ căn viên thông” quay lưng với đạo Niết bàn, nên làm sinh khởi hạt giống triền không.

Ngược với đạo niết-bàn, làm sinh khởi giống triền không.

Anh ta mắc kẹt trong cái không, chìm đắm trong sự tịch lặng, không có mong muốn tiến vượt lên và cũng không mong muốn rút lui Cái không là nhu cầu tối quan trọng trong sinh hoạt của anh ta, anh ta trở nên bị vây bọc trong cái không. Thực ra cái “không” nghĩa là xưa nay vốn không có gì. Nhưng anh ta phát minh một cái không trên một cái không khác rồi trở nên chấp dính vào chúng.

10 – ĐỊNH TÁNH DUYÊN GIÁC

Kinh Văn: Hựu thiện nam tử cùng chư hành không dĩ diệt sinh diệt. Nhi ư tịch diệt tinh diệu vị viên.

Việt dịch: Lại nữa thiện nam tử ấy đã quán sát tướng tận tính không của các hành, đã chấm dứt sinh diệt rồi, nhưng chưa viên mãn tính tịnh diệu của tịch diệt.

Giảng: Lại nữa thiện nam tử ấy đã quán sát tướng tận tính không của các hành, đã chấm dứt sinh diệt rồi, nhưng chưa

viên mãn tính tịnh diệu của tịch diệt.

Lại nữa, hành giả đã quán sát cùng tột tánh không của hành ấm . Anh ta đã nghiên cứu đến tận cùng các cảnh giới của hành ấm. Nó hoàn toàn là không đối với hành giả. Đã chấm dứt hẳn ý niệm cảnh giới sinh diệt. Nhưng chưa được tính tịnh diệu, viên mãn của sự tịch diệt.

Kinh Văn: Nhược ư viên dung thanh tịnh giác minh, phát nghiên thâm diệu, tức lập niết-bàn, nhi bất tiền tiến, sinh thắng giải giả, thị nhân tắc đọa định tính tịch chi. Chư duyên độc luân, bất hồi tâm giả, thành kì bạn lữ. Mê Phật bồ-đề, vong thất tri kiến.

Việt dịch: Nếu ở trong tánh giác minh thanh tịnh viên dung, phát minh tánh thâm diệu, liền nhận đó là niết-bàn mà không tiến lên, rồi cho đây là cảnh giới thù thắng, thì người ấy rơi vào hàng định tánh Bích chi. Thành bè bạn với các vị Duyên giác, Độc giác, không hồi tâm hướng về Đại thừa. Mê mờ tánh bồ-đề của chư Phật, đánh mất chánh tri kiến.

Giảng: Nếu ở trong tánh giác minh thanh tịnh viên dung, phát minh tánh thâm diệu, liền nhận đó là niết-bàn mà không tiến lên. Ở trong cảnh giới của tánh giác minh thanh tịnh viên dung, khi phát minh được tánh viên diệu, hành giả có thể nhận lầm đó là niết-bàn và không tiến lên nữa.

Rồi cho đây là cảnh giới thù thắng.

Trong công phu tu tập, ngay cả khi chưa vượt qua được thức ấm . Nếu hành giả cho kiến giải cuồng đại và sai lầm này là cảnh giới thù thắng, **thì người ấy rơi vào hàng định tánh Bích chi**, là những vị không muốn rời bỏ quả vị nhỏ để hướng đến công hạnh tu tập lớn hơn. **Thành bè bạn với những vị Duyên giác và Độc giác, không hồi tâm hướng về Đại thừa.** Hành giả trở thành quyến thuộc với những vị này. **Mê mờ tánh bồ-đề của chư Phật, con đường dẫn đến giác ngộ, đánh mất chánh tri kiến.**

Kinh Văn: Thị danh đệ thập, viên giác vẫn tâm, thành trạm minh quả, vi viễn viên thông, bối niết-bàn thành, sinh giác

viên minh, bất hóa viên chúng.

Việt dịch: Đây là dạng thứ mười, viên thành giác tâm vắng lặng, lập thành cái quả trạm minh, trái xa tánh viên thông, ngược với đạo niết-bàn, làm sinh khởi giống giác ngộ viên minh, nhưng không không hóa giải được kiến chấp về tánh giác viên minh.

Giảng: Đây là dạng thứ mười, là cánh cửa sau cùng trong quá trình chuyển hóa thức ấm . Nếu quý vị qua được cửa này, thì chẳng còn gì phải bận tâm nữa cả. Chẳng có điều gì ngu hiểm nữa cả. Đáng tiếc là chặng cuối cùng lại không phải là việc dễ dàng. Tại điểm này, chỗ sai biệt nhau rất là vi tế. Nên có câu:

“Sai chi ty hào, mậu chi thiên lý.”

Nghĩa là: lúc ban đầu, chỉ cần sai lạc bằng một mảy tơ, sẽ dẫn đến sự nhầm lẫn bằng vạn dặm về sau. Nếu quý vị chỉ cần sai lạc tí xiu lúc khởi đầu tu tập, quý vị sẽ đánh mất quả vị giác ngộ về sau. Trạng thái này là một cảnh giới mà hành giả đã:

Viên thành giác tâm vắng lặng, lập thành cái quả trạm minh.

Nhận lầm tánh trạm diệu, do mê chấp vào cái tâm giác minh viên mãn. Vào điểm này, giáo lý giác ngộ viên mãn gần như hòa trộn lẫn với chân tâm thường trụ, và anh ta đã đạt được sự thanh tịnh sáng suốt.

Trái xa tánh viên thông, ngược với đạo niết-bàn.

Tuy nhiên, anh ta chưa tương hợp với pháp môn “nhĩ căn viên thông” vì anh ta còn nhiều chấp trước.

Ngược với đạo niết-bàn, làm sinh khởi giống giác ngộ viên minh, nhưng không không hóa giải được kiến chấp về tánh giác viên minh.

Ngược với bảo thành niết-bàn, đi ngược với diệu quả niết-bàn. Nên làm sinh khởi hạt giống mê chấp, không hóa giải được kiến chấp về tánh giác viên minh. Anh ta không vượt qua được chấp trước về cảnh giới giác viên ấy. Vẫn còn chút ít mê mờ khi thức ấm chưa được phá trừ. Nếu vào lúc này, hành giả vượt qua được thức ấm mà không phải bị đầu hàng trước kiến giải điên đảo này, thì anh ta sẽ vượt qua được cả năm ấm. Khi năm ấm đã

được chuyển hóa toàn triệt rồi, anh ta sẽ đạt đến quả vị Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng và Thập địa . Đến đây có thể bảo đảm chắc chắn hành giả sẽ thành tựu quả vị Phật.

Kinh Văn: A-nan, như thị thập chủng thiên-na, trung đồ thành cuồng, nhân y mê hoặc, ư vị túc trung, sinh mãn túc chứng. Giai thị thức ấm, dụng tâm giao hỷ, cố sinh tư vị.

Việt dịch: A-nan, mười loại thiên-na như thế, giữa chừng hoá điên, nhân nơi mê lầm, khi chưa đầy đủ, khởi tâm chứng đắc hoàn toàn. Tất cả đều do thức ấm và tâm dụng công giao xen.

Giảng: A-nan, mười loại thiên-na như thế, giữa chừng hoá điên, nhân nơi mê lầm,

A-nan, ông nên đặc biệt chú ý và hiểu thật rõ giai đoạn này. Ông nên nhận thức cho được ma cảnh hiện ra trong mười loại thiên định như thế. Mười loại cảnh giới trong lúc công phu tu tập thiên định. Mười cảnh giới này sẽ xuất hiện trong khi tu thiền, bởi do kiến giải mê cuồng trong khi tu tập, nương vào đó hành giả tuyên bố đã chứng đắc hoàn toàn khi chưa được như vậy.

Khi chưa đầy đủ, khởi tâm chứng đắc hoàn toàn.

Đến lúc này, mặc dù chưa chứng đạo và đạt được quả vị, mà hành giả đã tự tuyên bố. “Ta đã chứng quả.” Chưa chứng được dù chỉ sơ quả, mà nói đã được. Chưa chứng được nhị quả, tam quả, tứ quả (a-la-hán) mà tuyên bố đã chứng được. Chưa thành Phật, mà nói đã thành. Nếu có ai hỏi tại sao anh ta được thành Phật, anh ta hoàn toàn không biết. Một vị Phật mà không biết bằng cách nào mình thành Phật thì thật là hồ đồ. Nhưng chư Phật đều có trí hiểu biết viên mãn, không có vị Phật nào hồ đồ cả. Còn nếu đó là người hồ đồ, thì đó chỉ là yêu, ma, quỷ, quái, những loại không hiểu được đạo lý chân chính là gì.

Tất cả đều do thức ấm và tâm dụng công giao xen.

Tất cả các trạng thái này đều do kết quả giao xen của thức ấm và nỗ lực khi dụng tâm tu tập.

Đây là trò tác quái của thức ấm . Khi quý vị nỗ lực công phu, thì thức ấm đấu tranh chống lại công phu của quý vị. Nếu quý vị có

một tâm niệm tham dục, vọng tưởng dù rất vi tế, thì quý vị sẽ rơi vào ma cảnh, bị ma gá vào (35, 36, 37). Quý vị sẽ sinh khởi nhiều lý thuyết điên đảo. Một khi lý luận điên đảo ấy đã hình thành, thì rất khó mà phá trừ nó nổi. Cho dù có thiện tri thức đến chỉ bày sự điên đảo ấy, giúp cho họ phá trừ. Họ vẫn không tin, mà còn cãi lại: “Các ông biết gì nào? Dù sao, tôi cũng đã thành Phật rồi! Nhưng gì các ông nói đều sai lầm cả.” Dù quý thiện tri thức đã chỉ bày, họ vẫn không chịu tin. Đó là lý do tại sao trạng thái này xuất hiện.

Kinh Văn: Chúng sinh ngoan mê, bất tự thốn lượng. Phùng thử hiện tiền, các dĩ sở ái, tiên tập mê tâm nhi tự hưu tức. Tương vi tất cánh, sở quy ninh địa. Tự ngôn mãn túc vô thương bồ-đề. Đại vọng ngữ thành, ngoại đạo tà ma, sở cảm nghiệp chung, đọa vô gián ngục. Thanh văn duyên giác, bất thành tăng tiến.

Việt dịch: Chúng sanh mê mờ, không biết tự xét. Gặp tình huống này, đều đem tâm mê lầm, ưa thích những tập quán cũ, mà tự dừng nghĩ, cho đó là chỗ quay về rốt ráo. Tự tuyên bố đã đạt được quả vị Vô thương bồ-đề viên mãn. Thành tội đại vọng ngữ. Ngoại đạo tà ma sau khi chiêu cảm nghiệp báo chấm dứt, sẽ rơi vào địa ngục vô gián. Các hàng Thanh văn , Duyên giác không thể tiến lên hơn nữa.

Giảng: Chúng sanh mê mờ, không biết tự xét.

Chúng sanh ngoan cố, khó chuyển hóa được mê lầm của chính mình. Họ không chịu dừng lại những vọng tưởng dù chỉ để quán xét thử mình là ai. Họ chưa thoát khỏi lớp da heo, lột chó mà tự tuyên bố mình là Phật. Họ đã tự đánh giá mình quá cao.

Gặp tình huống này, đều đem tâm mê lầm, ưa thích những tập quán cũ,

Gặp cảnh giới này hiện tiền, tâm bị mê mờ, ưa thích những tập quán cũ, ưa thích tham luyến những thứ ái dục, khiến tâm mình u mê dần độn, hết đời này sang đời khác.

Mà tự dừng nghĩ, cho đó là chỗ quay về rốt ráo.

Nên thích dừng nghĩ nơi tự cho là chỗ quay về rốt ráo. Anh ta

cho rằng mình đã tới nơi bảo sở, nhưng thực ra anh ta chỉ mới đến được nơi hóa thành. Hóa thành ấy chưa phải là bảo sở. Người này rất mong muốn đến bảo sở, nhưng chỉ mới đi được nửa đường, họ đã thấy mệt mỏi và muốn dừng lại hẳn. Đến lúc này, người có thần thông sẽ hóa hiện ra một hóa thành và nói với họ: “Bảo sở ở ngay phía trước chúng ta, chúng ta nên đến đó để nhận lấy kho báu, chúng ta có thể mang về mọi thứ vàng bạc, trân bảo.” Mục đích là để họ đến thành ấp đó để nghỉ ngơi, rồi tiếp tục lên đường. Nhưng tất cả mọi người khi đến hóa thành rồi, cứ cho rằng đây là bảo sở, họ dừng nghỉ ở đó và không muốn đi xa hơn nữa. Họ cho rằng đây là nơi quay về nương tựa rất rạo. Nơi mà họ muốn đến từ lâu.

Tự tuyên bố đã đạt được quả vị viên mãn Vô thượng bồ-đề .

Tự tuyên bố đã chứng được Vô thượng bồ-đề và đã thành Phật rồi. Thành tội đại vọng ngữ. Họ chưa chứng được Phật quả nhưng nói rằng đã chứng. Những người thông minh có nói những lời ngu muội như vậy không? Nói mình đã đạt được quả vị mà mình chưa đạt được, chỉ có những kẻ ngu si mới làm như thế. Trong quốc gia dân chủ, ta có thể nói rằng mọi người đều có thể trở thành Tổng thống cả. Đúng vậy, mọi người đều có khả năng để trở nên một vị Tổng thống. Nhưng điều ấy không có nghĩa mọi người “là” Tổng thống. Phải qua cuộc tuyển cử mới thực sự trở thành Tổng thống. Không thể nói suông rằng mọi người đều là Tổng thống. Thế thì ai là Tổng thống, ai là Phó Tổng thống? Giống như điều đang nói ở đây. Nếu quý vị không bao giờ đi học, không biết cả chữ ký của mình thì làm sao quý vị thành Tổng thống được? Cũng giống như việc thành Phật. Nếu quý vị không tu tập không trải qua sáu năm tu tập khổ hạnh ở núi Tuyết, hoặc bốn mươi chín ngày thiền định dưới cội cây bồ-đề. Nếu quý vị không có một ngày với nỗ lực công phu tu tập như thế, làm sao mà thành Phật được? Tưởng điều ấy quá dễ. Đó thật là một thứ vọng tưởng điên cuồng.

Thành tội đại vọng ngữ. Ngoại đạo tà ma sau khi chiêu cảm nghiệp báo chấm dứt, sẽ rơi vào địa ngục vô gián. Sau khi chiêu cảm nghiệp báo ngoại đạo, tà ma chấm dứt. Sau khi ma nghiệp do anh ta chiêu cảm lấy quả báu đã hết. Sẽ rơi vào địa ngục vô gián. Mạng sống của loài thiên ma cũng sẽ đến lúc kết thúc. Đến lúc ấy, anh ta sẽ đọa vào địa ngục vô gián.

Các hàng Thanh văn , Duyên giác không thể tiến lên được

nữa. Khi hàng định tánh Thanh văn hay định tánh Duyên giác
lầm chấp về tánh giác. Tuy họ sẽ không bị đọa vào địa ngục,
nhưng họ sẽ không thể nào tiến xa được nữa trên đường tu đạo.
Họ không thể tiến bộ hơn được nữa.

**Kinh Văn: Nhữ đẳng tôn tâm, bình Như Lai đạo, tương thử
pháp môn, ư ngã diệt hậu, truyền thị mật thể. Phổ linh chúng
sinh giác liễu tư nghĩa. Vô linh kiến ma, tự tác trầm nhiễm.
Bảo tụy ai cứu, tiêu tức tà duyên. Linh kì thân tâm nhập Phật
tri kiến. Tòng thủy thành tựu, bất tạo kì lộ.**

**Việt dịch: Các ông nên chú tâm giữ gìn đạo Như Lai, sau khi
Như Lai nhập diệt, hãy đem pháp môn này truyền dạy trong
đời mật pháp, khiến cho tất cả chúng sanh hiểu rõ nghĩa ấy.
Đừng để ma tà kiến tự gây ra chướng nạn. Giữ gìn và từ bi
cứu giúp, tiêu trừ hết các tà duyên kiến. Khiến thân tâm được
vào tri kiến Phật. Từ khi bắt đầu cho đến thành tựu, không bị
lạc vào đường tẻ.**

Giảng: Các ông nên chú tâm giữ gìn đạo Như Lai.

Các ông, A-nan, các vị Đại bồ-tát, Đại a-la-hán, Đại tỷ-khưu, các
vị Đại trưởng lão và những vị khác trong hội chúng nên chú tâm
giữ gìn đạo của Như Lai. Các ông nên trân trọng, thừa sự những
lời Như Lai đã truyền dạy.

**Sau khi Như Lai nhập diệt, hãy đem pháp môn này truyền dạy
trong đời mật pháp.**

Hãy truyền dạy pháp môn trong kinh Thủ-lăng-nghiêm này, đó
là pháp môn “nhĩ căn viên thông” hướng tánh nghe vào bên
trong để nhận ra tự tánh của mình, cho đến khi tự tánh hòa nhập
vô thượng đạo, truyền dạy pháp môn viên thông cho chúng sanh
trong đời mật pháp. Vào thời mật pháp, các ông phải truyền dạy
pháp môn này cho chúng sanh hằng ngày **khiến cho tất cả
chúng sanh hiểu rõ nghĩa này.** Dạy cho chúng sanh hiểu được
một cách rõ ràng pháp tu này. **Đừng để ma tà kiến tự gây ra
chướng nạn.** Đừng để cho tự chính mình gây ra chướng nạn tà
kiến của thiên ma ngoại đạo nơi mình.

Ma có hai loại: kiến ma và kiến ái ma.

Kiến ma, là khi hành giả gặp cảnh, liền bị xoay chuyển bởi cảnh giới. Còn khi hành giả gặp cảnh, sinh tâm yêu thích, ham muốn cảnh ấy. Đó gọi là kiến ái ma.

Quý vị đừng để cho chúng sanh bị rơi vào các chương nạn bởi hai loại ma cảnh này.

Giữ gìn và từ bi cứu giúp, tiêu trừ hết các tà duyên kiến.

Giúp chúng sanh giữ gìn và từ bi cứu giúp, tiêu trừ hết các nhân duyên tà kiến ấy.

Hàng phục cho được tâm điên đảo và tâm cuồng si. Giúp họ đoạn trừ tà tri, tà kiến ấy. **Khiến cho thân tâm chúng sanh nhập vào tri kiến Phật. Từ khi bắt đầu tu tập ch đến khi thành tựu, không bị lạc vào đường tẻ.** Đừng để cho họ bị lạc vào những con đường tẻ khi đi trên con đường tu đạo chân chính.

Kinh Văn: Như thị pháp môn, tiên quá khứ thế, hằng sa kiếp trung, vi trần Như Lai, thừa thử tâm khai, đắc vô thượng đạo.

Việt dịch: Pháp môn như thế, các đức Như Lai nhiều như số vi trần trong hằng sa kiếp từ quá khứ, đều vận dụng mà khai ngộ bản tâm, chứng được đạo vô thượng.

Giảng: Pháp môn như thế, các đức Như Lai nhiều như số vi trần trong hằng sa kiếp từ quá khứ, đều vận dụng mà khai ngộ bản tâm, chứng được đạo vô thượng.

Nương vào pháp môn như thế trong kinh Thủ-lăng-nghiêm mà các đức Như Lai nhiều như số vi trần trong hằng sa kiếp từ quá khứ được khai ngộ bản tâm, chứng được đạo vô thượng.

Khi tu tập theo pháp môn này trong kinh Thủ-lăng-nghiêm, tâm được khai ngộ và chứng được đạo quả vô thượng. Đây là lộ trình người tu tập phải trải qua. Nay chúng ta cũng muốn nghiên cứu pháp môn này. Chỉ có cách tu tập pháp môn này một cách viên mãn mới mong thành Phật được. Chẳng dễ dàng thành tựu quả vị Phật nếu không thực hành ngay từ bước đầu tiên.

Không riêng gì quả vị Phật, mà ngay trong thế gian cũng thế, người ta cần phải gắng bao công sức để đạt được mảnh bằng

Thạc sĩ, Bác sĩ, Tiến sĩ? Còn quý vị cần phải trải qua bao nhiêu thời gian công phu tích cực mới thành tựu Phật đạo? Nếu quý vị tuyên bố thành Phật mà không trải qua bước đầu tiên, thì chuyện đó khó tưởng tượng còn hơn cả giấc mơ. Ngay cả trong mơ, quý vị cũng không thể nói được chuyện kỳ quặc như vậy. Thành Phật không phải là một chuyện đơn giản.

Kinh Văn: Thức ấm nhược tận, tắc nhữ hiện tiền, chư căn hỗ dụng. Tòng hỗ dụng trung, năng nhập Bồ-tát Kim cương càn huệ. Viên minh tinh tâm, ư trung phát hóa.

Việt dịch: Khi thức ấm tiêu dung rồi, thì các căn hiện tiền của ông đều được dùng thay nhau. Từ chỗ hỗ dụng đó, ông có thể nhập vào bậc Kim cương càn huệ Bồ-tát. Tâm tinh diệu viên minh phát hóa trong ấy.

Giảng: Khi thức ấm tiêu dung rồi.

Khi hành ấm đã tiêu trừ, quý vị ở trong phạm vi thức ấm . Nếu quý vị thể nhập được vào thức thứ tám, quý vị có thể thấy được mười phương thế giới trong suốt như pha lê. Chẳng có gì ngăn ngại được cái nhìn của quý vị.

Tuy nhiên trước khi thức ấm hoàn toàn chuyển thành thức thứ tám, những niệm sinh diệt rất vi tế vẫn còn diễn biến ở trong thức thứ bảy. Một khi những niệm lẫn tẩn vi tế trong thức thứ bảy ấy đã tiêu tán và chỉ còn lại thức thứ tám, quý vị sẽ nhìn thấy vạn vật trong vũ trụ này trong suốt như thủy tinh.

Lúc này, thức thứ tám chuyển thành Đại viên cảnh trí như chư Phật. Trước khi quý vị tiêu trừ sạch thức thứ bảy thì trạng thái này vẫn chưa đạt được. Đó là ý nghĩ của việc chấm dứt được thức ấm . Khi những niệm lăng tẩn vi tế của thức thứ bảy đã tiêu tan, **thì các căn hiện tiền của ông đều được dùng thay nhau**, các căn hiện tiền có khả năng dung thông với nhau.

Việc sử dụng hỗ tương nhau của các căn đã được giảng từ trước rồi, mỗi căn có được năng lực của cả sáu căn, như mắt vốn chỉ có thể thấy được vật phía trước nay có thể nghe được, nếm được, ngửi được, xúc chạm và suy nghĩ được. Hành giả có thể khai, hợp các căn nên có thể sử dụng hỗ tương với nhau.

Từ chỗ hồ dụng đó, ông có thể nhập vào bậc Kim cang càn huệ Bồ-tát.

Kim cang có nghĩa là bất hoại, không có gì phá vỡ nó được, cũng có nghĩa là bất thối. Quý vị sẽ đạt được ba loại bất thối: Quả vị bất thối, niệm bất thối và hành bất thối.

Càn huệ nghĩa là Càn huệ địa.

Tâm tinh diệu viên minh phát hóa trong ấy. Từ trong bản tâm sáng suốt viên mãn phát khởi ra sự biến hóa.

Kinh Văn: Như tịnh lưu ly, nhập hàm bảo nguyệt. Như thị nãi siêu, thập tín thập trụ, thập hạnh thập hồi hướng, tứ gia hạnh tâm. Bồ-tát sở hành, kim cương thập địa.

Việt dịch: Như ngọc lưu ly trong suốt, hàm chứa mặt trăng báu ở trong. Như thế mà vượt lên giai vị Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Tứ gia hạnh tâm và sở hành của Bồ-tát Kim cang Thập địa .

Giảng: Sự biến hóa ấy giống như cái gì? **Như ngọc lưu ly trong suốt**, không dính một mảy bụi trần hàm **chứa mặt trăng báu bên trong. Như thế** theo đó **mà vượt lên giai vị Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Tứ gia hạnh tâm** mà chúng ta đã được nghe giảng từ trước. Tứ gia hạnh tâm là: Noãn, Đánh, Nhẫn và Thế đệ nhất. Quý vị cũng sẽ vượt qua trạng thái và trình độ công phu ở cảnh giới **sở hành của Bồ-tát Kim cang Thập địa .**

Kinh Văn: Đẳng giác viên minh, nhập ư Như Lai, diệu trang nghiêm hải. Viên mãn bồ-đề, quy vô sở đắc.

Việt dịch: Đẳng giác tròn sáng, vào biển Diệu trang nghiêm của Như Lai. Viên mãn đạo Bồ-đề, về nơi vô sở đắc.

Giảng: Đẳng giác tròn sáng, vào biển Diệu trang nghiêm của Như Lai.

Đến trạng thái này, các ông sẽ nhập vào biển diệu trang nghiêm của Như Lai, **viên mãn đạo bồ-đề, trở về nơi vô sở đắc.**

Rốt ráo là chẳng có gì để chứng đắc cả. Tại sao vậy? Vì tánh giác vốn tự có sẵn trong mỗi người, không phải do nhờ bên ngoài mới có. Tánh Như Lai tạng cũng chẳng phải là cái có được từ bên ngoài, mà nó vốn có sẵn trong quý vị. Nên nói “trở về lại nơi vô sở đắc” là vậy.

Kinh Văn: Thử thị quá khứ, tiên Phật Thế tôn, xa-ma-tha trung, ti-bà xá-na, giác minh phân tích vi tế ma sự.

Việt dịch: Đây là những ma sự vi tế, mà các Đức Phật Thế tôn từ đời quá khứ trước đã giác ngộ nghiệm xét và phân tích trong khi tu chỉ quán .

Giảng: Đây là những ma sự vi tế. Mười trạng thái nói trên, xảy ra trong quá trình tu tập để chuyển hóa thức ấm . **Mà các Đức Phật Thế tôn từ đời quá khứ trước đã giác ngộ nghiệm xét và phân tích trong khi tu chỉ quán .**

Chỉ (samatha) là một loại định, trong trường hợp này là Lăng Nghiêm diệu định. (36)

Quán (vipasyana) là công phu quán chiếu, đây là một dạng quán chiếu rất vi mật. Nhờ sự giác ngộ sáng suốt, mà hành giả có thể phân tích được các ma sự, vốn rất vi tế nhỏ nhiệm khó mà khám phá ra được.

Kinh Văn: Ma cảnh hiện tiền nhữ năng am thức, tâm cấu tẩy trừ, bất lạc tà kiến.

Việt dịch: Nếu ông nhận biết được ma cảnh hiện tiền, thì tẩy trừ được cấu nhiễm, không bị rơi vào tà kiến.

Giảng: Nếu ông nhận biết được ma cảnh hiện tiền. Nếu các ông nhận được ngay những ma cảnh khi nó hiện ra trước quý vị và biết được đó là hay Phật, **thì tẩy trừ được cấu nhiễm, không bị rơi vào tà kiến.** Tâm cấu nhiễm được rửa sạch ngay và khỏi bị rơi vào tà kiến.

Một vài cảnh giới của tà ma ngoại đạo từ bên ngoài đến với quý vị và một số cảnh xuất hiện do trong tâm niệm của quý vị.

Ngoại ma thì rất dễ hàng phục, còn nội ma ở trong tâm thì rất khó trừ. Vì mỗi khi quý vị phát khởi tà tri, tà kiến thì rất khó giải trừ khỏi những thứ tà kiến ấy. Ngay sau khi quý vị nhận ra ngoại ma, quý vị phải tẩy trừ ngay những thứ cấu nhiễm ấy trong tâm mình. Điều gì là cấu nhiễm? Loại nhiễm ô quan trọng nhất trong tâm là tham. Chúng ta sẽ nói về vấn đề này rất thường xuyên. Tham sẽ trở nên rất nghiêm trọng khi kết hợp với dục. Nếu quý vị không có một niệm dâm dục, thì quý vị đã rửa sạch tâm mình khỏi bị ô nhiễm, tâm quý vị sẽ không sinh khởi tà kiến được nữa.

Nếu quý vị không thanh tịnh hóa tâm mình thoát ra khỏi niệm tưởng dục, thì có rất nhiều chướng nạn sẽ đến với quý vị. Tất cả vấn đề ấy sinh khởi vì tâm tham. Các thứ phiền não vô minh từ đó đều sinh khởi. Quý vị bị vướng vào tà kiến ngay liền. Nếu quý vị có năng lực rửa sạch liền những vọng tưởng này, mới thoát khỏi được tà kiến.

Kinh Văn: Ấm ma tiêu diệt, thiên ma thôi toái, đại lực quý thần, chỉ phách đào thệ, li mị vãng lượng, vô phục xuất sinh.

Việt dịch: Các ấm ma đều tiêu diệt, thiên ma bị phá tan, Đại lực quý thần hoảng hốt chạy trốn, các loài li mị vãng lượng không hiện tướng ra nữa.

Giảng: Các ấm ma đều tiêu diệt. Các ấm ma, những thứ ma sinh khởi từ ngũ ấm mà chúng ta đã thảo luận đều bị tiêu diệt. **Thiên ma bị phá tan**, nếu quý vị có trí huệ chân chính và không bị dính mắc trong tà kiến thì thiên ma sẽ bị phá sạch. Quý vị sẽ khiến cho tâm chúng khiếp sợ. **Đại lực quý thần hoảng hốt chạy trốn.** Các loài này rất mạnh, chúng có thể nâng cả núi tu-di bằng một bàn tay. Nhưng nếu quý vị có trí huệ chân chính và có Đại định Thủ-lăng-nghiêm thì loài Đại lực quý này mỗi khi nhìn thấy quý vị liền chạy trốn vì hoảng sợ.

Các loài li mị vãng lượng không hiện tướng ra nữa.

Li mị vãng lượng là loại ma mà chúng ta đã nghe giảng trước đây. Nó cũng sẽ không dám xuất hiện nữa.

Kinh Văn: Trục chí bồ-đề, vô chư thiếu pháp. Hạ liệt tăng tiến,

ư đại niết-bàn, tâm bất mê muộn.

Việt dịch Thắng đến bồ-đề, không chút thiếu sót. Hàng căn cơ hạ liệt cũng được tăng tiến, đối với Đại niết-bàn, tâm không mê lầm.

Giảng: Thắng đến bồ-đề, không chút thiếu sót. Các ông sẽ thắng đến nơi giác ngộ. Đạt được cảnh giới của chư Phật, không chút thiếu sót. Quý vị sẽ không gặp những chướng nạn hoặc phiền não. **Hàng căn cơ hạ liệt cũng được tăng tiến, đối với Đại niết-bàn, tâm không mê lầm.** Ngay cả với những người có căn tánh thấp kém cũng sẽ được tiến bộ. Quý vị sẽ hưởng thắng đến diệu quả niết-bàn và tâm quý vị không còn kinh qua những dạng mê mờ, phiền não như trước nữa.

Kinh Văn: Nhược chư mạt thế, ngu độn chúng sinh, vị thức thiện-na, bất tri thuyết pháp, nhạo tu tam muội, nhữ khùng đồng tà, nhất tâm khuyến linh, trì ngã Phật đánh đà-la-ni chú. Nhược vị năng tụng, tả ư thiên đường, hoặc đối thân thượng. Nhất thiết chư ma, sở bất năng động.

Việt dịch: Nếu có chúng sinh mê độn trong đời mạt pháp, chưa hiểu thiện-na, chưa nghe pháp yếu, ưa tu tam muội, nhưng căn tánh chậm lụt, sợ họ bị lạc vào tà kiến, thì các ông nhất tâm khuyến họ trì tụng chú Phật đánh đà-la-ni . Nếu chưa tụng thuộc thì viết trên thiên đường hay mang trong thân. Thế nên các loài ma không thể nào quấy phá họ được.

Giảng: Nếu có chúng sinh mê độn trong đời mạt pháp, chưa hiểu thiện-na.

Nếu có các chúng sinh trong đời mạt pháp, ưa thích tu tập chánh định, nhưng căn tánh chậm lụt. Bất kể quý vị dạy cho họ bao nhiêu điều hay lẽ phải, họ vẫn khẳng khẳng đi vào con đường xấu ác. Dù các ông không dạy họ đi vào con đường hư hoại, mà họ vẫn tự đi vào con đường ấy. Học làm điều tốt lành cũng khó như lên trời. Học để làm điều xấu ác cũng dễ như trượt xuống dốc vậy. Tại sao? Tập khí của chúng sanh rất mạnh. Họ có quá nhiều tham dục. Những tập khí, chủng tử lâu đời, những nghiệp chướng và nợ nần từ đời trước quá nhiều đã kéo ngược lại, trong khi người tu muốn hướng thượng. Học làm điều thiện cũng khó

như lên trời, nhưng học làm điều ác lại dễ như trượt xuống dốc. Tại sao? Vì chúng sanh không có được trí tuệ và đều là những người mê muội.

Họ là những người chưa nhận biết sự quan trọng của thiền-na. Họ không nhận ra được sự quan trọng cần thiết của việc tu đạo, chưa nhận ra được sự cần yếu của pháp tu tập thiền định.

Chưa nghe pháp yếu, ưa tu tam muội. Hoặc chưa từng được nghe pháp yếu. Họ không hiểu biết gì về chánh pháp. Dù họ chưa từng nghe giảng những điều cốt tủy của Phật pháp, hoặc chưa biết cách công phu tọa thiền, tập định. Nhưng họ rất ưa thích tu tập chánh định. Những người ưa thích tu tập chánh định thì phải hiểu biết về đạo và rõ ràng về pháp.

Sợ họ bị lạc vào tà kiến. Các ông nên quan tâm giúp họ khỏi bị lạc vào tà kiến. Nếu quý vị lo cho những người này rơi vào tà tri, tà kiến thì quý vị phải báo trước cho họ.

Thì các ông nhất tâm khuyên họ trì tụng chú Phật đánh đà-la-ni . Các ông nên hết lòng khuyến khích họ trì tụng chú Phật đánh đà-la-ni. Khuyến khích họ trì tụng thần chú Thủ-lăng-nghiêm.

Nếu chưa tụng thuộc thì viết trên thiền đường hay mang trong thân. Thế nên các loài ma không thể nào quấy phá họ được.

Nếu họ không thể tụng thuộc được thì họ có thể viết ra trên thiền đường. Nếu khi họ tụng chú mà không thuộc lòng, phải nhìn trong kinh, quý vị có thể bảo họ viết ra rồi lên vách tường nơi thiền đường. Đó là vì: “Nơi nào có kinh chú, nơi ấy có Phật.” Huống gì thần chú Đại Phật đánh này. Bất kỳ nơi đâu có thần chú này, thì nơi ấy có Kim cang tạng Bồ-tát và quyền thuộc cùng các vị Hộ pháp thiện thần.

Thế nên các loài ma không thể nào quấy phá họ được.

Hay quý vị bảo những người này mang trong thân, nhờ thế các loài ma không còn quấy phá họ được. Nếu quý vị mang thần chú trên người, ma không thể nào gá vào quý vị được.

Kinh Văn: Nhữ đương cung khâm, thập phương Như Lai, cứu

cánh tu tiến, tối hậu thù phạm.

Việt dịch Ông nên kính vâng lời dạy bảo cuối cùng về phép tu tiến rất ráo của mười phương Như Lai.

Giảng: Đức Phật Thích-ca Mâu-ni với tâm từ bi chí thiết, Ngài có lời phó chúc sau cùng cho ngài A-nan:

Ông nên kính vâng lời dạy bảo cuối cùng về phép tu tiến rất ráo của mười phương Như Lai.

Các ông nên kính trọng và trân quý Thủ-lăng-nghiêm diệu định, pháp môn “nhĩ căn viên thông– hướng tánh nghe trở vào bên trong để nhận ra tự tánh của mình,” và cũng là pháp môn thần chú Thủ-lăng-nghiêm, thần chú Phật đánh đà-la-ni . Là gom vào (tổng) hết thấy các pháp, và nắm giữ (trì) vô lượng nghĩa. Đây là tâm, là tánh của các Đức Phật Như Lai trong khắp mười phương. Đó là mẹ của các Đức Như Lai. Chú này là tột đỉnh cứu cánh, vô cùng rất ráo, và là pháp môn tối thắng vi diệu để tu tập tiến bộ. Đó là khuôn mẫu tu chứng tối hậu của mười phương Như Lai, là pháp môn quan trọng nhất, được Đức Phật giảng dạy vào thời kỳ sau cùng. Đó là mô phạm tối yếu; là phương thức, là lời khai thị cho lộ trình mà quý vị phải theo sát để tu chứng tri kiến Phật.

Kinh Văn: A-nan tức tùng tòa khởi, văn Phật thị hồi, đánh lễ khâm phụng, ức trì vô thất. Ư đại chúng trung, trùng phục bạch Phật. Như Phật sở ngôn, ngũ ấm tướng trung, ngũ chủng hư vọng, vi bản tướng tâm, ngã đẳng bình thường, vị mong Như Lai, vi tế khai thị.

Việt dịch: A-nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy, nghe lời dạy của Đức Phật, đánh lễ kính vâng, ghi nhớ không sót. Ở trong đại chúng lại bạch Phật rằng: “Như Đức Phật dạy, trong tướng ngũ ấm có năm thứ hư vọng, vốn có cội gốc là tâm vọng tướng. Chúng con bình thường chưa từng được được nghe lời khai thị vi diệu của Như Lai.

Giảng: A-nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy, nghe lời dạy của Đức Phật, đánh lễ kính vâng, ghi nhớ không sót.

A-nan khi nghe lời chỉ dạy của Đức Phật, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cung kính đánh lễ ghi nhớ từng lời dạy không sót chữ nào.

Nghe được lời khai thị của Đức Thế Tôn, Ngài A-nan liền đánh lễ Đức Phật, nhưng lần này không khóc. Ngài đã từng khóc nhiều lần rồi, nhưng lần này không khóc là vì Ngài đã ăn no rồi. A-nan cũng giống như đứa bé khát sữa, khi uống no rồi, nên không còn khóc nữa. Lại nữa, ngài như đứa bé đòi kẹo, một khi nó đã xin được nhiều kẹo, nó không còn khóc nữa. Ngài A-nan cũng đã có được một ít kẹo để ăn, nên không còn khóc nữa.

Ngài đánh lễ và phụng trì pháp môn Thủ-lăng-nghiêm đại định rất cung kính. Ngài đã tụng thuộc thần chú Thủ-lăng-nghiêm không sai sót một chữ nào, mỗi câu, mỗi chữ rất rõ ràng. Khi ngài tụng thần chú này bằng lời thì tâm ngài tập trung chuyên nhất không và không khởi ác nghiệp nơi thân. Nên ba nghiệp nơi thân, khẩu, ý hoàn toàn thanh tịnh khi tụng thần chú Lăng Nghiêm này.

Ở trong đại chúng lại bạch Phật rằng:

Một lần nữa ở trong đại chúng, A-nan lại bạch Đức Phật.

Quý vị không nên hiểu sai ý nghĩa này. Khi ngài A-nan từ trong đại chúng, lại thưa hỏi một lần nữa, đó chắc chắn không phải là một dạng khoe khoang, không phải là ngài A-nan muốn đại chúng chú ý đến mình. Thế A-nan làm vì mục đích gì? Ngài thay mặt cho toàn chúng sinh mà cầu thỉnh Đức Phật chỉ dạy giáo pháp. Ngài làm việc đó không chỉ riêng cho ngài, mà cho toàn thể quý vị và tôi, cho tất cả những người thiết tha tu đạo trong đời này. Ngài nghĩ rằng: “Ồ! Trong tương lai, sẽ có một pháp hội giảng kinh ở nước Mỹ. Có người sẽ giảng Kinh Thủ-lăng-nghiêm và có người sẽ không hiểu được toàn thể ý chỉ của Kinh này, nên ta phải vì họ mà cầu thỉnh Thế tôn chỉ dạy rõ ràng điểm này.” Chúng ta nên hết sức tri ân ngài A-nan.

Ngài A-nan nói: **“Như Đức Phật đã dạy, trong tướng của ngũ ấm: sắc ấm, thọ ấm, tưởng ấm, hành ấm và thức ấm có năm thứ hư vọng, vốn có cội gốc là tâm vọng tưởng** của chính mình. Mỗi một thứ trong năm ấm lại chia thành mười loại ma cảnh. Chúng con trước đây chưa từng được may mắn nghe lời khai thị vi diệu của Như Lai như vậy.

Tất cả những người trong đại chúng từ trước đến nay, trong cuộc sống bình thường hằng ngày, chưa từng nghe được Đức Phật

giảng dạy những điều vi diệu như thế.

Chúng con bình thường chưa từng được được nghe lời khai thị vi diệu của Như Lai.

Chúng con thực sự đạt được những điều chưa từng có. Thân tâm chúng con vô cùng thư thái và an nhiên.

Kinh Văn: Hựu thứ ngũ ấ, vi tính tiêu trừ, vi thứ đệ tận. Như thị ngũ trùng, nghệ hà vi giới?

Việt dịch: Lại nữa, năm thứ ấ này được tiêu trừ một lần hay lần lượt theo từng thứ lớp. Giới hạn của năm lớp ấy là gì?

Giảng: Lại nữa, năm thứ ấ này. Sắc, thọ, tưởng, hành, thức ấ **được tiêu trừ một lần.** Liệu chúng ta có thể phá trừ năm thứ ấ cùng một lúc **hay lần lượt theo từng thứ lớp.** Nó chuyển hóa dần dần, theo một thứ tự nhất định từng lớp từng lớp một hay sao? **Giới hạn của năm lớp ấy là gì?** Cái gì là giới hạn của năm lớp ấy.

Kinh Văn: Duy nguyện Như-lai, phát tuyên đại từ, vi thứ đại chúng, thanh minh tâm mục, dĩ vi mật thể nhất thiết chúng sinh, tác tương lai nhân.

Việt dịch: Xin nguyện Như Lai, mở lòng đại từ, làm cho tâm và mắt của đại chúng đây được trong sáng, để làm đạo nhân tương lai cho hết thảy chúng sinh trong đời mật pháp.

Giảng: Xin nguyện Như Lai, mở lòng đại từ. Cúi mong Như Lai, mở lòng đại từ giảng nói nghĩa này, ước nguyện duy nhất của chúng con là mong Như Lai mở rộng tâm đại từ, giảng nói nghĩa này cho chúng con. **Làm cho tâm và mắt của đại chúng đây được thanh tịnh và sáng suốt.** Nếu tâm quý vị chưa có được sự hiểu biết chân chánh, thì rất khó tu tập. Nếu mắt quý vị bị ô nhiễm bởi trần cấu, thì khó thấy được sự vi diệu của vạn pháp.

Thế nên, A-nan thưa hỏi để được chỉ bày cho tâm và mắt của đại chúng được thanh tịnh, không những Ngài chỉ muốn cho tâm và mắt của đại chúng được thanh tịnh, mà còn muốn cho tâm và

mắt của hết thảy chúng sanh cũng được thanh tịnh. Ngài cũng cầu thỉnh Đức Phật chỉ dạy. Để làm con mắt sáng của hết thảy chúng sinh trong đời vị lai. Nghĩa là làm con mắt đạo cho quý vị, cho tôi và cho tất cả chúng sanh trong hiện tại. Chúng ta đều được xác định trong số chúng sanh ấy. Dù quý vị có muốn loại trừ mình ra khỏi cũng không được. Nếu quý vị nói: “Đừng kể tôi vào đó, tôi không phải là thành viên trong số chúng sanh mà các ông đề cập đến.” Thế tôi hỏi quý vị. Quý vị là ai? Nói nhanh! Cho dù quý vị không muốn như thế, quý vị cũng không thể nào tránh khỏi. Dù quý vị có mọc thêm cánh, cũng không thể bay thoát được. Dù có lên cung trăng, quý vị cũng vẫn là chúng sinh, mà chẳng là loại gì khác. Thế nên, tốt hơn là hãy chấp nhận mình là thành viên trong số chúng sanh này, đừng trốn chạy. Tốt nhất là quý vị không nên phát khởi tập khí sân hận, hành xử thô tháo. Quý vị đừng nên có cảm giác mình như là chiếc bánh rán nóng hổi trong chảo dầu. Điều đó trông rất chướng.

Để làm đạo nhãn tương lai cho hết thảy chúng sinh trong đời mạt pháp.

A-nan nói: “Làm con mắt cho chúng con và cho chúng sanh trong đời vị lai.” Sứ mệnh chưa chấm dứt ở nơi đây: “Con mắt cho tương lai” có nghĩa là tiếp tục cho đến đời vị lai. Xác định đó là một thời gian chưa đến.

Khi quý vị nghe điều này, có nghĩ rằng nó kỳ diệu không? Nó có ý nghĩa gì không? Khi quý vị cười, mọi người không hiểu tiếng Trung Hoa đều cảm thấy lúng túng, không hiểu quý vị cười chuyện gì? Vậy nên, phải phiên dịch điều đó ngay!

Kinh Văn: Phật cáo A-nan, tính chân diệu minh, bản giác viên tịnh, phi lưu tử sinh, cập chư trần cấu, nãi chí hư không, giai nhân vọng tưởng chi sở sinh khởi.

Việt dịch: Đức Phật bảo A-nan, tính tinh chân là diệu minh, tính bản giác là viên tịnh, không lưu lại sinh tử và các trần cấu, cho đến cả hư không, đều nhân vọng tưởng mà sinh khởi ra.

Giảng: Đức Phật bảo A-nan, tính tinh chân là diệu minh, tính bản giác là viên tịnh, không lưu lại sinh tử và các trần cấu.

Trạng thái này ra sao? Nó chính là cảnh giới của bản giác diệu minh, tinh thuần chân thật và thanh tịnh viên mãn. Sinh tử không tồn tại trong cảnh giới này và các cấu nhiễm cho đến cả hư không.

Đó chính là Như Lai tạng tánh. Là bản thể của chân như, là Phật tánh mà mỗi chúng ta đều có sẵn. Cái đó chẳng phải là quý vị có mà tôi không, chẳng phải mà quý vị không có mà tôi lại có. Tất cả chúng ta đều thừa hưởng được bản giác diệu minh tinh thuần, chân thật, thanh tịnh, viên mãn này. Trong đó không nhiễm một mảy bụi trần. Trong đó không một pháp có thể lập được. Chẳng có gì trong đó. Nếu quý vị trở về được nơi bản nguyên của mình, thì quý vị sẽ thoát khỏi vô minh, phiền não, tham dục, mê muội, vọng tưởng. Quý vị hoàn toàn tự tại đối với những thứ ấy. Đó là cảnh giới hoàn toàn tuyệt đối thanh tịnh. Đó là mục tiêu của người tu đạo, tất cả là để trở về tự tánh vốn có của chính mình. Nếu quả thực nơi này không tồn tại, thì người ta đâu cần tu hành làm gì?

Cho đến cả hư không, đều nhân vọng tưởng mà sinh khởi ra.

Chúng ta ai cũng đều thấy hư không. Nhưng quý vị có biết hư không từ đâu tới chẳng? Các thứ ấy đều sinh khởi từ vọng tưởng. Hư không sinh khởi từ vọng tưởng của chúng ta. Do những vọng tưởng này mà có ngũ ấm, ngũ trước, lục kết. Vọng tưởng gây nên biết bao thứ phiền não. Điều này giống như người lãng xăng muốn làm một việc gì đó trong khi chẳng có gì cần phải làm cả. Tại sao như vậy? Vì quý vị chẳng có việc gì cần phải làm cả, nhưng lại muốn kiếm việc để làm. Nếu như quý vị nhận được phần thưởng khi làm việc thì còn có thể được. Nhưng đáng tiếc là quý vị càng làm bao nhiêu, càng mất bấy nhiêu. Nếu quý vị làm công cho người khác, quý vị càng làm, càng thấy thiếu tiền. Cũng như khi điều hành việc thương mại. Càng buôn bán lâu, lỗ vốn càng nhiều. Quý vị sẽ bị thua thiệt như thế mãi cho đến khi tánh Như Lai tạng bị đè bẹp dưới chân ngọn núi của ngũ uẩn. Khi điều này xảy ra, giặc cướp từ sáu căn, sáu trần chiếm giữ ngọn núi, năm uẩn làm nơi sào huyệt kẻ ẩn náu. Mà đi khắp nơi để cướp bóc. Hãy xem thử tại sao suốt từ hồi nào đến giờ, quý vị lại chiêu tập và cho kẻ cướp trú ngụ nơi mình?

Ban đầu quý vị buôn bán kinh doanh nhưng rồi vốn liếng mất dần và bây giờ nó làm tán thân mất mạng luôn. Kẻ cướp đi khắp

nơi phá nhà cướp của, giết hại chúng sinh. Vậy mà tự tánh của quý vị lại bị nén ép dưới chân năm ngọn núi ngũ âm. Sáu căn và sáu trần là những tên giặc cướp đi khắp nơi để phá nhà cướp của. Quý vị có biết chuyện ấy chẳng? Nếu biết được nghĩa lý này, thì tôi khỏi phải phí công giảng kinh nữa. Nếu quý vị chưa hiểu, thì phải học thêm.

Kinh Văn: Tư nguyên bản giác, diệu minh chân tính, vọng dĩ phát sinh chư khí thể gian, như Diễn-nhã-đạt-đa, mê đầu nhận ảnh.

Việt dịch: Tất cả cái ấy, gốc nơi bản giác diệu minh chân tính, do vọng tưởng mà phát sinh khí thể gian, như Diễn-nhã-đạt-đamê đầu mà nhận bóng.

Giảng: Tất cả cái ấy, gốc nơi bản giác diệu minh chân tính.

Cội gốc của bản giác trong ấy không một pháp nào được lập. Tính chất của bản giác vốn sáng suốt vi diệu, tinh thuần chơn thật.**Do vọng tưởng mà phát sinh khí thể gian.** Do vọng tưởng mà phát sinh các vật tượng thể gian.

Vọng nương nơi chân mà sinh khởi. Vọng sinh khởi ngay trong Như Lai Tạng tánh.

“Hữu tình thể gian” là hết thảy các loại sinh vật có tình thức và “khí thể gian” là các vật tượng trong đời đất như sông núi nhà cửa đất đai...

Như Diễn-nhã-đạt-đa mê đầu mà nhận bóng.

Như chàng Diễn-nhã-đạt-đa lầm tưởng mình mất đầu khi nhìn thấy bóng của mình trong gương. Diễn-nhã-đạt-đa một sáng thức dậy, soi mình trong gương, thấy người trong gương có đủ mắt, tai, miệng, mũi, và anh ta la lên: “Tại sao ta không có cái đầu như vậy? Người trong gương có đầu, tại sao ta lại không?” Thế là anh ta chạy đi khắp nơi để kiếm cái đầu. Quý vị có nghĩ rằng đầu anh ta có thật sự biến mất như thế không? Nếu không hãy tự mình suy nghĩ lại.

Loại người nào giống như Diễn-nhã-đạt-đa? Anh ta là người thông minh hay ngu si? Anh ta là người có đầu hay không có

đầu? Nếu quý vị cho rằng anh ta không có đầu, liệu quý vị cho rằng anh ta là yêu quái khi thấy anh ta không? Hãy nghĩ kỹ về điều ấy.

Hôm nay là ngày bắt đầu một cuộc đời mới của mọi người đang có mặt tại đây. Vậy nên chúng ta cần nên rửa sạch thân tâm buôngbỏ hết tất cả những gì không thanh tịnh mà mình đã vướng vào trong quá khứ. Hãy dứt khoát rằng kể từ nay tất cả những việc mình làm đều là thanh tịnh. Nói “thanh tịnh” nghĩa là thoát khỏi ngũ độn sử: tham, sân, si, mạn, nghi.

Lễ truyền giới hôm nay là buổi lễ đầu tiên được tổ chức ở Mỹ. Quý vị là những người Phật tử đầu tiên ở Mỹ. Quý vị không nên nghĩ rằng sẽ có nhiều khó khăn, bất tiện trong việc tu tập đối với đối với hàng sơ tâm. Quý vị sẽ phải dẫn thân vào khổ nhọc. Vì không có một dạng thức nào để mô phỏng theo cả. Không có những tiền lệ, nên quý vị sẽ không biết tu như thế nào, và làm việc gì?

Có khi quý vị thấy mất phương hướng, quý vị sẽ gây ra lỗi lầm mà không biết đó là sai phạm. Tại sao vậy? Chỉ vì cơ bản là quý vị không biết mình đang làm gì và không biết học ở đâu.

Mặc dù Phật giáo Nhật Bản đã truyền đến Mỹ quốc trong thời gian khá lâu. Đó là một loại Phật Pháp như chất hóa học tổng hợp. Nói thế có nghĩa là nó có khuynh hướng trừu tượng, thiếu thực chất căn bản. Quý vị có thể gọi những gì họ làm là Phật pháp. Nhưng thật sự đó chẳng giống Phật pháp chân chính tí nào cả. Nhưng nếu quý vị cho đó là thế gian pháp. Thì họ sẽ bảo rằng: Đó là Phật pháp. Không dễ dàng để nói thật sự nó là gì. Vì không có một khuôn mẫu nhất định.

Do đâu mà không có? Vì nó không có một nền tảng chân thật. Chẳng hạn như có vị Hòa thượng người Cao Ly tuyên bố mình là người thuộc phái Thiền Tào Khê . Thật khó hiểu nổi dòng Thiền Tào Khê đã truyền bá đến Cao Ly như thế nào. Đây thật là trường hợp “treo đầu dê bán thịt chó.” Nhưng những thứ ông ta bán là đất bùn của xứ Cao Ly. Trong khi ông ta treo lên bảng “giọt nước của Tào Khê,” nhưng thật ra chẳng có giọt nước nào ở đó cả thì làm sao có thể gọi là Tào Khê được?

Thực ra tôi chẳng thích nói như thế này, nhưng tôi thấy những dạng người này thật đáng thương. Đó là trường hợp của người

đuôi dẫn đường cho kẻ mù. Ông ta tuyên bố là người thuộc dòng thiền Tào Khê , và một số trí thức người Mỹ theo ông ta rồi cũng trở thành môn đồ của Tào Khê luôn. Nhưng khi hỏi nguồn gốc chính xác của Thiền Tào Khê thì họ không thể trả lời được Tào Khê ở nơi nào? Nơi đó trông ra sao? Họ chẳng biết. Đây thật là sự giả mạo lộ bịch.

Nay quý vị đã thọ nhận giới luật từ một tông phái Phật giáo chân chính. Đây là Phật pháp chân chính, hoàn toàn khác hẳn với các giáo phái là đạo, lấy danh nghĩa Đạo để lừa lọc tài sản của mọi người. Chẳng hạn có nơi đã rao: “Trả cho tôi sáu mươi lăm đô la tôi sẽ truyền pháp cho bạn.” Ở đây không phải như vậy. Nay quý vị đã nhận giới y. Tiền mà quý vị cúng dường không phải cho tôi, mà để may sắm giới y này. Từ nay bất kỳ lúc nào tham dự pháp hội, quý vị cũng đều nên mang giới y. Đó là biểu lộ lòng tôn kính Phật Pháp Tăng.

Pháp hội này sẽ kết thúc vào ngày mai. Từ đây trở đi khi ở trong pháp hội người mang pháp y sẽ đứng trước, người mang thường phục đứng sau. Cũng vậy người thọ giới trước thì đứng trước, những người thọ giới sau thì đứng sau. Đây là thứ tự trong đạo Phật.

Hôm nay tôi xin chúc mừng tất cả quý vị đã trải qua suốt ba tháng tập trung tâm ý để học Kinh. Dù việc học chấm dứt, nhưng việc thực hành công phu thì mới bắt đầu. Thực hành điều gì? Quý vị phải giúp toàn thể chúng sanh trên thế gian này chấm dứt được khổ đau. Nỗi khổ của chúng sanh ấy chỉ được chấm dứt nếu mọi người đều góp sức vào. Nỗi khổ của kiếp người không hạn cuộc ở một quốc gia nào, con người bị khổ đau trên khắp cả thế giới, cho nên mới cần sự có mặt của các vị đại trí huệ để thức tỉnh, nhắc nhở đến sự khổ đau của nhân loại. Nhờ thế con người mới biết cách tìm cầu sự an lạc chân thực.

Nỗi khổ lớn nhất là gì? Nguồn gốc lớn nhất của khổ đau là tâm tham, Tham lam là một trong những phiền não lớn nhất. Tâm sân hận cũng là một trong những phiền não lớn, và si mê cũng là một trong những phiền não lớn, nên ba thứ tham, sân, si được gọi là ba món độc. Thế nhưng loài người lại thấy ba thứ này là ba người bạn thân thiết nhất. Thế nên từ nay bạn phải miễn cưỡng khi chia tay với các người bạn ấy.

Do thiếu hiểu biết, con người không từ bỏ được ba thứ độc này, nếu họ hiểu biết được điều này, sự khổ đau của con người sẽ được chấm dứt ngay.

Pháp hội Thủ-lăng-nghiêm lần này, chúng ta bắt đầu từ ngày 16 tháng 7. Chúng ta đã liên tục nghiên cứu cùng với công phu tu tập suốt từ sáu giờ sáng đến chín giờ tối mỗi ngày. Thời gian ba tháng này thật là giá trị vô cùng, bây giờ thời gian quý báu này đã trôi qua, quý vị phải chiêm nghiệm về những kiến thức quý báu này và ứng dụng vào việc tu tập ngay nơi thân tâm mình. Quý vị phải truyền đạt lại cho toàn thể nhân loại trên thế gian này về Phật Pháp mà quý vị đã học được. Để cho mọi người biết cách chuyển hóa khổ đau, biết cách đạt được niềm vui, biết cách đạt được trí tuệ, đừng nên làm những việc xuẩn ngốc hoặc làm những việc chẳng đem lại lợi lạc cho chúng sinh.

Pháp hội này được xem là một hình thức truyền bá Phật học đầu tiên trên toàn thế giới. Trước đây hoàn toàn chưa có, mặc dù có rất nhiều nơi giảng kinh pháp, nhưng ở đó không học từ sáng đến tối mà chẳng nghỉ như chúng ta vừa học. Nay quý vị nên mang những điều mình đã được học ra cứu giúp cho toàn thể chúng sinh trên toàn thế giới đang phiêu dạt trong biển khổ, giúp họ thoát khổ, thấy được niềm an lạc và nhanh chóng đạt được đạo giác ngộ. Đó là hoài bão của tôi.

Kinh Văn: Vọng nguyên vô nhân, ư vọng tưởng trung lập nhân duyên tính, mê nhân duyên giả, xưng vi tự nhiên. Bĩ hư không tánh, do thực huyễn sinh, nhân duyên tự nhiên, giai thị chúng sinh vọng tâm kế độ.

Việt dịch: Vọng vốn không có nhân, ở trong vọng tưởng mà lập ra tánh nhân duyên, mê tánh nhân duyên thì gọi đó là tự nhiên. Cả tánh hư không kia cũng sinh ra từ huyễn hóa, nên nhân duyên, tự nhiên đều là suy lường từ vọng tâm chúng sanh.

Giảng: Đoạn kinh này, nói về nhân duyên của vọng niệm, “nhân duyên” nghĩa là sao? Khi người ta không hiểu về lý nhân duyên, từ trong sự mê lầm này họ sẽ cho đó là tự nhiên, nên bị lạc vào tà kiến của ngoại đạo. Nên kinh văn nói:

Vọng vốn không có nhân, ở trong vọng tưởng mà lập ra tánh nhân duyên.

Vọng tưởng vốn không có nhân, từ trong vọng tưởng mà lập ra tánh nhân duyên.

Trong vọng tưởng của quý vị, vốn không có thực thể, nhưng quý vị cho rằng trong ấy có nhân và duyên, nhưng những người mê tánh nhân duyên gọi đó là tự nhiên.

Mê tánh nhân duyên thì gọi đó là tự nhiên.

Nếu quý vị hiểu rõ lý nhân duyên thì chẳng có vấn đề gì. Nhưng nếu có người mê mờ về lý nhân duyên thì chẳng hiểu rõ được chút nào lý này.

Quý vị có thể hỏi:

Bạch Hòa thượng: Rốt ráo nghĩa nhân duyên mà Ngài nói là gì?

Lí nhân duyên đã được giảng giải rất rõ trong phần trước. Đó là pháp để bài xích tà thuyết ngoại đạo, tà kiến của Tiểu thừa, nên pháp ấy chẳng phải là giáo lý thân diệu. Cơ bản giáo lý ấy cho rằng: Bất luân nhân như thế nào thì duyên sẽ như thế ấy. Những người không hiểu được lý nhân duyên sẽ gọi đó là tự nhiên.

Đó là trường hợp nuốt luôn cả trái chà là. Nghĩa câu đó là sao? Có thể quý vị chưa biết trái chà-là. Nhưng quý vị có thể hiểu như khi ăn trái táo mà không cắn cắn từng miếng, mà nuốt luôn nguyên cả trái vậy. Mùi vị trái táo ra sao, cũng chẳng cần biết nữa. Đây là ví như những người mê lầm lý nhân duyên mà chẳng hiểu gì về nó cả, nên gọi đó là tự nhiên, Đó là một tà thuyết của ngoại đạo.

Cả tánh hư không kia cũng sinh ra từ huyễn hóa, nên nhân duyên, tự nhiên đều là suy lường từ vọng tâm chúng sanh.

Nay chẳng nói đến nhân duyên, chẳng nói đến tự nhiên, mà đề cập đến hư không. Hư không là gì? Nó theo vọng tưởng của quý vị mà sanh khởi ra, như bài kệ của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đã nói trong đoạn trước:

Không sanh đại giác trung

Như hải nhất âu phát.

Nghĩa là: Hư không sanh trong biển đại giác, cũng như hòn bọt nhỏ trong lòng đại dương. Hư không ở trong bản tánh giác ngộ lớn chỉ như là bọt nước trong biển mêh mông, nên nói nó xuất sanh từ vọng tưởng.

Kinh Văn: A-nan, tri vọng sở khởi, thuyết vọng nhân duyên. Nhược vọng nguyên vô, thuyết vọng nhân duyên, nguyên vô sở hữu. Hà hướng bất tri, suy tự nhiên giả?

Việt dịch: A-nan, đã biết do vọng sanh khởi ra, mà nói nhân duyên vọng. Nếu vọng vốn không thì nhân duyên vọng đó vốn là chẳng có. Hướng gì những người không biết, cho đó là tự nhiên.

Giảng: A-nan, đã biết do vọng sanh khởi ra, mà nói nhân duyên vọng.

A-nan, nếu ông biết nơi sanh khởi của vọng tưởng thì ông có thể nói về nhân duyên của vọng tưởng ấy.

Quý vị có biết vọng tưởng hiện hữu như thế nào không? Nếu quý vị biết nơi vọng tưởng sanh khởi, thì quý vị có thể nói về nhân duyên.

Nếu vọng vốn không thì nhân duyên vọng đó vốn là chẳng có.

Nhưng nếu vọng tưởng không có nhân thì ông có thể nói rằng nhân duyên của vọng tưởng vốn là không vậy.

Vốn xưa nay chưa từng có vọng tưởng, vậy ông căn cứ vào đâu để nói về nhân duyên của vọng tưởng. Vì vọng tưởng vốn không thể tánh, nó chẳng có gốc. Vọng tưởng ấy chẳng phải có thực. Tất cả các pháp đều không có tướng nhất định.

Hướng gì những người không biết, cho đó là tự nhiên

Những người không biết lại biện bác cho đó là tự nhiên.

Nếu quý vị còn không biết lý nhân duyên mà lại biện bác cho lý tự nhiên thì quý vị sẽ rơi vào hàng ngoại đạo. Điều ấy hoàn toàn không nên.

Kinh Văn: Thị cố Như Lai, dữ nhữ phát minh, ngũ ấm bản nhân, đồng thị vọng tưởng.

Việt dịch: Thế nên Như Lai giải bày cho các ông rõ bốn nhân của ngũ ấm đều là vọng tưởng.

Giảng: Thế nên Như Lai giải bày cho các ông rõ bốn nhân của ngũ ấm đều là vọng tưởng.

Do lý nhân duyên đã được giảng ở phần trước Như Lai giải bày cho các ông rõ bốn nhân của ngũ ấm đều là vọng tưởng.

Cái gì là bốn nhân của ngũ ấm? Đó là vọng tưởng. Nếu quý vị quán chiếu thật sâu vào vọng tưởng quý vị sẽ thấy nó không có thực thể riêng biệt. Thực ra mẹ của vọng tưởng là năm uẩn. Từ năm uẩn mà có vọng tưởng. Nương nơi chơn mà vọng sanh khởi.

Trước đây tôi chẳng nói rồi đó sao? Ngọn núi ngũ uẩn đang đè bẹp quý vị. Lại có sáu tên giặc cướp trên núi đang chiêu tập lực lượng, binh mã, lương thực rồi đi khắp nơi phá nhà cướp của, chúng nó không chừa một việc gì mà không làm. Năm ngọn núi ngũ uẩn ấy che phủ tánh Như Lai tạng, nên tánh Như Lai tạng không hiển lộ ra được. Chỉ với năm ngọn núi ngũ uẩn che mờ chân tánh đã quá khổ rồi mà lại còn thêm sáu tên giặc cướp kết bè đảng rồi mặc sức đi phá nhà cướp của nữa. Tánh Như Lai tạng hoàn toàn bị che khuất dưới lũ cướp này. Nếu quý vị có thể hàng phục được sáu tên giặc cướp và ngũ ấm thì tánh Như Lai tạng của quý vị sẽ tự nhiên hiển bày.

Kinh Văn: Nhữ thể tiên nhân, phụ mẫu tướng sinh. Nhữ tâm phi tướng, tắc bất năng lai, tướng trung truyền mệnh.

Việt dịch: Thân thể của ông, trước là nhân cái tướng của cha mẹ mà sanh ra. Tâm ông nếu không có một niệm tướng nào, thì ông chẳng đến gá mạng vào nơi tướng.

Giảng: Đức Phật Thích-ca Mâu-ni nói với A-nan.

Thân thể của ông, trước là nhân cái tướng của cha mẹ mà sanh ra.

Nguyên nhân ban đầu của thân thể ông là do cái tướng của cha

mẹ sanh ra. Bằng cách nào mà ông có được cái thân hiện tiền? Cái thân ấy do đâu mà có? Có là do mọi thứ tướng nơi cha mẹ ông. Trong kinh gọi là tướng nhưng thực ra chính là tình. Nói rõ ràng hơn là một thứ xúc cảm. Vì loài noãn sanh do tướng sanh ra, loài thai sanh do tình sanh ra. Ngài A-nan vốn được sanh từ bào thai, chẳng phải noãn sanh. Nên trong trường hợp này cái tướng làm nhân để Ngài sanh ra chính là tình. Nói tóm lại. Tất cả những cái ấy đều là vọng tướng. Nói ở mức độ sâu hơn, cái nhân ấy là tướng và chi tiết hơn nữa thì gọi cái ấy là tình. Cái nhân ban đầu là tình của cha mẹ, nên họ cùng nhau thỏa mãn tình dục. Kết quả là đứa trẻ con được sanh ra, thế nên chẳng phải trẻ em được sanh ra từ tình hay sao?

Tâm ông nếu không có một niệm tướng nào, thì ông chẳng đến gá mạng vào nơi tướng.

Vì cha mẹ đã khởi cả tình lẫn tướng nên mới có chuyện nam nữ. Tuy nhiên khi ông đang ở trong dạng thân trung ấm, nếu ông không khởi nên cái tình yêu mến mẹ và ghét cha, hoặc ghét mẹ và yêu thương cha, thì thân ông không thể hiện hữu được. Chính ông cũng vậy, mới ngay trong giai đoạn thân trung ấm thôi, mà ông đã có niệm tướng về tình rồi.

Vì niệm tướng về tình ấy, nên thân trung ấm của ông nhập vào thai người mẹ. Nếu ông không có niệm tướng về tình ấy, thì ông không thể nhập thai và ông không thể có thân này. Đây là sự thực quá hiển nhiên, ông chẳng thể nào phủ nhận được điều ấy. Kinh văn xác định rằng, nếu ông không có tình tướng, thì thân tuyệt đối không thể nào hiện hữu. Làm sao mà có thể ra đời được.

Sinh mạng của ông có được là do nơi tướng.

Niệm tình tướng ấy đã truyền sự sống đến cho quý vị. Nguyên nhân để quý vị có mạng sống là do các tình tướng tương giao với nhau mà thành. Sinh mạng của ông có được là do nơi tướng. Nghĩa là cái tướng của ông khiến cho sanh mạng của ông được tương tục. Nếu ông không có niệm tướng nào thì sự sinh tử sẽ chấm dứt. Khi tướng ấm tiêu dung thì quý vị sẽ rời xa tất cả điên đảo mộng tướng. Khi mọi vọng tướng đều tiêu trừ rồi thì việc sanh tử nơi quý vị cũng chấm dứt luôn. Tại sao quý vị phải chịu trải qua sanh tử? Đơn giản là chỉ vì quý vị có quá nhiều vọng

tưởng. Khi một niệm vọng tưởng dừng, thì niệm khác lại dấy lên giống như sóng, vọng tưởng sinh khởi kế tiếp nhau vô cùng tận, và nó khiến cho sinh mạng tương tục.

Kinh Văn: Như ngã tiên ngôn, tâm tưởng thố vị, khẩu trung diên sinh, tâm tưởng đăng cao, túc tâm toan khởi, huyền nhai bất hữu, thố vật vị lai, nhữ thể tất phi, hư vọng thông luân. Khẩu thủy như hà, nhân đàm thố xuất?

Việt dịch: Như trước đây Như Lai đã nói, khi tâm tưởng đến vị chua, thì trong miệng tiết ra nước bọt, khi tâm tưởng đang leo cao thì lòng bàn chân cảm thấy rờn rợn, mà dốc cao chẳng có, vị chua cũng không thấy, thân thể của ông chẳng phải cùng loại với hư vọng, tại sao khi nghe nói đến vị chua thì nước bọt trong miệng tiết ra?

Giảng: Triết lý được giảng giải trong kinh Thủ-lăng-nghiêm là vô cùng triệt để. Đó là điểm cao nhất của tất cả mọi thứ triết học, là chân lý tối thượng. Nhưng dĩ nhiên, chân lý tối thượng rất ráo cũng chỉ là vọng tưởng. Kinh Thủ-lăng-nghiêm này chân thật khi mô tả mọi hiện tượng một cách thực tế như vậy. Nhưng nguồn cội của hiện tượng ấy là đâu ? Là vọng tưởng. Nguyên lý về sự xuất phát của mọi hiện tượng lạ rất ráo, nhưng nguồn gốc của những nguyên lý ấy cũng từ vọng tưởng. Nếu vọng tưởng sinh khởi thì nguyên lý ấy hiện hữu. Nếu không vọng tưởng thì nguyên lý ấy cũng không tồn tại.

A-Nan, như tôi đã nói trước. Ông có còn nhớ trước đây tôi đã nói với ông chuyện gì xẽ xảy ra khi tâm ông tưởng đến vị chua. Ông nghĩ: Ô ! dấm ấy thật là chua ! Ô ! Quả mận này thật là chua chỉ cần cắn một miếng là tê cả răng ! Ngay khi quý vị nghĩ về chuyện ấy, thì trong miệng tiết ra nước bọt. Miệng tiết ra nước bọt để tiêu hóa thức ăn. Lúc này không phải là đói mà quý vị nghĩ đến vị chua. Người Trung Hoa có thành ngữ “Uống dấm” là để cho những người hay ghen tức đố kỵ người khác làm tiết ra vị chua trong miệng quý vị.

Khi ông tưởng mình đang leo lên dốc cao, trong lòng bàn chân cảm thấy rờn rợn và trở lên yếu ớt. Quý vị có thể bị mất cân bằng và rơi từ bờ đá tới hẻm núi cả ngàn feet (1 foot = 0,3048 m). Quá nguy hiểm phải không.

Mà dốc cao cũng chẳng có, vị chua cũng không, núi cao thật ra không có ở đó, quý vị chỉ tưởng tượng đến nó mà thôi. Nhưng chỉ mới tưởng tượng thôi, mà bàn chân đã thấy rờ rợn lên rồi. Trên đã nói miệng tiết ra nước bọt khi nghĩ đến mận chua. Còn bây giờ chân cũng đã có cảm giác rờ rợn khi nghĩ đến bờ dốc đá cao. Thế nào là lòng bàn chân quý vị có cảm giác rờ rợn ? Tôi sẽ kể cho quý vị nghe. Đến đây có người sẽ nói: Hòa Thượng tôi cần phải giải thích điều này, con đã hiểu được rồi, con đã ngộ được đạo lý này rồi. Trước đây Hòa Thượng đã giảng về sự hỗ dụng của các giác quan. Trường hợp này chắc hẳn bàn chân cảm thấy chua vì nó có thể ăn được.”

Phải chăng sự thực là như thế hay sao ? Tôi không tin vào sự ngộ giải của ông như trên. Chẳng có một đạo lý nào như thế. Tôi không chấp nhận đạo lý như vậy, vì nó chỉ là vọng tưởng. Bàn chân chẳng thể nào ăn được. Trong sáu căn hỗ dụng là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Hoàn toàn không có bàn chân. Đó là lý do tại sao tôi tuyệt đối không thừa nhận kiến giải của ông, mà ông gọi là khai ngộ ấy.

Không có bờ đá dốc cao nào, cũng chẳng có trái me chua nào, nước bọt và bàn chân rờ rợn và yếu đi chính là do vọng tưởng. Nếu thân thể của quý vị không ra đời từ vọng tưởng hư dối, nếu thân xác ấy không kết bạn, không đồng loại với vọng tưởng thì tại sao nước trong miệng lại tiết ra khi nói đến vị chua? Nếu thân thể ấy không phải ra đời do vọng tưởng tình tưởng, thế tại sao dịch vị lại tiết ra trong miệng khi tôi nói đến vị chua? Vị chua chỉ là sự kiện được đề cập đến chứ nó không có thực. Nó chỉ là giả thuyết, tại sao lại tạo nên vị chua trong miệng ông? Có lẽ nào ông vẫn biện hộ rằng vị chua trong miệng ông và cảm giác rờ rợn ấy chẳng do từ vọng tưởng mà có chăng? Không! Vì nó hoàn toàn do vọng tưởng mà có.

Kinh Văn: Thị cố đương tri, nhữ hiện sắc thân, danh vi kiên cố đệ nhất vọng tưởng.

Việt dịch: Vậy ông nên biết, sắc thân hiện nay của ông, được gọi là vọng tưởng kiên cố thứ nhất.

Giảng: Vậy do những đạo lý được giảng ở trên ông nên biết, sắc

thân hiện nay của ông, được gọi là vọng tưởng kiên cố thứ nhất.

Gọi là kiên cố cũng chỉ là cái tên. Thực ra cái tên ấy được tạo ra nhờ vào loại vọng tưởng thứ nhất đó là sắc ấm.

Kinh Văn: Tức thử sở thuyết, lâm cao tướng tâm, năng linh nhữ hình, chân thọ toan sát.

Việt dịch: Như Lai đã nói trước đây, khi tâm ông tướng đến một nơi cao là thân có cảm giác rờn rợn.

Giảng: Như Lai đã nói trước đây, khi tâm ông tướng đến một nơi cao là thân có cảm giác rờn rợn.

Ở chương vừa rồi đã có nói, chỉ cần nghĩ về một nơi cao là chân có cảm giác rờn rợn và tê nhức.

Hãy tưởng tượng chính mình đang đứng trên bờ dốc cao dựng đứng; chỉ cần nói và nghĩ về điều ấy thôi cũng đủ làm cho lòng bàn chân quý vị thấy rờn rợn và tê nhức rồi. Quý vị cảm thấy rất khó chịu như thể cẳng chân không nâng đỡ nổi cái thân và có cảm giác muốn té. Nếu quý vị đi trên bờ đá cao và nhìn xuống dưới vực sâu không đáy, thì lòng bàn chân của mình sẽ có cảm giác như tê cứng lại. Mặc dù quý vị không có nguy cơ bị té mà quý vị cũng có cảm giác như thể mình sắp bị rơi vậy. Cảm giác này sở dĩ xuất hiện trong mình là do vọng tưởng. Chẳng hạn như quý vị có thể đi bộ hàng vạn dặm trên đất bằng mà bàn chân không hề có cảm giác tê rần, rờn rợn do vọng tưởng. Nhưng nếu quý vị phải đi qua một cây cầu độc mộc bắc qua dòng sông nước chảy xiết ở phía dưới, thì quý vị sẽ bắt đầu suy nghĩ: “Ồ, nếu như ta bị rơi xuống đây thì coi như xong đời, ta sẽ chết đuối là chắc chắn.”

Mọi việc đều tốt đẹp cho đến khi trong tâm quý vị khởi lên cái tưởng như thế. Bây giờ bất thành linh bàn chân quý vị trở nên tê cứng không nhấc nổi bụ một bước, kết quả là bị rơi. Chuyện đó chắc chắn sẽ xảy ra, vì quý vị đã phát khởi tưởng như vậy. Nếu trong tâm quý vị không khởi dậy tưởng tượng mà chỉ đi với đôi mắt nhắm nghiền, không cần biết đến điều gì hết khi bước qua chiếc cầu độc mộc, thì chẳng có điều gì xảy ra cả. Nên hãy dứt

khoát lần sau sẽ cố gắng đi qua cầu với đôi mắt nhắm. Nhưng rồi quí vị cũng sẽ bị té như lần trước, vì quí vị không thấy đường đi. Nếu quí vị đi qua cầu với đôi mắt mở, quí vị sẽ khởi vọng tưởng về dòng nước cuộn cuộn phía dưới khiến mình sợ hãi. Nếu quí vị nhắm mắt đi qua cầu, chắc chắn là bị trượt và rơi xuống sông.

Cho nên mở mắt mà không vọng tưởng và đừng nhắm mắt để cố giết chết vọng tưởng theo cách ấy là hoàn toàn không có hiệu quả. Đây thật là vấn đề tiến thoái lưỡng nan. Nếu quí vị khởi vọng tưởng thì lòng bàn chân sẽ trở nên tê rợn. Nếu nhắm mắt quí vị sẽ rơi xuống vực sâu. Nhắm mắt không giải quyết được vấn đề. Do vậy, điều tối quan trọng là ở nơi đây, tốt nhất là không khởi vọng tưởng thì chẳng có việc gì xảy ra cả.

Kinh Văn: Do nhân thọ sanh, năng động sắc thể. Nhữ kim hiện tiền, thuận ích vi tổn, nhị hiện khu trì. Danh vi hư minh đệ nhị vọng tưởng.

Việt dịch: Do các thứ cảm thọ sanh khởi, nó tác động đến sắc thân. Nên hiện nay, hai thứ cảm thuận ích và vi tổn đang thúc bách thân ông. Đó là là vọng tưởng hư minh thứ hai.

Giảng: Do các thứ cảm thọ sanh khởi, nó tác động đến sắc thân.

Do đó mà các thứ cảm thọ sanh khởi và tác động đến thân ông. Khi sinh ra quí vị bẩm thụ được sắc thân có hình và thể. Nên hiện tại ông theo đuổi những cảm thọ dễ chịu và khước từ những cảm giác khó chịu.

Nên hiện nay, hai thứ cảm thuận ích và vi tổn đang thúc bách thân ông.

Các ông thích những thứ thuận lợi cho mình (thuận ích) và không ưa những gì tổn hại cho mình (vi tổn).

Đó là là vọng tưởng hư minh thứ hai. Hai thứ cảm thọ, hai thứ vọng tưởng ấy thúc bách nơi thân ông, là lớp vọng tưởng thứ nhì. Đặc điểm của nó là hư minh.

Hư nghĩa là không có thực, nên loại ánh sáng này không có thực.

Đây là loại vọng tưởng thứ nhì.

Kinh Văn: Do nhữ niệm lự, sử nhữ sắc thân, thân phi niệm luân, nhữ thân hà nhân, tùy niệm sở sử, chủng chủng thủ tượng, tâm sinh hình thủ, dữ niệm tương ứng?

Việt dịch: Do những ý nghĩ sai sử thân ông, nếu thân ông không cùng dạng với niệm tưởng, sao lại theo vọng tưởng nắm bắt mọi thứ hình tượng, sanh tâm chấp giữ, cùng niệm tưởng tương ứng?

Giảng: Do những ý nghĩ sai sử thân ông.

Khi niệm tưởng sinh khởi, nó có thể sai sử thân ông. Những vọng tưởng này có thể điều khiển thân ông, nhưng thân ông thì không phải là tưởng. **Nếu thân ông không cùng dạng với niệm tưởng.** Nếu thân và tâm là hai vật thể khác biệt, thì làm sao mà nó lại biết lẫn nhau được?

Tại sao thân ông lại theo vọng tưởng và nắm bắt mọi thứ hình tượng?

Tại sao quý vị vừa khởi niệm thân liền theo niệm tưởng ấy mà hành động một cách tương ứng ngay liền?

Sanh tâm chấp giữ, cùng niệm tưởng tương ứng?

Một niệm sanh khởi thân liền tương ứng với hình tượng mà tâm vừa tưởng ra.

Tại sao thân của quý vị lại theo sự sai khiến của niệm tưởng. Ngay khi vừa khởi niệm thân ông liền muốn tương ứng ngay với vật tượng mà ông vừa tưởng ra. Tại sao hành động của thân lại hợp nhất với niệm tưởng? Tưởng là gì? Quý vị có thể có một niệm tưởng, hai niệm tưởng cho đến mười niệm tưởng, nhưng ở đây ý Kinh đề cập đến một niệm tưởng.

Trong Kinh Nhân vương hộ quốc Bát-nhã nói có chín mươi sát-na chỉ trong một niệm. Một sát-na là một thời gian cực kỳ ngắn, thế mà trong sát-na có chín trăm lần sanh tử, hay là chín trăm lần sinh diệt. Nên nói:

“Nhất niệm bất sanh toàn thể hiện

Lục căn hốt động bị vân già.”

Nghĩa là: Một niệm không sanh khởi, thể tánh toàn chân hiển bày. Sáu căn vừa động, chân tánh liền bị mây mờ che phủ. Nếu quý vị giữ cho mình được nhất tâm, thì thể tánh chân thật sẽ hiển bày. Cái dụng lớn vô biên của chân tánh là Như Lai tạng . Đó là của báu vốn có trong nhà của quý vị. Đó là quê hương xán lạn rộng khắp, là mặt mũi từ khi cha mẹ chưa sanh ra, khi sáu căn chỉ vừa dấy khởi một niệm rất vi tế, thì thân tâm liền bị vây phủ bởi mây mù.

Nếu hành giả tu tập đạt đến mức không còn một niệm tướng nhỏ nhít nào nữa, thì quý thần không thể nào đến gần người ấy được nữa. Nếu như một niệm không sinh, thì chẳng có niệm diệt đi. Nếu quý vị không thể ngăn ngừa dừng cho niệm sanh khởi, thì quý vị không thể nào ngăn cản được niệm ấy diệt đi. Đây là điểm rất quan trọng. Nếu quý vị hiểu được quy luật này, thì trong tâm quý vị không còn vọng tưởng, thể tánh toàn chân hiển bày. Nhưng khi sáu căn vừa động, tâm quý vị liền bị vây phủ bởi mây mù ngay.

Kinh Văn: Ngộ tức tướng tâm, mị vi chư mộng, tắc nhữ tướng niệm, dao động vọng tình. Danh vi dung thông đệ tam vọng tướng.

Việt dịch: Khi thức là tướng tâm, khi ngủ là chiêm bao, nên niệm tướng lay động vọng tình của ông. Đó gọi là dung thông vọng tướng thứ ba.

Giảng: Khi thức là tướng tâm.

Khi thức, thì tâm ông suy nghĩ.

Cách đây vài hôm, tôi đã giảng về Trang Công , người được sanh ra khi mẹ ông đang ngủ. Do đó mẹ ông không bằng lòng về ông và thương quý người con thứ hai là Cung Thúc Đoạn hơn, bà mẹ muốn người con thứ này lên ngôi kế vị vua cha. Nên bà ta nhiều lần xin vua Vũ truyền ngôi cho con thứ thay vì truyền cho con trưởng. Nhưng vua Vũ không chịu, nên Trang Công được kế vị cha. Khi Trang Công lên ngôi, bà mẹ xúi Cung Thúc Đoạn âm mưu một cuộc tạo phản, nhưng vẫn thất bại. Đó là chuyện Trang

Công. Khi quý vị thức, thì tướng ấm điều khiển.

Khi ngủ là chiêm bao. Khi quý vị ngủ thì chiêm bao. Tướng ấm tạo nên chiêm bao. Trước đây chúng ta đã nghe nói đến cách tướng ấm tạo nên nhận thức về sự vật sai lệch trong chiêm bao. Chẳng hạn khi quý vị đang ngủ, có người đang giặt áo quần hay giã gạo bên bên, quý vị nghe như có tiếng chuông trống đang hòa nhau.

Nên vọng tướng lay động vọng tình của ông. Khi ông chiêm bao, tướng ấm đã khiến ông nhận lầm chuông trống đang hòa nhau.

Đó gọi là dung thông vọng tướng thứ ba.

Đây là lớp vọng tướng thứ ba, tính chất của nó là dung thông.

Dung thông có nghĩa là cùng tác động lẫn nhau. Tướng ấm vẫn hoạt động dù quý vị ngủ hay thức nên gọi tướng ấm là “dung thông.” Có nghĩa hợp tác hỗ tương với nhau. Đây là vọng tướng thứ ba và nó có liên quan với tướng ấm.

Kinh Văn: Hóa lí bất trụ, vận vận mật di. Giáp trường phát sinh, khí tiêu dung trữu. Nhật dạ tương đại, tăng vô giác ngộ.

Việt dịch: Chuyển hóa không ngừng, xoay vần âm thầm dời đổi. Móng tay và tóc dài ra, khí lực suy tàn, da mặt nhăn nheo. Thay đổi ngày đêm, thế mà ông không hề thức tỉnh.

Giảng: Tiến trình **chuyển hóa không ngừng.**

Ngày đêm tương tục với nhau. Đó là hành ấm , trôi chảy không ngừng như sóng gợn lăn tăn trên mặt nước. Khi niệm trước dừng, niệm sau liền sanh khởi. Khi niệm ấy qua đi, niệm kia liền đến. Nó sanh rồi diệt liên tục nhau.

Quá trình trao đổi và chuyển hóa này không bao giờ chấm dứt. Nó vận hành liên tục, không hề ngừng nghỉ.

Xoay vần âm thầm dời đổi. Âm thầm dời đổi rất vi tế.

Quý vị không thể nhận ra sự chuyển hóa ấy vì nó xảy ra rất là vi tế và rất âm thầm. Ngôi nhà đã được dọn đi mà quý vị không hề biết. Trông có vẻ khác lạ. Đó là sự chuyển hóa âm thầm.

Móng tay và tóc dài ra.

Trong hai ngày nếu quý vị không cắt móng tay. Sẽ thấy nó dài ra, một chút, sau ba ngày, nó dài hơn, sau bốn ngày dài hơn nữa. Mỗi ngày nó dài hơn ngày trước một chút. Nhưng quý vị có biết mỗi chút, mỗi giây nó dài ra bao nhiêu không?

Nếu trong một tháng quý vị không cắt tóc, nó sẽ dài ra chừng nửa inch.

Nhưng một ngày tóc dài ra bao nhiêu phân?

Quý vị chẳng biết. Quý vị nói “Được rồi, tôi sẽ đo.” Nhưng liệu có chính xác không? Quý vị có thể dùng computer để đo rồi xem thử computer có biết được chăng?

Khí lực suy tàn.

Khí lực suy giảm hàng ngày, con người ai cũng sung mãn chân khí tiên thiên. Tuy nhiên về khi già, sinh lực ấy giảm dần, dù nó không mất hẳn nhưng trên đà xuống dốc.

Da mặt nhăn nheo.

Da quý vị trở nên bị nếp gấp như da gà, tóc trắng như lông hạc. Nét mặt của quý vị trở nên già cỗi, không thể nào trở lại thời thanh xuân được nữa. Thảm mỹ hoàn toàn bất lực để có thể chuyển một ông lão tám mươi thành người hai mươi tuổi.

Thay đổi liên tục ngày đêm.

Sự chuyển biến liên tục ngày đêm, móng tay dài ra, tóc bạc, khí lực suy giảm, da nhăn. Nó còn chính xác hơn cả đồng hồ. Nếu quý vị không lên giây đồng hồ thì đồng hồ nó sẽ đứng máy. Nhưng nếu quý vị không lên giây” tiến trình chuyển hóa vật chất” ấy nó vẫn hoạt động như thường, trừ phi quý vị chết đi. Khi quý vị chết, tiến trình ấy mới dừng hẳn.

Thế mà ông không hề thức tỉnh.

Nó theo đuổi quý vị suốt ngày đêm. Từ khi thiếu niên đến tráng niên, cho đến tuổi già cả đến lúc chết. Chết rồi lại tái sinh, rồi lại phải chết quý vị trải qua vô số lần sanh tử như vậy mà không hề biết rõ được nguyên lý này, vẫn cứ bước đi một cách rất hồ đồ đến suốt đời suốt kiếp. Mê mờ lúc sinh ra cho đến luôn cả lúc ra

đi. Đó là những chi tiết về loại vọng tưởng từ hành ẩm phát sanh.

Kinh Văn: A-nan, thử nhược phi nhữ, vân hà thể thiên. Như tất thị chân, nhữ hà vô giác?

Việt dịch: A-nan, nếu những thứ này chẳng phải là ông, tại sao thân ông lại biến đổi? Nếu chắc thật là ông, sao ông không biết?

Giảng: A-nan nếu những thứ này chẳng phải là ông, thì tại sao thân ông lại biến đổi?

Thân thể quý vị đều trải qua các dạng biến chuyển này. Tóc móng dài ra, khí lực tổn giảm, da mặt nhăn nheo. Quý vị nói rằng móng tay chẳng phải là của mình. Thế tại sao nó vẫn tiếp tục dài ra? Quý vị nói tóc không phải là của mình. Thì tại sao nó vẫn tiếp tục dài ra trên đầu mình? Quý vị nói khí lực không phải là của mình. Tạo sao đôi khi quý vị thấy yếu khi khí lực không đầy đủ? Nếu khuôn mặt không phải là quý vị thì làm sao nó lại trở nên nhăn nheo? Nếu quý vị cho rằng sự nhăn nheo ấy chẳng liên quan gì đến mình cả, thì tại sao da mặt của quý vị lại trở nên nhăn nheo? Tại sao những sự chuyển biến lại xảy ra trên người của quý vị? Nếu những sự chuyển biến này chẳng phải là nơi quý vị, thì làm sao thân thể của quý vị lại chịu sự thay đổi. Từ tuổi thành niên chuyển sang tuổi trung niên. Từ tuổi trung niên chuyển sang già lão. Từ già lão chuyển đến cái chết. Quý vị chẳng thể nào nói rằng những cái ấy chẳng phải là ta. Nếu nó không phải là mình thì quý vị chẳng có thực.

Nếu vọng tưởng chắc thật là ông, sao ông không biết?

Nếu cứ khẳng khẳng cho rằng vọng tưởng chắc thật là ông, sao ông không biết.

Tại sao quý vị không biết được nó? Tóc, móng mọc dài ra, nhưng quý vị không biết được điều đang xảy ra. Khí lực suy giảm, mà quý vị vẫn không nhận biết. Da mặt trở nên nhăn nheo, nhưng quý vị cũng không phát hiện được. Quý vị cũng chẳng biết được sự chuyển biến ấy diễn ra khi nào.

Đây là một phản luận hai đầu. Nếu quý vị nói rằng sự chuyển biến ấy thuộc về mình thì sai, nhưng nếu quý vị nói nó chẳng

thuộc về mình cũng sai luôn. Thế thì nó là gì? Nó là vọng tưởng!
Đó là căn gốc. Vọng tưởng đã tạo nên mọi sự chuyển biến.

**Kinh Văn: Tắc nhữ chư hành, niệm niệm bất đình. Danh vi u
ẩn đệ tứ vọng tưởng.**

**Việt dịch: Ất là hành ấ của ông tương tục không dừng trong
mỗi niệm. Đó là vọng tưởng thứ tư, tính chất là vi tế và ẩn
mật.**

**Giảng: Ất là hành ấ của ông tương tục không dừng trong
mỗi niệm. Đó là vọng tưởng thứ tư, tính chất là vi tế và ẩn
mật.**

Hành ấ hoạt động liên tục, nhưng sự nhiễu động vi tế ấy
không dễ gì nhận ra. Nó bí ẩn mà mờ昧, quý vị khó nhận ra
được. Đây là loại vọng tưởng thứ tư liên quan với hành ấ .

**Kinh Văn: Hựu nhữ tinh minh, tràm bất dao xử, danh hằng
thường giả, ư thân bất xuất, kiến văn giác tri. Nhược thực tinh
chân, bất dung tập vọng.**

**Việt dịch: Lại chỗ tinh minh lóng lạng, không dao động của
ông, gọi là là thường còn, thì nơi thân ông, chẳng ra ngoài sự
thấy nghe, hiểu biết. Nếu nó thật sự là tính chân, thì đã không
dung chứa tập khí vọng tưởng.**

**Giảng: Lại chỗ tinh minh lóng lạng, không dao động của ông,
gọi là là thường còn, thì nơi thân ông, chẳng ra ngoài sự thấy
nghe, hiểu biết.**

Cuối cùng nơi chỗ sáng suốt tinh thuần lạng yên không dao
động ấy là thường, thì thân ông chẳng thoát ra khỏi sự thấy
nghe, hiểu biết.

Lúc này, quý vị sẽ cảm thấy sáng suốt, tinh thuần, trong lạng,
không diêu động. Nếu quý vị cho đây là trạng thái thường hằng,
thì những việc thấy nghe hiểu biết lẽ ra có trong thân quý vị.

**Nếu nó thật sự là tính chân, thì đã không dung chứa tập khí
vọng tưởng.**

Nếu nó thật sự tinh thuần, chân thật, thì nó đã không có các tập khí và vọng tưởng.

Tập khí và vọng tưởng lẽ ra đã không sanh khởi.

Kinh Văn: Hà nhân nhữ đẳng, tăng ư tích niên, đồ nhất kì vật, kinh lịch niên tuế, ức vọng câu vô; ư hậu hốt nhiên, phúc đồ tiền di, kí ức uyển nhiên, tăng bất di thất? Tắc thử tinh liễu, trạm bất dao trung, niệm niệm thọ huân, hữu hà trù toán?

Việt dịch: Do đâu mà các ông, trong những năm trước đã từng thấy vật lạ, trải qua nhiều năm, chẳng để ý đến; rồi sau bỗng dưng, thấy lại vật lạ đó, liền nhớ rõ ràng, không hề thiếu sót? Vậy trong tỉnh tỉnh mình đứng lặng, trọn không dao động ấy, đã chịu sự huân tập trong từng niệm, đâu có trù tính gì?

Giảng: Do đâu mà các ông, trong những năm trước đã từng thấy vật lạ, trải qua nhiều năm, chẳng để ý đến;

Nhân đâu mà nó xảy ra, do ông từ trong quá khứ đã từng thấy vật lạ. Lâu rồi bỗng quên đi. Chẳng quên chẳng nhớ đến vật đó nữa.

Nguyên nhân của việc này là gì? Quý vị có thể thấy một vật kỳ quái, nhưng sau nhiều năm, quý vị chẳng nhớ chẳng quên gì đến vật ấy nữa cả. Nếu quý vị nói rằng mình đã quên việc ấy, có nghĩa là quý vị vẫn còn một vài hồi ức về sự kiện đã xảy ra. Nhưng mà ở đây chẳng có việc nhớ quên gì về sự việc đó nữa cả.

Rồi sau bỗng dưng, thấy lại vật lạ đó, liền nhớ rõ ràng, không hề thiếu sót. Nhưng rồi sau đó bỗng nhiên thấy lại vật lạ ấy, ông liền nhớ lại vật ấy một cách rõ ràng không sót một chi tiết nào cả.

Nếu quý vị bỗng dưng thấy lại vật ấy lần nữa, thì quý vị sẽ hỏi tưởng lại làm sao mình biết được vật ấy, mình đã gặp vật này trong quá khứ và làm sao nó xuất hiện. Quý vị sẽ chẳng quên một chi tiết nào cả.

Làm sao mà ông có thể theo dõi được sự huân tập của từng niệm từng niệm ở trong tánh chất tinh thuần, sáng suốt không

điều động ấy.

Vậy trong tĩnh tĩnh mình đứng lặng, trọn không dao động ấy, đã chịu sự huân tập trong từng niệm, đâu có trừ tính gì?

Ở trong trạng thái trong suốt không điều động ấy, có sự huân tập tiếp diễn liên tục trong từng niệm từng niệm, làm sao theo dõi được việc ấy? Làm sao người ta có thể hồi tưởng lại được mọi sự kiện? Giải thích như thế nào khi đã gạt bỏ hoàn toàn mọi vật ra khỏi tâm trí lại còn nhớ khi thấy lại nó? Trước khi thấy lại vật ấy, quý vị không gọi lại nó, nhưng một khi quý vị đã gặp nó, quý vị tự động nhớ đến nó liền. Làm sao mà chuyện ấy được tính toán kỹ lưỡng như vậy? Ai có thể lưu trữ điều này một cách chính xác? Ai theo dõi việc này? Điều này chứng tỏ cho dù quý vị có tạm thời quên nó, nhưng thức thứ tám vẫn nhớ. Đó là lý do tại sao khi quý vị thấy vật ấy lại, quý vị liền nhớ ngay. Đó chẳng phải là có người đã theo dõi mọi sự việc hay sao? Nó đã được lưu giữ trong thức thứ tám một cách tự nhiên.

Kinh Văn: A-nan đương tri, thủ trảm phi chân, như cấp lưu thủy, vọng như điểm tĩnh, lưu cấp bất kiến, phi thị vô lưu. Nhược phi tướng nguyên, ninh thọ tướng tập.

Việt dịch: A-nan nên biết trạng thái trong lặng ấy là không thực, như dòng nước chảy nhanh, xa trông như đứng lặng, do chảy nhanh mà không thấy được, chứ không phải là nước không chảy. Nếu đây không phải là cội gốc của vọng tưởng, có sao lại bị huân tập bởi tập khí hư vọng?

Giảng: A-nan nên biết trạng thái trong lặng ấy không thực.

Trạng thái yên tĩnh trong lặng, không điều động đã được miêu tả ở trên không thực sự hoàn toàn tĩnh lặng. Tại sao không?

Như dòng nước chảy nhanh, xa trông như đứng lặng, do chảy nhanh mà không thấy được, chứ không phải là nước không chảy.

Như dòng nước chảy quá nhanh nên ở trên bề mặt thấy như yên lặng. Khi nhìn kỹ vào đó như thể không có sóng và nước chảy. Vì nước chảy quá nhanh nên không thấy được, chứ không phải là nước không chảy.

Vì không có sóng nên quý vị không thể thấy được nước đang trôi. Nhưng như thế không có nghĩa là không có sự trôi chảy. Nước vẫn chảy, nhưng quý vị không thấy vì không có sóng. Trước đây chúng ta đã học qua hành ẩm . Nay chúng ta sẽ học về thức ẩm .

Nếu đây không phải là cội gốc của vọng tưởng thì làm sao người ta bị huân tập bởi những tập khí hư vọng?

Nếu không có vọng tưởng trong thức ẩm , thì sẽ chẳng có ai bị ảnh hưởng và huân tập bởi vọng tưởng và tập khí.

Kinh Văn: Phi nhữ lục căn, hồ dụng hợp khai, thử chi vọng tưởng, vô thời đắc diệt.

Việt dịch: Nếu sáu căn của ông chưa được khai hợp, dùng thay lẫn nhau, thì cái vọng tưởng ấy không khi nào diệt trừ được.

Giảng: Nếu sáu căn của ông chưa được khai hợp, dùng thay lẫn nhau.

Nếu ông chưa chứng đạt được trình độ công phu đến khả năng lục căn hồ dụng thì sáu căn của ông chưa được khai hợp, dùng thay lẫn nhau, **thì cái vọng tưởng ấy không khi nào diệt trừ được.**

Trừ phi quý vị đạt đến mức sáu căn có thể hồ dụng lẫn nhau, thì các vọng tưởng này sẽ được tiêu diệt.

Kinh Văn: Cố nhữ hiện tại, kiến văn giác tri, trung quán tập cơ. Tắc trạm liễu nội, vọng tượng hư vô, đệ ngũ diên đảo, vi tế tinh tưởng.

Việt dịch: Cho nên hiện nay, cái thấy nghe hiểu biết của ông đã xâu kết trong tập khí hư vọng. Ất trong tính rỗng lặng trong suốt ấy, là cái vọng tưởng diên đảo vi tế, rỗng không huyền hóa thứ năm

Giảng: Cho nên hiện nay, cái thấy nghe hiểu biết của ông đã xâu kết trong tập khí hư vọng. Cho nên những khả năng thấy nghe hiểu biết của ông hiện nay đã xâu kết biết bao nhiêu tập

khí hư vọng

Ắt trong tính rỗng lặng trong suốt ấy, là cái vọng tưởng điên đảo vi tế, rỗng không huyễn hóa thứ năm.

Sự hoạt động của sáu loại tánh biết: thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc, giác đều kết lại với nhau qua những tập khí rất vi tế, như một xâu chuỗi hạt. Những tập khí này rất nhỏ nhiệm và khó phát hiện ra.

Kinh Văn: A-nan, thị ngũ thọ ấm, ngũ vọng tưởng thành.

Việt dịch: A-nan, năm loại ấm này là do năm vọng tưởng tạo thành.

Giảng: A-nan, năm loại ấm này: sắc ấm, thọ ấm , tưởng ấm , hành ấm , thức ấm **là do năm vọng tưởng tạo thành.** Do đó nên năm thứ vọng tưởng này cũng phát sanh.

Kinh Văn: Nhữ kim dục tri, nhân giới thiện thâm, duy sắc dữ không, thị sắc biên tế, duy xúc cập ly thị thọ biên tế, duy kí dữ vong thị tưởng biên tế, duy diệt dĩ sinh thị hành biên tế, tràm nhập hiệp tràm quy thức biên tế.

Việt dịch: Nay ông muốn biết giới hạn sâu cạn, chỉ có sắc và không là biên giới của sắc ấm, xúc và ly là biên giới của thọ ấm , nhớ và quên là biên giới của tưởng ấm , diệt và sinh là biên giới của hành ấm , đứng lặng và hiệp với đứng lặng thuộc về biên giới của thức ấm .

Giảng: Nay ông muốn biết giới hạn sâu cạn.

Ông nay muốn biết tầm mức sâu cạn từng lĩnh vực của năm ấm.

Quý vị cần phải biết phạm vi của từng ấm sâu hay cạn, nó giống như cái gì? Ở đâu là giới hạn của chúng? Tôi sẽ nói cho quý vị nghe bây giờ.

Chỉ có sắc và không là biên giới của sắc ấm

Sắc và không có quan hệ với nhau, và nơi đây là giới hạn của

sắc ấm.

Xúc và ly là biên giới của thọ ấm .

Xúc và ly với đối tượng của sự xúc chạm là giới hạn của thọ ấm .

Nhớ và quên là biên giới của tưởng ấm .

Diệt và sinh là biên giới của hành ấm , đứng lặng và hiệp với đứng lặng (với minh giác) thuộc về biên giới của thức ấm. Từ đó lập nên giới hạn của thức thứ tám.

Kinh Văn: Thử ngũ ấm nguyên, trùng điệp sinh khởi. Sinh, nhân thức hữu. Diệt, tòng sắc trừ.

Việt dịch: Năm ấm này vốn sinh khởi trùng điệp. Sinh, do thức ấm mà có. Diệt, từ sắc ấm mà trừ.

Giảng: Năm ấm này vốn sinh khởi trùng điệp.

Cội nguồn của năm ấm này sinh khởi trùng điệp. Ngũ ấm sanh khởi từng lớp hỗ tương tuần hoàn với nhau, cùng hỗ trợ cho nhau.

Sinh, do thức ấm mà có. Diệt, từ sắc ấm mà trừ.

Sự sinh khởi hoại diệt hoại diệt xảy ra như thế nào? Một khi sắc chất biến mất, thì ấm trở thành không, nó sinh khởi từ thức, và sự hoại diệt bắt nguồn từ khi hình sắc tiêu trừ.

Kinh Văn: Lý tắc đồn ngộ, thừa ngộ tính tiêu. Sự phi đồn trừ, nhân thứ đệ tận.

Việt dịch: Lý tức ngộ liền, nhân ngộ mà tiêu trừ sạch. Sự thì chẳng phải trừ được ngay, mà phải theo thứ lớp mới dứt được.

Giảng: Lý tức ngộ liền, nhân ngộ mà tiêu trừ sạch.

Ông có thể đồn ngộ ngay phần lý. Khi ấy tất cả đều tiêu trừ cùng một lúc.

Quý vị đã hiểu được quy luật này rõ ràng rồi. Khi quý vị đã ngộ

đạo rồi thì phương pháp tu tập mà quý vị đã áp dụng xưa nay đều được ngưng lại. Cả ý niệm về ngộ cũng tiêu mất luôn. Nếu quý vị hiểu được nguyên lý này, thì ngay cả khái niệm liên quan đến Ngộ cũng tiêu dung.

Sự thì chẳng phải trừ được ngay, mà phải theo thứ lớp mới dứt được.

Còn phần sự tướng thì chẳng thể trừ được ngay, mà phải theo từng thứ lớp.

Về mặt lý tánh (phương diện bản thể) thì quý đã được giác ngộ. Nhưng về mặt sự tướng (phương diện hiện tượng), việc chuyển hóa phải được thực hành lần lượt theo thứ tự. Nó cũng như việc thay áo quần, quý vị phải thay từng thứ lớp. Lớp thứ nhất, lớp thứ hai lớp thứ ba lớp thứ tư, rồi lớp thứ năm (41).

Về mặt sự tướng, quý vị phải chuyển hóa chúng dần dần theo từng thứ lớp. Hiểu được nguyên tắc này, quý vị vẫn phải cần công phu tu tập như ở giai đoạn thực hành, chỉ có công phu tu tập thực sự quý vị mới có thể vượt qua năm ấm.

Kinh Văn: Ngã dĩ thị nhữ kiếp ba cân kết. Hà sở bất minh, tái thử tuân vấn?

Việt dịch: Như Lai đã chỉ cho ông về những gút nơi khăn kiếp-ba-la. Có điều gì chưa hiểu rõ khiến ông lại hỏi?

Giảng: Như Lai đã chỉ cho ông về những gút nơi khăn kiếp-ba-la, Như Lai đã buộc sáu nút nơi tấm khăn, có điều gì chưa hiểu rõ khiến ông lại hỏi? Tại sao ông vẫn chưa hiểu được điều ấy? Tại sao ông lại hỏi tôi chuyện ấy lần nữa?

Kinh Văn: Nhữ ứng tương thử, vọng tướng căn nguyên, tâm đắc khai thông, truyền thị tương lai, mật pháp chi trung, chư tu hành giả, linh thức hư vọng, thâm yếm tự sinh, tri hữu niết-bàn, bất luyến tam giới.

Việt dịch: Ông nên đem sự thông hiểu cội nguồn của vọng tướng này, truyền dạy cho người tu hành đời sau trong thời

mạt pháp, khiến cho họ nhận ra được hư vọng, tự thấy nhàm chán, biết có niết-bàn, để không luyến tiếc ba cõi.

Giảng: A-nan, **Ông nên đem sự thông hiểu cội nguồn của vọng tưởng này, truyền dạy cho người tu hành đời sau trong thời mạt pháp,**

Ông cần phải tìm cầu và đạt được sự thông hiểu về cội gốc của vọng tưởng này, Khiến cho toàn thể chúng sinh hiểu được tướng tận nguyên lý này, giúp cho họ nhận ra được sự hư vọng mà tự thấy nhàm chán. **Khiến cho họ nhận ra được hư vọng, tự thấy nhàm chán,** làm cho tất cả người tu hành nhận rõ sự hư vọng đều tự sanh ra trong chính mình. Dạy cho họ căn nguyên cùng mô dạng của nó, khiến cho chúng sanh trở nên chán ghét sự hư vọng ấy.

Biết có niết-bàn, để không luyến tiếc ba cõi. Dạy cho họ biết rõ niết-bàn để không còn luyến tiếc ba cõi. Khi chúng sanh nhận thức được rằng: Mình có khả năng chứng được niết-bàn, thì họ sẽ không còn chần chừ trong ba cõi này nữa. Họ sẽ không thấy muốn nán lại nơi ngôi nhà lửa nơi Tam giới: Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới nữa.

“Tam giới vô an, du như hỏa trạch.”

Nghĩa là: ba cõi không nơi đâu là yên ổn, giống như ở trong nhà lửa.

Liên Trì Đại Sư là một Pháp sư lỗi lạc của Trung Hoa đã nói như vậy. Sau khi ngài xuất gia rồi, Ngài luôn luôn mong mỏi được về nhà để thăm vợ, và Ngài đã trở về nhà để thăm người vợ của mình.

Vợ của ngài là người rất thông minh, thế nên bà ta đã nghĩ cách giúp chồng tu tập: “Chồng mình đã xuất gia, nhưng không chịu tu tập vẫn còn lưu luyến chuyện tình ái mà không thể buông bỏ được.”

Chẳng còn cách nào tốt hơn, bà ta đào một cái hầm thật lớn ngay trước cửa nhà, rồi phủ lên đó một tấm thảm, trong hầm bà ta đốt lửa lên. Lần đó Đại Sư Liên Trì về nhà, ngài bước lên tấm thảm và rơi xuống hầm lửa đang cháy. Ngài la lên: “Bà làm gì mà làm hầm lửa ngay trước nhà như vậy?”

Người vợ đáp: “Nếu ông biết đó là hầm lửa sao ông vẫn muốn quay về?”

Nghe xong lời đó, ngài trở nên thức tỉnh, không bao giờ về nhà nữa. Điều ấy minh họa cho câu “Tam giới vô an, du như hỏa trạch.” Dục giới, sắc giới và Vô sắc giới không phải là nơi an lạc, nó giống như ngôi nhà lửa.

Kinh Văn: A-nan, nhược phục hữu nhân, biến mãn thập phương, sở hữu hư không, doanh mãn thất bảo, trì dĩ phụng thượng, vi trần chư Phật, thừa sự cúng dường, tâm vô hư độ. Ý vân hà, thị nhân dĩ thử, thí Phật nhân duyên, đắc phước đa phủ?

Việt dịch: A-nan, ví như có người mang bảy thứ báu đầy trong hư không khắp cả mười phương, dâng lên chư Phật nhiều như số vi trần, với tâm cung kính cúng dường không hề xao lãng. Ý ông nghĩ sao, người này do nhân duyên cúng dường chư Phật như thế, được nhiều phước đức hay không?

Giảng: A-nan, ví như có người mang bảy thứ báu đầy trong hư không khắp cả mười phương, dâng lên chư Phật nhiều như số vi trần, với tâm cung kính cúng dường không hề xao lãng.

Bảy thứ báu là vàng bạc, kim ngân, lưu ly, xa cừ, xích châu mã não ở khắp mọi nơi. Rồi người ấy rất cung kính dâng lên vô lượng chư Phật khắp mười phương và lễ bái cúng dường không lúc nào xao lãng.

Ý ông nghĩ sao, người này do nhân duyên cúng dường chư Phật như thế, được nhiều phước đức hay không?

Ông nghĩ sao? Người này đã đem bảy thứ châu báu với một số lượng khổng lồ cúng dường chư Phật. Bởi nhân duyên này, người ấy có được phước báu rộng lớn chăng?

Kinh Văn: A-nan đáp ngôn hư không vô tận, trân bảo vô biên, tích hữu chúng sinh thí Phật thất tiền, xả thân do hoạch chuyển luân vương vị. Huống phục hiện tiền, hư không kí cùng, Phật độ sung biến, giai thí trân bảo. Cùng kiếp tư nghị,

thượng bất năng cập. Thị phúc vân hà, cánh hữu biên tế?

Việt dịch: A-nan đáp rằng, hư không chẳng có giới hạn, trần bảo cũng vô hạn, xưa có người cúng dường Phật bảy đồng tiền, đến khi xả thân, còn được vị Chuyển luân Thánh vương. Huống gì hiện tiền, hư không cùng tận, cõi Phật đã đầy khắp bảy thứ trần bảo cúng dường. Dù có suy nghĩ cùng tận đến vô số kiếp còn không thể biết được. Phước đức ấy làm sao có ngần mé?

Giảng: A-nan thưa: Hư không chẳng có giới hạn, trần bảo cũng vô hạn. xưa có người cúng dường Phật bảy đồng tiền, đến khi xả thân, còn được vị Chuyển luân Thánh vương.

Thuở xưa có người cúng dường Đức Phật bảy đồng tiền, nhờ vậy nên khi mạng chung, tái sinh được làm Chuyển Luân Thánh Vương .

Một vị Chuyển Luân Thánh Vương có một ngàn người con trai. Chẳng biết ông ta có bao nhiêu vợ. Chuyển Luân Thánh Vương có oai đức rất lớn. Ông ta có một cỗ xe có thể đưa ông ta đi khắp Bốn đại bộ châu chỉ trong vài giờ. Cỗ xe ấy có lẽ còn đi nhanh hơn cả tên lửa trong thời hiện đại. Đó là một thứ bảo vật của ông ta.

Còn người này hiện đem bảy thứ báu đầy cả hư không cúng dường khắp vô số cõi Phật. Dù có suy nghĩ cùng tận đến vô số kiếp còn không thể biết được. Phước đức ấy làm sao còn có ngần mé.

Huống gì hiện tiền, hư không cùng tận, cõi Phật đã đầy khắp bảy thứ trần bảo cúng dường. Dù có suy nghĩ cùng tận đến vô số kiếp còn không thể biết được. Phước đức ấy làm sao có ngần mé.

Người dâng cúng cho Đức Phật bảy đồng tiền được hưởng quả báo làm Chuyển Luân Thánh Vương . Nay người đem dâng cúng không chỉ bảy đồng tiền mà gồm bảy thứ trần báu đầy khắp hư không pháp giới. Ngay dù trải qua cùng tận bất tư nghì hư không kiếp số, cũng không bao giờ tính đếm được phước đức của người ấy. Làm sao có thể nói được ngần mé của phước đức ấy. Nó không có giới hạn.

Kinh Văn: Phật cáo A-nan, chư Phật Như Lai, ngữ vô hư vọng. Nhược phục hữu nhân, thân cụ tứ chủng, thập ba-la-di , thuận tức tức kinh, thử phương tha phương, a-tì địa ngục, nãi chí cùng tận, thập phương vô gián, mĩ bất kinh lịch.

Việt dịch: Đức Phật bảo A-nan, chư Phật Như Lai không nói lời hư vọng. Ví như có người phạm bốn tội lớn, mười tội ba-la-di , giây lát phải trải qua địa ngục A-tì ở phương này rồi phương khác, cho đến cùng tột vô số các địa ngục vô gián trong mười phương mà không nơi nào chẳng phải trải qua.

Giảng: Đức Phật bảo A-nan, chư Phật Như Lai không nói lời hư vọng.

Ví như có người phạm bốn tội lớn, mười tội ba-la-di .

Bốn tội nặng là: giết hại, trộm cắp, tà dâm, nói dối. Trong Kinh Thủ-lăng-nghiêm gọi là: “Tứ Chủng Thanh Tịnh Minh Hối ” (Bốn điều chỉ dạy về pháp thanh tịnh sáng suốt) mà quý vị đã được nghe từ trước.

Mười tội ba-la-di là mười giới trọng của giới Bồ-tát. Tội ba-la-di nghĩa là “Khí – vứt bỏ” nghĩa là người phạm tội này xem như bị trôi ra khỏi biển Phật pháp. Mười tội này không thể chỉ sám hối mà thông được. Quý vị có thể nghiên cứu mười giới đầu tiên trong Bồ-tát giới.

Giây lát phải trải qua địa ngục A-tì ở phương này rồi phương khác, cho đến cùng tột vô số các địa ngục vô gián trong mười phương mà không nơi nào chẳng phải trải qua.

Thế nên chỉ trong nháy mắt lẽ ra phải trải qua địa ngục A-tì , ở phương này rồi phương khác. Trải qua cho hết cùng tột vô số các địa ngục vô gián trong suốt khắp thế giới, trong mười phương. Lẽ ra phải trải qua đau khổ vì tội chướng đã tạo trong mỗi địa ngục mà không sót một nơi nào cả.

Kinh Văn: Năng dĩ nhất niệm, tương thử pháp môn, ư mạng kiếp trung, khai thị vị học, thị nhân tội chướng, ưng niệm tiêu diệt. Biến kì sở thọ địa ngục khổ nhân, thành an lạc quốc.

Việt dịch: Nếu người này, dùng một niệm, đem pháp môn này khai thị cho người chưa học trong đời mạt pháp, thì những tội chướng của người ấy liền được tiêu diệt. Biến cái nhân phải chịu khổ địa ngục thành cõi nước an lạc.

Giảng: **Nếu người này, dùng một niệm, đem pháp môn này khai thị cho người chưa học trong đời mạt pháp.** Nhưng nếu người này có thể chỉ trong một niệm đem pháp môn này Đại định Thủ-lăng-nghiêm truyền dạy cho những người chưa học trong đời mạt pháp, thì những tội chướng của người ấy liền được tiêu diệt, nhờ cảm ứng với niệm trên.

Nếu trong đời mạt pháp chỉ đem một niệm, trong một khoảnh khắc ngăn ngừa, truyền dạy pháp môn Thủ-lăng-nghiêm Đại Định cho những người chưa được học hỏi Phật Pháp, **thì những tội chướng của người ấy liền được tiêu diệt** một cách nhanh chóng.

Biến cái nhân phải chịu khổ địa ngục thành cõi nước an lạc.

Tất cả địa ngục lẽ ra người ấy phải chịu khổ thì đều biến thành cõi nước an lạc.

Tất cả các khổ nạn đúng ra anh ta phải chịu trong đủ các loại địa ngục sẽ biến thành nơi bình an vui thích. Anh ta không còn chịu món khổ nào nữa cả.

Kinh Văn: Đắc phước siêu việt, tiên chi thí nhân, bá bội thiên bội, thiên vạn ức bội. Như thị nãi chí, toán số thí dụ, sở bất năng cập.

Việt dịch: Được phước đức vượt hơn người ấy thí cúng trước kia gấp trăm, ngàn, triệu, ức lần. Như thế cho đến toán số thí dụ cũng không thể diễn tả hết được.

Giảng: **Được phước đức vượt hơn người ấy thí cúng trước kia gấp trăm, ngàn, triệu, ức lần.** Phước đức người ấy được hưởng vượt trội hơn hẳn phước đức của người bố thí cúng dường trước kia.

Phước đức của người giảng nói Kinh Thủ-lăng-nghiêm vượt trội hơn phước đức có được do bố thí, cúng dường bảy thứ báu đầy

cõi hư không, khắp cả pháp giới lên chư Phật Như Lai nhiều như vi trần. Nếu quý vị có thể giảng nói Kinh Thủ-lăng-nghiêm cho những người chưa hiểu được Phật Pháp, thì phước đức ấy vượt trội hơn hẳn phước đức của người bố thí cúng dường gấp trăm, ngàn, triệu, ức lần. Như thế cho đến dùng tính toán thí dụ cũng không thể nào diễn tả cho được. Quý vị sẽ hưởng được phước báu nhiều hơn người kia, không có cách nào để diễn tả được phước ấy lớn đến chừng nào.

Kinh Văn: A-nan nhược hữu chúng sinh, năng tụng thủ kinh, năng trì thủ chú, như ngã quảng thuyết, cùng kiếp bất tận. Y ngã giáo ngôn, như giáo hành đạo, trực thành bồ-đề, vô phục ma nghiệp.

Việt dịch: A-nan, nếu có chúng sanh biết tụng kinh, biết trì niệm thần chú này, dù Như Lai có nói đến cùng tận số kiếp cũng không hết được. Nếu theo lời chỉ dạy của Như Lai, y theo lời dạy mà tu hành, thì thẳng đến đạo bồ-đề, không bị các ma nghiệp.

Giảng: A-nan, nếu có chúng sanh biết tụng kinh, biết trì niệm thần chú này.

Nếu có chúng sanh trong đời tương lai biết tụng kinh, trì niệm thần chú này, **dù Như Lai có nói đến cùng tận số kiếp cũng không hết được** lợi lạc to lớn của người ấy.

Nếu tôi nói thật chi tiết về phước báu của người trì tụng Kinh Thủ-lăng-nghiêm và người trì chú Thủ-lăng-nghiêm. Dù trải qua bao nhiêu đại kiếp vẫn không nói xong hết được phước báu ấy.

Nếu theo lời chỉ dạy của Như Lai, y theo lời dạy mà tu hành, thì thẳng đến đạo bồ-đề, không bị các ma nghiệp.

Y theo lời chỉ dạy của Như Lai, tùy thuận tu tập giáo lý ấy sẽ thành tựu sự giác ngộ, không còn bị các ma nghiệp.

Theo phương pháp này mà tu hành, quý vị sẽ thành tựu quả vị bồ-đề ngay, không còn vướng phải ma nghiệp nào nữa.

Kinh Văn: Phật thuyết thử kinh dĩ, tử-khưu, tử-khưu-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, nhất thiết thế gian, thiên nhân a-tu-la , cập chư tha phương bồ-tát nhị thừa, thánh tiên chủng tử, tính sơ phát tâm đại lực quý thần, giai đại hoan hỷ, tác lễ nhi khứ.

Việt dịch: Khi Đức Phật nói kinh này rồi, các vị tử-khưu, tử-khưu-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, các loài trời, người, a-tu-la trong thế gian. Cùng các vị Bồ-tát, hàng Nhị thừa, Thánh, Tiên, Đồng tử ở các cõi khác, cùng với loại Đại lực quý thần mới phát tâm, tất cả đều hoan hỷ đánh lễ rồi lui ra.

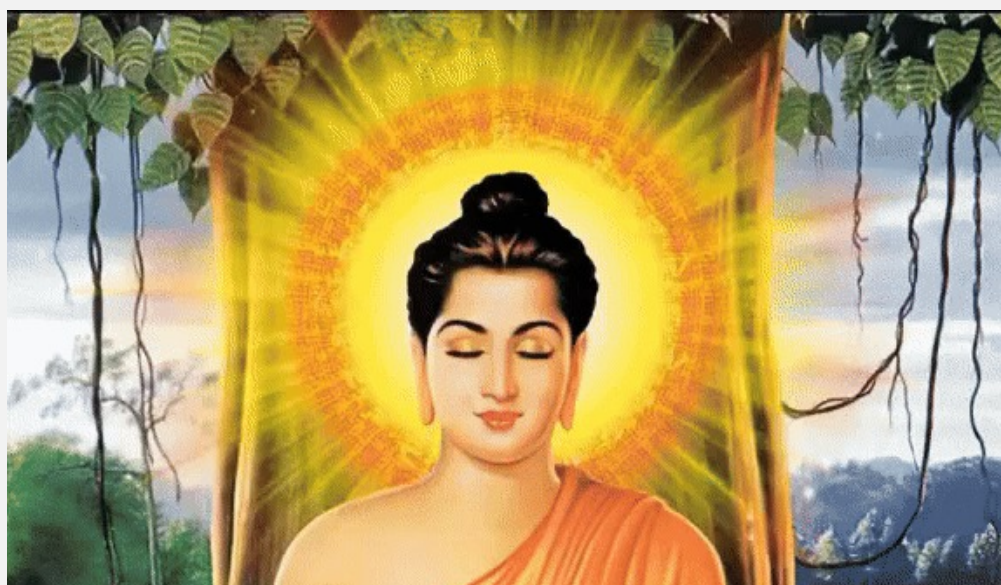
Giảng: Khi Đức Phật nói kinh này rồi, các vị tử-khưu, tử-khưu-ni, ưu-bà-tắc. Ưu-bà-tắc là tiếng Phạn, nghĩa tiếng Hán là “cận sự nam.” Có nghĩa là người cư sĩ thân cận với Đức Phật.

Ưu-bà-di, các loài trời, người, a-tu-la trong thế gian.

Bây giờ quý vị đều đã hiểu được a-tu-la là gì rồi. Họ rất nóng tính và rất thích đánh nhau. Một vị đệ tử của tôi nói rằng: Con chó của ông ta là a-tu-la. Có thể chính ngay ông ta là a-tu-la cũng nên? Nhưng tôi tin rằng sau khi quý vị đã nghe Kinh Thủ-lăng-nghiêm rồi, quý vị sẽ trở thành Bồ-tát, không còn tập khí nóng nảy của a-tu-la nữa.

Cùng các vị Bồ-tát, hàng Nhị thừa và Duyên giác, Thánh, Tiên, Đồng tử (Đồng tử là các vị đồng chơn nhập đạo) ở các cõi khác. Cùng với loại Đại lực quý thần mới phát tâm. Tất cả đều hoan hỷ đánh lễ rồi lui ra.

== HẾT ==





KỆ HỒI HƯƠNG

Nguyện đem công đức này

Trang nghiêm Phật Tịnh Độ

Trên đền bốn ân nặng

Dưới cứu khổ tam đồ

Nếu có ai thấy nghe

Đều phát lòng Bồ Đề

Hết một báo thân này

Cùng sanh cõi Cực Lạc





Nam Mô Hộ Pháp Vi Đà Tôn Thiên Bồ Tát

[Download now](#)

KINH THỦ LĂNG NGHIỆM

PDF



[Download now](#)

IDrive

Google

icedrive

KINHLANGNGHIEM.WEEBLY.COM

0 nhận xét:

Đăng nhận xét

Nếu bạn muốn để lại nhận xét, hãy nhấp vào nút dưới đây để đăng nhập bằng Google.

ĐĂNG NHẬP BẰNG GOOGLE

[Trang chủ](#)

Search

Tim kiếm

Popular Posts

[Đặng Văn Quý](#) 17/03/1991

NAM MÔ BỔN SỰ THÍCH CA MÂU NI PHẬT ± Tắt Thu Phóng (OFF Zoom OU...

Recent Posts

Unordered List

Text Widget

Pages

[Trang chủ](#)

Blog Archive

▼ 2012 (1)

▼ tháng 4 (1)

[Đăng Văn Quý 17/03/1991](#)